

**Bản thảo (chưa hoàn chỉnh) chỉ để thảo luận tại Hội thảo Hà ở
Singapore
Xin đừng trích dẫn hoặc đăng lại bản này**

=====

**Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong
phương chí Trung Hoa
[Phương chí Trung Hoa
với những ghi chép về phía biển cực nam]**

Phạm Hoàng Quân

***Đề dẫn**

Chủ đề về phương chí Trung Hoa đã được trình bày tổng quan và in trên một tuần san trước đây ¹, khảo luận này được phát triển trên cơ sở ấy, với hai mục đích. Thứ nhất, nhằm tìm hiểu về một loại hình trữ tác rất đặc biệt trong kho thư tịch cổ Trung Hoa; thứ hai, nhằm vào việc sưu tập và nghiên cứu các tư liệu cổ liên quan đến biển Đông.

Xét về giá trị, phương chí là loại sách lịch sử địa lý tối trọng yếu trong kho tàng văn hiến Trung Hoa, thường được biên soạn công phu, in ấn với số lượng rất hạn chế và bị mất mát cũng khá nhiều, các nước phương Tây và Nhật xem loại sách này như là những tài liệu cơ bản để nghiên cứu địa - chính trị cổ đại. Thống kê năm 1958 của Chu Sĩ Gia trong *Trung Quốc địa phương chí tổng lục* cho thấy 41 thư viện lớn ở đại lục giữ được 7.413 tựa (109.143 quyển), phần lớn tập trung ở Bắc Kinh², việc thu thập phương chí cổ vẫn duy trì và đến năm 1985, tổng số tăng thêm với khoảng 8.200 tựa ³. Những năm chiến tranh cuối Thanh đầu Dân Quốc, khoảng hai phần ba số sách phương chí cổ đã về tay người nước ngoài. Theo những số liệu thống kê trước năm 1980, Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ giữ 3.750 tựa (khoảng 60.000 quyển), Thư viện Viện Yên Kinh Đại học Harvard (Harvard-Yenching Institute) giữ 3.525 tựa, Thư viện Viễn Đông Đại học Chicago giữ 2.700 tựa, thư viện các đại học Anh Quốc giữ 2.516 tựa, thư viện các đại học Nhật Bản giữ 2.866 tựa, thư viện các đại học châu Âu giữ 2.590 tựa ⁴... Trước đây, ông Joseph Needham ⁵, một chuyên gia về lịch sử văn minh Trung Hoa, Hội trưởng Hiệp hội tìm hiểu Anh - Trung tại Anh Quốc nói: “Nền văn hóa cổ đại của Hy Lạp cho đến cận đại của Anh Quốc đều không để lại được trong kho tàng văn hiến của mình một loại hình trữ tác tương tự như phương chí Trung Quốc”⁶.

Trong kho tàng thư tịch cổ Trung Hoa, các chuyên mục địa lý chí trong chính sử tuy liên tục và có hệ thống, nhưng chỉ chú trọng địa lý hành chính 7, muốn tìm hiểu cặn kẽ và chi tiết về hiện trạng tự nhiên và nhiều mặt hoạt động của những địa phương thì phải tìm đến phương chí. Phương chí là nơi chứa đựng những thông tin bách khoa, biên chép rõ và cụ thể về các đơn vị hành chính, quá trình thay đổi tên gọi, tách nhập đất đai, về núi sông thành trấn, đường sá thủy bộ, dữ liệu kinh tế, tình hình văn hoá, nhân vật...., với những đặc tính mang nhiều ưu điểm như vậy, phương chí cũng được xem là sách lịch sử địa phương. Loại hình phương chí ra đời sau chính sử [địa lý chí], sau các chuyên thư về địa lý – du ký và sau việc soạn vẽ địa đồ, và do phối hợp, phát triển từ các loại hình này cộng thêm việc ghi chép chi tiết về tình hình xã hội, kinh tế và văn hoá nên dần dần nó trở thành loại sách công cụ để các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương theo dõi tình hình đất đai, nhân sự, công sở, binh bị, giao thông, văn hóa, kinh tế, sản vật...thuộc địa bàn được đề cập.

Trong khảo luận này, tôi sẽ giới thiệu tổng quan về các bộ phương chí được thực hiện do sự chỉ đạo của hoàng đế các triều đại Trung Hoa, cùng với những phương chí tư tuyển nhưng được triều đình thừa nhận và được học giới đề cao. Về *tổng chí* sẽ khảo sát các bộ qua các triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh; về *thông chí* sẽ khảo sát các bộ thuộc địa bàn Quảng Đông; về *địa phương chí* sẽ khảo sát bộ viết về đảo Quỳnh Châu. Bên cạnh phần tổng quan là phần trích dịch các phần/mục có liên quan đến cương giới biển phía cực nam Trung Hoa. Do đặc tính kế thừa trong việc biên soạn phương chí, nhiều nội dung bị trùng lặp sẽ chỉ chọn dịch mẫu đại diện.

MỤC LỤC

I. Khái niệm và đặc tính phương chí

II. Tổng chí

III. Thông chí

IV. Địa phương chí

V. Tổng luận

Phụ lục, Một số trang chụp sách phương chí cổ

Thư mục tham khảo

I. Khái niệm và đặc tính phương chí.

Phương chí 方志 [誌], với nghĩa *chép rõ về một nơi*, là thuật ngữ để gọi chung cho loại sách lịch sử địa lý mang tính đặc thù của Trung Quốc. Tên gọi phương chí được biết đến sớm nhất qua sách Chu Lễ 周禮, thiên Địa Quan 地官 trong sách này cho biết chức quan Thổ Huấn 土訓 coi về địa đồ, chức quan Tụng Huấn 誦訓 coi về phương chí, trong bối cảnh thời nhà Chu, phương chí được hiểu giới hạn trong việc thu thập thông tin về sông núi, phong tục, vật sản, ngôn ngữ bốn phương gần xa, ở triều đình, quan Tụng Huấn có nhiệm vụ giải đáp thắc mắc cho Hoàng đế trong lĩnh vực này, khi Hoàng đế đi tuần, quan Thổ Huấn và quan Tụng Huấn đi hầu bên xe⁸. Phương Tây cũng có loại hình trữ tác gần giống với phương chí Trung Hoa là loại sách nghiên cứu khu vực [regional study], tuy nhiên việc phân bố đề mục và tiêu chí thu thập tư liệu giữa hai loại có nhiều điểm khác biệt. Do không có thuật ngữ tương đương nên trong Anh ngữ, từ phương chí thường được chuyển ngữ theo hình thức nắm bắt tính chất, có khi là gazetteer [trong hệ thống thư mục của Harvard-Yenching, 1975], hoặc local topography [Joseph Needham, 1959; Oxford, A.S. Hornby, 1977], hoặc local records [Chinese-English Dictionary, CPI, 2007], hoặc local gazetteer [Chen, Hong Kong, 1965]⁹, hoặc the economic development and geographical changes [Chen, W. Germany, 1962]¹⁰. Trong tiếng Việt, xưa dùng các từ địa chí, chí, nay thông dụng từ địa chí, các từ này có thể xem là tương ứng với phương chí.

Về đại thể, có thể chia phương chí làm 3 loại: 1/ tổng chí 總志 (chép về cả nước); 2/ thông chí 通志 (chép về một tỉnh); 3/ địa phương chí 地方志 (chép về phủ, sảnh, châu, huyện, hương, trấn...). Phần nhiều các bộ tổng chí và thông chí được tiến hành qua chỉ dụ của hoàng đế, được thực hiện bởi sự chỉ đạo và tham gia trực tiếp của các đại thần và quan đứng đầu địa phương. Các địa phương chí thì được thực hiện tự phát, thường là bởi các vị quan trấn nhậm tài giỏi có tinh thần chú trọng thực học, họ biên soạn địa phương chí với nhu cầu đào luyện và phát huy kiến thức, khi hoàn thành, đa số các công trình này được dâng lên hoàng đế coi xét, những bộ địa phương chí tốt sẽ được sử dụng như là tài liệu tham khảo cho hoàng đế và đình thần, một mặt cũng làm cơ sở dữ liệu cho việc biên soạn tổng chí hoặc thông chí và tác giả của chúng được xem là người cai trị nắm bắt sâu sát tình hình địa phương với sự ưu ái hơn trong việc đề bạt thăng tiến.

Tổng chí tương đối hoàn chỉnh [Nguyễn Hòa Quận huyện đồ chí, năm 813] xuất hiện sau loại hình chính sử [Sử ký, ~ năm 100 tr.cn] gần một ngàn năm. Thông chí khá hoàn chỉnh của một số tỉnh được thực hiện thời Minh,

cho khắp các tỉnh toàn Trung Hoa được lệnh thực hiện năm 1729 [Thanh, Ung Chính năm thứ 7], nhiều bộ thông chí được soạn nối thêm [tục tu, trùng tu] đến 5, 6 lần.

Trong thư mục truyền thống [kinh-sử-tử-tập], phương chí các loại thuộc Sử bộ, Địa lý loại; tổng chí xếp vào Địa lý loại - Tổng chí, thông chí và địa phương chí xếp vào Địa lý loại- Đô hội quận huyện **11**. Thư viện Đại học Thanh Hoa phối hợp phương pháp phân loại thập tiến Dewey với phương pháp phân loại truyền thống kinh-sử-tử-tập, xếp loại sách phương chí thuộc Sử bộ, tổng chí vào nhóm mã số 300, thông chí và địa phương chí vào nhóm mã số 310. Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ xếp phương chí vào nhóm Địa lý và Nhân loại học [nhóm ký hiệu G.] **12**. Thư viện Quốc hội và các đại học Nhật Bản xếp phương chí vào nhóm Sử [nhóm VII], loại Du địa [loại 5] **13**.

II. Tổng chí

Dựa vào tính chất và thể lệ trong nội dung thiên Vũ Công sách *Thượng Thư* **14** đã số học giả cho rằng đây là mô thức sơ khởi của loại hình tổng chí. Vũ Công xuất hiện trong bối cảnh nhà Hạ (2205 tr.cn- 1766 tr.cn), nội dung viết rằng sau khi làm xong công việc trị thủy, “vua Vũ chia đất làm chín châu, dựa theo thế núi, dẫn cây làm dấu, định các núi cao sông lớn” **15**. Chín châu được phân chép cụ thể gồm: 1/ Ký châu 冀州, nay ở khoảng tỉnh Sơn Tây, 2/ Duyện Châu 兗州, khoảng Sơn Đông, 3/ Thanh châu 青州, khoảng Sơn Đông, 4/ Từ châu 徐州, khoảng Giang Nam, 5/ Dương châu 揚州, khoảng Giang Nam, 6/ Kinh châu 荊州, khoảng Hồ Nam và Hồ Bắc, 7/ Dự châu 豫州, khoảng Hà Nam, 8/ Lương châu 梁州, khoảng Tứ Xuyên, 9/ Ung châu 雍州, khoảng Thiểm Tây và Cam Túc. Mỗi châu chép về các đối tượng: mạch núi lớn, dòng chảy sông lớn, thổ nhưỡng, sản vật, thuế ruộng đất, giao thông và các tộc dân. Nhà Hạ trong lịch sử Trung Hoa thuộc vào thời đại nửa truyền thuyết nửa tín sử, và sách *Thượng Thư* chỉ được biết đến vào thời Hán, tức chép lại sự việc lưu truyền từ hai ngàn năm trước, vì vậy chỉ nên xem *Thượng Thư* là nơi bày tỏ thể giới quan của người thời Tần, Hán. Tên gọi “Vũ Công” với nghĩa “việc nộp cống thời vua Vũ”, qua việc phân hoạch vùng miền để áp định mức thuế, nội dung phần viết này gián tiếp diễn tả sơ lược nhưng có hệ thống tình hình địa lý tự nhiên và nhân văn của nước Trung Hoa thời nhà Hạ. Lời văn trong thiên Vũ Công ngắn gọn, việc phân bố đất đai thành chín **châu** được coi là mô thức để các triều đại sau này phân cấp **bộ, châu, đạo** và hiện nay gọi là **tỉnh**, các ghi chép phản ánh tình hình

của từng châu như được tuân thủ theo một đề cương nhất quán, tạm đủ để người sau dựa vào đó mà triển khai thành mô hình tổng chí.

Từ Hán đến Tùy, các ghi chép theo mô hình tổng chí đều không còn, trong bộ chính sử *Tùy thư*, phần Kinh tịch chí còn lưu vài tên sách và trong lời bạt cho tiểu mục sử bộ - địa lý loại cũng dẫn hai bộ tổng chí tiêu biểu đương thời là *Khu vũ đồ chí* và *Chư Châu đồ kinh* **16**. Năm Đại Nghiệp thứ năm (609), Thôi Trách nhận chiếu thực hiện *Khu vũ đồ chí* 區宇圖志, 250 quyển, khi hoàn thành, Tùy Dạng đế cho là chưa đạt, lại lệnh cho Ngu Thế Cơ 虞世基 và Hứa Thiện Tâm 許善心 soạn thêm, tăng lên thành 600 quyển **17**. *Khu vũ đồ chí* nay không còn, các ghi chép về nó như tên tác giả, số quyển cũng bất nhất, người thời Thanh là Vương Mô trong *Hán Đường địa lý thư sao* viết một đoạn văn mô tả *Khu vũ đồ chí* và chỉ sưu tập được 3 điều từ sách này do *Thái Bình ngự lãm* trích lục và 3 điều do *Thái Bình hoàn vũ ký* trích lục **18**. *Chư Châu đồ kinh* 諸州圖經 hay còn gọi là *Tùy châu quận đồ kinh*, 100 quyển 隋州郡圖經一百卷 của Lang Úy Chi 郎蔚之 còn lưu lại được phần nội dung khá hơn *Khu vũ đồ chí*, trong *Thái Bình ngự lãm* giữ được 120 điều, *Thái Bình hoàn vũ ký* giữ được 128 điều và *Dư địa quảng ký* giữ được 9 điều, *Sự văn loại tụ* giữ được 1 điều, cộng chung trong 62 trang bản in khắc **19**. Các điều còn sót lại từ *Chư châu đồ kinh* lẻ tẻ, không trọn vẹn cho châu, quận nào, có nhiều chi tiết cho thấy do người thời Đường chép thêm vào **20** và không có điều mục liên quan đến cương giới cực nam.

Thời Đường, tổng chí khá hoàn chỉnh đầu tiên được biên soạn vào đời Đường Hiến Tông 唐憲宗, do Tể tướng Lý Cát Phủ 李吉甫, làm xong năm 813, nhằm năm Nguyên Hòa thứ 8, nhân đó gọi tên *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí* **21**. Lý Cát Phủ (758- 814) tự Hoàng Hiến 弘憲, người huyện Tấn Hoàng đạo Hà Bắc. Từng giữ các chức Thái thường bác sĩ, Trung thư thị lang, nhiều năm trấn nhậm địa phương, hai lần giữ chức Tể tướng [vào năm Nguyên Hoà thứ 2 và thứ 6], Đại học sĩ Tập hiền viện, Giám tu quốc sử.

Nguyên Hòa quận huyện đồ chí 元和郡縣圖志 là tên gọi ban đầu, theo lời tựa của Lý Cát Phủ thì sách này có các địa đồ đính kèm, nên tên sách có chữ đồ, về sau, phần địa đồ không còn, nên tiêu đề trong mục lục “Tứ khó toàn thư - Sử bộ” viết là *Nguyên Hòa quận huyện chí*. Phần đề yếu sách này trong Tứ khó cũng cho biết “trước đây có 47 bức địa đồ ở đầu phần viết về các trấn, đến thời Tống thì mất”. Đây là bộ tổng chí được liệt hạng xưa nhất, gồm 40 quyển (nay chỉ còn 34 quyển), phản ánh cơ cấu hành chính 10 **đạo** đã thiết lập năm đầu Trinh Quán (627) và việc chuẩn định phân cấp **phủ, châu, huyện** vào năm Trinh Quán thứ mười ba (639). Bộ cục sách lấy đơn vị hành chính cấp Đạo, Phủ làm cương, mô tả tổng quan lịch sử diên cách,

địa giới hiện tại [tứ chí bát đảo], tổng số hộ, thuế thu bằng sản vật; kể đến là phân chép về từng Châu, Huyện, trong mỗi châu/ huyện phân mục chép về khoảng cách đến lý sở chủ quản, dặm đường đến bốn nơi xung quanh, lịch sử diên cách, sông núi, thành trấn, di tích, vật sản. Bắt đầu là Kinh Triệu phủ 京兆府 [đế đô, Tây An] thuộc Quan Nội đạo 關內道 chép lần lượt các đạo, đến cuối cùng là Lũng Hữu đạo 隴右道. Lĩnh Nam đạo 嶺南道 phân chép trong 5 quyển [từ quyển 34 đến 38], Lĩnh Nam đạo 2 (quyển 35) nằm trong số 6 quyển đã mất, chỉ còn lưu được mục lục tên các châu, qua danh mục 15 châu này thấy có 5 châu Nhai 崖, Quỳnh 瓊, Chấn 振, Đam 儋, Vạn An 萬安 là nằm trên phần đất đảo Hải Nam, so với Địa lý chí trong *Cựu Đường thư* thì số châu tương đồng **22**.

Vài học giả thời Thanh đã tham khảo các tài liệu xuất hiện trước sau thời Đường để viết thêm bộ *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí* 元和郡縣補志 **23** [v.t. *Bổ chí*] nhằm phục dựng 6 quyển đã mất trong *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*. *Bổ chí* hoàn thành năm Càn Long thứ 40 (1775) do hai cha con Nghiêm Quan 嚴觀, Nghiêm Tiên Phủ 嚴進甫 kế thừa sơ thảo của Uông Sĩ Hoành 汪士鉉 **24**. *Bổ chí* cho thấy đảo Quỳnh [Hải Nam ngày nay] vào đời Đường gồm 5 châu Nhai, Quỳnh, Chấn, Đam, Vạn An, đều thuộc đạo Lĩnh Nam.

Trích dịch:

Trích mục lục *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí*

Lĩnh Nam đạo.....

Nhai Châu, [3 huyện] Xá Thành, Trừng Mai, Văn Xương.

Quỳnh Châu, [5 huyện] Quỳnh Sơn, Lâm Cao, Tăng Khẩu, Lạc Hội, Nhan La.

Chấn Châu, [5 huyện] Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn.

Đam Châu, [5 huyện] Nghĩa Luân, Xương Hoá, Cẩm Ân, Lạc Trường, Phú La.

Vạn An Châu, [4 huyện] Vạn An, Lăng Thủy, Phú Vân, Bác Liêu.

[嶺南道....崖州: 舍城, 澄邁, 文昌. 瓊州: 瓊山, 臨高, 曾口, 樂會, 顏羅. 振州: 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川, 落屯. 儋州: 義倫, 昌化, 感恩, 洛場, 富羅. 萬安州: 萬安, 陵水, 富雲, 博遼.] **25**

Trích dịch phần viết về châu Chấn [châu ở cực nam đảo Quỳnh]

Châu Chấn [Chấn châu], 819 hộ. (án)**26**, Đất này với quận Châu Nhai cùng thuộc quận Lâm Chấn trong đời Tuỳ Đại Nghiệp, lại gọi quận Ninh Viễn. [nhà Đường] Năm Võ Đức thứ năm [622] đặt châu Chấn, năm đầu Thiên Bảo [742] đổi làm quận Lâm Chấn, năm đầu Càn Nguyên [758] đặt trở lại là châu Chấn.

Địa giới, tám nơi đến:

Bắc đến Thượng Đô²⁷ 8.606 dặm

Bắc đến Đông Đô ²⁸ 7.797 dặm

Đông đến châu Vạn An 160 dặm

Nam đến biển lớn 7 dặm

Tây đến châu Đam 420 dặm

Bắc đến châu Quỳnh 450 dặm

Đông nam đến biển lớn 27 dặm

Tây nam đến biển lớn 10 dặm

Tây bắc đến huyện Diên Đức 90 dặm

Đông bắc đến châu Quỳnh 450 dặm

Thuế nộp: vàng, mâm [nia] mây 5 màu, vải dệt sợi mộc miên [hoa gạo] để bày thức ăn.

Quản lý 5 huyện: Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đồn.

Huyện Ninh Viễn. (án), Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên đều là đất huyện Lâm Trần thuộc quận Uất Lâm thời Hán, thời Tuỳ có đặt diêm [trường] ở huyện này.

Sông Ninh Viễn đến huyện trị 1 dặm (nguyên văn)²⁹.

Huyện Diên Đức, phía tây đến châu trị 70 dặm.

(án), huyện này đặt thời Tuỳ, thuộc châu Nhai; thời Đường thuộc châu Chấn.

Sông Diên Đức đến huyện trị 1 dặm (nguyên văn)

Huyện Cát Dương, đông bắc đến châu trị 90 dặm.

Năm Trinh Quán thứ hai [628] đặt làm huyện, tách từ Ninh Viễn (nguyên văn)

Huyện Lâm Xuyên, đông nam đến châu trị 80 dặm.

(án), huyện đặt thời Tuỳ, thuộc châu Nhai. Vốn xưa là huyện Lâm Trần. Năm [Tuỳ] Khai Hoàng thứ mười [590] lấy huyện này ban cho Tiên Phu nhân ở Cao châu làm ấp thang mộc, sau bỏ [lệnh ấy], trong niên hiệu Đại Nghiệp [605-617] lại đặt làm huyện. Thời Đường đổi tên huyện là Lâm Xuyên.

Huyện Lạc Đồn, đông bắc đến châu trị 200 dặm.

(án), huyện này đặt sau niên hiệu Thiên Bảo [742-756].

[振州, 戶八百一十九. 案 土地所屬與珠崖郡同隋大業中爲臨振郡又曰寧遠郡. 武德五年置振州, 天寶元年仍爲臨振郡, 乾元元年復爲振州州境, 八到北至上都八千六百六里

北至東都七千七百九十七里

東至萬安州百六十里

南至大海七里

西至儋州四百二十里

北至瓊州四百五十里

東南至大海二十七里

西南至大海十里

西北至延德縣九十里

東北至瓊州四百五十里

貢賦, 貢: 金, 五色藤盤, 斑布食單

管縣五: 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川, 落屯

寧遠縣, 案 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川皆漢臨塵縣地屬鬱林郡, 此縣隋置有鹽寧遠水去縣一里 原文

延德縣, 西至州七十里. 案 隋置縣屬崖州唐屬振州

延德水去縣一里 原文

吉陽縣, 東北至州九十里. 貞觀二年析寧遠置 原文

臨川縣, 東南至州八十里, 案 縣隋置屬崖州本臨塵故縣也開皇十年以縣賜高涼* [州] 洗夫人爲湯沐邑後廢大業中又置唐改名臨川

落屯縣, 東北至州二百里. 案 天寶後置]

[元和郡縣補志, 卷八, 嶺南道, 頁 21,22] 30

Cũng trong thời Đường, trước niên hiệu Nguyên Hoà đã có ba bộ tổng chí. Bộ thứ nhất là *Quát địa chí* do Lý Thái chủ biên [李泰, 括地志], hoàn thành năm Trinh Quán thứ mười sáu (642), bộ này mất gần hết, nguyên tác 550 quyển nay chỉ còn 8 quyển. Bộ thứ hai là *Thập đạo thuật* của Tể tướng Giả Đàm [賈耽, 十道述], làm xong trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-804), cũng bị mất gần hết, những ghi chép tàn sót được tập hợp bởi Vương Mô trong *Hán Đường địa lý thư sao*, với tiêu đề *Giả Đàm quận quốc huyện đạo ký* [賈耽郡國縣道記]. Bộ thứ ba biết được qua tài liệu Đôn Hoàng, phần văn thư, số hiệu 518, bộ phận Địa chí tàn sót có một xấp ghi chép mang hình thức tổng chí, các nhà khảo cổ xác định tài liệu này được làm ra trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-755), do đã mất phần tên sách, nên tài liệu này được học giả Hường Đạt 向達 – người đầu tiên khảo sát - đặt tên là *Đường Thiên Bảo sơ tàn địa chí* 31. Một khảo thích căn cứ của Vương Trọng Lạc về nhiều tài liệu phương chí tìm được ở động Đôn Hoàng được xuất bản năm 1993, trong đó *Đường Thiên Bảo sơ tàn địa chí* được gọi là *Đường Thiên Bảo sơ niên địa chí tàn quyển khảo thích* 32, đoạn tư liệu liên

quan đến châu Chấn chỉ còn 35 chữ, gồm tên châu Chấn, quận Diên Đức, 4 huyện Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương và La Xuyên [viết sai từ Lâm Xuyên], số hương và số thuế thu. Trích dịch đoạn dưới đây gồm nguyên văn gõ lại từ bản Đôn Hoàng và phần hiệu điểm, khảo thích của Vương Trọng Lạc:

“Khảo thích tài liệu địa chí tàn sót những năm đầu niên hiệu Thiên Bảo nhà Đường.

...

Quận Diên Đức, như chuẩn [hạng hạ] của châu Chấn trước đây, Ninh Viễn [hạng trung] có hai hương, 270 hộ, Diên Đức [hạng hạ], hai hương, 357 hộ, Cát Dương [hạng hạ], hai hương, 250 hộ, La* Xuyên [hạng hạ], một hương, 260 hộ (nguyên văn)

Khảo thích, Châu Chấn đặt trị sở tại Ninh Viễn, nay là Thị trấn Nhai Thành ở phía tây huyện Nhai đảo Hải Nam; Diên Đức đặt trị sở ở gần Thị trấn Phật La phía tây nam huyện Lạc Đông đảo Hải Nam ngày nay; Cát Dương đặt trị sở gần Thị trấn Đằng Kiều, phía đông bắc huyện Nhai đảo Hải Nam ngày nay; La* Xuyên, các sách địa chí đều viết là Lâm Xuyên, nay là huyện Nhai tỉnh Quảng Đông. Châu Chấn lãnh 4 huyện, gồm 7 hương.

唐天寶初年地志殘卷考釋

.....

延德 [郡] 振 [州] [下] 准前 寧遠 [中] 二 [鄉] 二百七十 [千] 延德 [下] 二 [鄉] 三百五十七 [千] 吉陽 [下] 二 [鄉] 二百五十 [千] 羅川 [下] 一 [鄉] 二百六十 [千]. (原文)

考釋曰: 振州治寧遠, 今海南島崖縣西崖城鎮. 延德治今海南島樂東縣西南佛羅鎮附近. 吉陽治今海南島崖縣東北籐橋鎮附近. 羅川諸志作臨川, 今廣東崖縣. 振州領四縣凡七鄉.

[敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲榮 著- 鄭宜秀 整理, 上海古籍出版社, 1993. (頁 57)]³³

Nhận xét,

Trên nguyên tắc sử liệu, tổng chí thời Đường là Nguyên Hòa Quận huyện đồ chí khuyết phần viết về vùng đất cuối cùng phía biển nam. Tên gọi của 5 đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh còn lưu được ở phần Mục lục trùng khớp với biên chép trong chính sử, qua đó có thể dựa vào Cựu – Tân Đường thư để kết luận về cương giới nhà Đường về phía biển cực nam ³⁴, hai bộ chính sử này cho thấy hai huyện Ninh Viễn và Lâm Xuyên thuộc châu

Chấn ở phía cực nam, không ghi nhận về nhóm đảo hoặc đảo nào về phía biển nam.

. Bổ chí thời Thanh thu thập tư liệu từ các phương chí thời Đường và hai bộ chính sử để phục dựng phần khuyết về đảo Quỳnh, nên cũng không cho tư nào mới lạ. Bổ chí chép về phía cực nam đảo Quỳnh là hai huyện Ninh Viễn và Lâm Xuyên thuộc châu Chấn, không ghi nhận về nhóm đảo hoặc đảo nào về phía biển nam.

Tổng chí trong thời Thiên Bảo chép về số liệu thuế thu có vẻ chi tiết, nhưng không còn lưu được phần chép về địa giới nên cũng không nhận định được gì thêm.

Thời Tống, nhiều bộ tổng chí được triều đình tổ chức biên soạn, lấy tiêu chí chính thống làm chuẩn thì đáng kể trước là các sách *Nguyên Phong Cửu vực chí* của Vương Tồn [王存, 元豐九域志], *Cửu châu tổng yếu* của Vương Nhật Hưu [王日休, 九丘總要], *Hoàng triều quận huyện chí* của Phạm Tử Trường [范子長, 皇朝郡縣志], *Hoàng triều phương vực chí* của Vương Hy Tiên [王希先, 皇朝方域志], *Tường Phù châu huyện đồ kinh* của Lý Tông Ngạc và Vương Tăng [李宗諤 - 王曾, 祥符州縣圖經]. Trong các bộ kể trên, chỉ có *Nguyên Phong Cửu vực chí* là còn toàn vẹn, *Tường Phù châu huyện đồ kinh* với quy mô lớn, đến 1.566 quyển, làm xong năm Đại Trung Tường Phù thứ ba (1010), nay chỉ còn vài quyển lẻ mẻ, mấy bộ còn lại chỉ thấy chép tên sách trong các sách thư mục thời Tống.

Nguyên Phong Cửu vực chí (35), làm xong năm Nguyên Phong thứ ba (1080), do Nghị Lang đồng tu Quốc sử quán Vương Tồn nhận sắc chỉ biên soạn. Vương Tồn (1023-1101) tự Chính Trọng 正仲, người huyện Đan Dương (Giang Tô), đỗ tiến sĩ năm Khánh Lịch thứ sáu (1046), làm quan trải qua các chức Trứ tác tá lang bí thư Tỉnh, Tri thái thường Lễ viện, Thượng thư tả thừa. Sách *Nguyên Phong Cửu vực chí* nhập Tứ khố toàn thư- Sử bộ.

Tên sách này phối hợp niên hiệu biên soạn [Nguyên Phong] và từ cửu vực mà thành, cửu vực thoát từ khái niệm “cửu châu phong vực [chia bờ cõi chín châu]” trong thiên Vũ Cống, đây là hình thức dụng điển để đặt tên sách, ngoài ra, cũng cần lưu ý thêm các từ khác như cửu nguyên 九原, cửu khâu 九丘 cửu hữu 九圉 [有] cũng đồng nghĩa cửu châu. *Nguyên Phong Cửu vực chí* có thể được hiểu là “tổng chí biên soạn trong niên hiệu Nguyên Phong”. Tổng chí này tuy ra đời sau sách *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí* nhưng quy mô kém hơn, chỉ có 10 quyển [*Nguyên Hòa* 40 quyển], với tổng số chữ ước gần phân nửa *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí*.

Theo bài Biểu dâng sách của Vương Tồn thì *Nguyên Phong Cửu vực chí* chép về các đơn vị hành chính từ trung ương đến cấp huyện tổng cộng gồm

23 lộ, 4 kinh phủ [phủ trực thuộc trung ương], 10 thứ phủ [phủ thuộc lộ], 242 châu, 37 quân, 4 giám, 1.235 huyện³⁶. Có điểm cần lưu ý về con số các lộ trong *Nguyên Phong Cứu vực chí*, bài biểu của Vương Tồn cho biết có 23 lộ, nhưng ở mục lục sách thấy chép 24 lộ, [cùng 4 kinh, các châu hoá ngoại, các châu ki mi]³⁷. Con số 24 lộ phù hợp với *Tống sử*, bài Tổng luận mục Địa lý chí trong *Tống sử* viết: “trong niên hiệu Nguyên Phong [1078-1085] chia toàn quốc thành 24 lộ. Năm Tuyên Hoà thứ 4 [1122] phân làm 26 lộ, 4 phủ thuộc trung ương, 30 phủ, 254 châu, 63 giám, 1234 huyện”³⁸. Tuy nhiên, vấn đề trong niên hiệu Nguyên Phong, toàn Trung Hoa gồm 24 lộ, hay 23 lộ phải tạm gác lại cho đề tài nghiên cứu khác.

Các đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh đều thuộc lộ Tây Quảng Nam 廣南西路 [lộ này gồm 23 châu, 3 quân, 64 huyện], gồm châu Quỳnh 瓊州, quân Xương Hoá 昌化軍, quân Vạn An 萬安軍, quân Châu Nhai 珠崖軍, nơi cực nam của đảo này là trấn Lâm Xuyên thuộc quân Châu Nhai.

Trích dịch phần quân Châu Nhai:

“Quân Châu Nhai, thời Đường là quận Diên Đức thuộc châu Chân, triều Tống năm Khai Bảo thứ năm [972] đổi làm châu Nhai, năm Hi Ninh thứ sáu [1073] bỏ châu, đặt làm quân.

Địa lý, cách Đông Kinh 7.685 dặm; đông, từ trị sở đến địa giới 245 dặm, từ đầu địa giới đến quân Vạn An 170 dặm; tây, từ trị sở đến địa giới 120 dặm, từ đầu địa giới đến quân Xương Hoá 384 dặm; nam, từ trị sở đến biển 10 dặm; bắc, từ trị sở đến động Lê 50 dặm; đông nam đến biển 40 dặm; tây nam đến biển 215 dặm [thù] ³⁹; đông bắc đến Hầu Sài lĩnh 250 dặm [thù]⁴⁰; tây bắc đến núi quân Xương Hoá 120 dặm.

Hộ, dân bản địa 240 [thù]⁴¹, nơi khác đến 11

Thổ sản phải nộp, cỏ cao lương 5 cân [một năm]⁴².

Trấn, 2, năm Hi Ninh thứ sáu [1073] nhập 2 huyện Cát Dương, Ninh Viễn làm thành trấn:

[trấn] Lâm Xuyên, cách về phía đông trị sở quân 80 dặm

[trấn] Đằng Kiều, cách về phía đông trị sở quân 100 dặm, có 2 hương [bản họ Tiên chép là 1 hương]⁴³

{Cổ tích, trong niên hiệu Khai Bảo, sắc chuẩn đổi tên như hiện nay [?]⁴⁴, bản Các}⁴⁵.

[*Nguyên Phong Cứu vực chí*, quyển 9, tờ 30]

珠崖軍 唐振州延德郡皇朝開寶五年改崖州熙寧六年廢爲軍(*)

地理東京七千六百八十五里東至本軍界二百四十五里自界首至萬安軍一百七十里西至本軍界一百二十里自界首至昌化軍三百八十四里南

至海一十里北至黎峒五十里東南至海四十里西南至海一 [讎] 式十五里
東北至猴豺嶺三 [讎] 式百五十里西北至昌化軍山一百二十里

戶主三 [讎] 式百四十客一十一

土貢高良薑五斤

鎮二 熙寧六年省吉陽寧遠二縣爲鎮(*)

臨川軍東八十里

藤橋軍東一百里二鄉 [錢本作一鄉]

{古跡開寶中准敕改今名, 閣本}

[元豐九域志, 卷九, 頁三十]46

Trong thời Tống còn có bộ tổng chí được học giới đánh giá rất cao là *Thái Bình hoàn vũ ký* (976-983), và ba bộ được đánh giá cao là *Dư địa quang ký* (1111- 1117), *Dư địa kỷ thắng* (1221) và *Phương dư thắng lãm* (1239).

Thái Bình hoàn vũ ký 太平寰宇記 47 nguyên tác 200 quyển, mục lục 2 quyển, hiện chỉ còn 193 quyển48. Sách do Nhạc Sử 樂史 soạn, làm xong trong khoảng niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976- 983). Nhạc Sử (930-1007) tự Tử Chính 子正, người huyện Nghi Hoàng, châu Vũ, đạo Giang Tây, đỗ tiến sĩ trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, soạn sách do sở thích, làm xong mới dâng lên, tuy là sách tư tuyển nhưng nội dung hoàn bị, vượt xa *Nguyên Phong Cửu vực chí*. Nhạc Sử kế thừa thành quả các tổng chí của Giả Đàm, Lý Cát Phủ thời Đường, các phần Địa lý chí trong chính sử, tổng hợp và bổ sung dữ liệu đương thời để làm thành sách *Thái Bình hoàn vũ ký*. Các tổng chí trước Nhạc Sử phân mục nội dung cơ bản gồm: sự diên cách [của kinh, phủ, châu, quân], địa giới, hộ, thuế thu, núi sông, thành ấp, quan tái, huyện hoá ngoại [không trực tiếp quản lý], *Thái Bình hoàn vũ ký* mở rộng thêm các mục: phong tục, nhân vật, tính thị [hộ], vật sản, nghệ văn, tứ di [quan hệ quốc tế]. Với cách thu thập tư liệu phong phú, liên quan đến các lĩnh vực xã hội, kinh tế và văn hoá, đặt tiền lệ cho mô hình ghi chép toàn diện về địa phương, trong lịch sử phương chí học, công trình của Nhạc Sử được xem là đã tạo một bước ngoặt lớn. Sách *Thái Bình hoàn vũ ký* nhập Tứ khố toàn thư- Sử bộ.

Thái Bình hoàn vũ ký phân chép về 13 đạo, mỗi đạo phân chép theo cấp phủ, châu, quân, giám. Bắt đầu từ Đông Kinh nằm trên địa bàn đạo Hà Nam và sau cùng là châu Long Vũ thuộc đạo Lĩnh Nam và dành riêng phần cuối [28 quyển] chép về tứ Di. Đến đây có hai điểm cần phải lưu ý, một là việc phân đạo và lộ thời Tống, thời gian biên soạn *Thái Bình hoàn vũ ký* vốn trước *Nguyên Phong Cửu vực chí*, lúc này nhà Tống vẫn chưa cải tổ toàn

diện việc phân cấp quản lý, vẫn giữ cơ cấu 15 đạo cuối thời Đường, chỉnh sửa còn 13 đạo, sau niên hiệu Thái Bình, đến năm Chí Đạo thứ ba (997) lại đổi thành 15 lộ, đến năm đầu Thiên Thánh (1023) chia làm 18 lộ, và đến niên hiệu Nguyên Phong (1078-1085) thì mới chia 24 lộ như *Nguyên Phong Cửu vực chí* mô tả **49**. Vì vậy địa lý hành chính khoảng 100 năm đầu thời Tống có nét gần giống địa lý hành chính cuối thời Đường. Hai là, trong phần viết về đạo Lĩnh Nam, Nhạc Sử đã chép lại các ghi chép hồi thời Đường, Ngũ Đại về 19 châu từ châu Giao và châu Phong trở về nam [quyển 170, 171]**50**, để nhận biết các châu này không thuộc cương vực nhà Tống, nên lưu ý kỹ mục lịch sử diên cách các châu, huyện, mục lịch sử diên cách 19 châu này dừng ở thời Đường, khác với các châu khác cũng thuộc đạo Lĩnh Nam được cập nhật tên gọi mới đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc.

Thái Bình hoàn vũ ký từ quyển 157 đến quyển 171 chép về đạo Lĩnh Nam, quyển 169, Lĩnh Nam đạo 13, chép 6 đơn vị là quân Thái Bình, châu Lô, châu Đàm, châu Quỳnh, châu Nhai, châu Vạn An. Trong 6 đơn vị trên, quân Thái Bình và châu Lô thuộc phần đất bán đảo, 4 châu Đàm, Quỳnh, Nhai, Vạn An nằm trên đảo Quỳnh, châu Nhai là nơi cực nam.

Trích dịch phần châu Nhai:

“Châu Nhai mới**51**

Châu Nhai vốn là châu Chấn, tức nay là nơi quận Lâm Chấn thời Tùy, cũng gọi quận Diên Đức. Thời Đường, năm Võ Đức thứ năm [622] đặt châu Chấn, năm đầu Thiên Bảo [742] đổi làm quận Lâm Chấn, năm đầu Càn Nguyên [758] đặt lại làm châu Chấn, trị sở châu đặt tại huyện Ninh Viễn, đất đai cũng như quận Châu Nhai. Nhà Tống, năm Khai Bảo thứ sáu [973], cắt đất châu Nhai cũ cho thuộc vào châu Quỳnh, lại đổi châu Chấn làm châu Nhai.

Lãnh năm huyện: Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn

Địa giới châu:

Đông tây, khuyết [*mất chữ*]; Nam bắc, khuyết [*mất chữ*]

Tứ chí bát đáo:

Bắc đến Đông Kinh 7.685 dặm

Bắc đến Tây Kinh 7.797 dặm

Bắc đến Trường An 8.606 dặm

Đông đến châu Quỳnh 450 dặm

Tây nam đến biển lớn 15 dặm

Nam đến biển lớn 27 dặm

Tây đến châu Đàm 420 dặm

Đông đến huyện Lăng Thủy châu Vạn An 160 dặm

Hộ

Thời Đường niên hiệu Khai Nguyên [713-741] có 819 hộ

Hiện thời có 340 hộ bản xứ, 11 hộ nơi khác đến.

Phong tục, giống như châu Quỳnh⁵².

Thổ sản, nộp công: Vàng

Huyện Ninh Viễn, có hai hương, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Tùy đặt làm nơi trị sở của châu.

Huyện Diên Đức, cách phía tây trị sở châu 40 dặm, có hai hương, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Tùy đặt huyện.

Huyện Cát Dương, cách phía đông bắc trị sở châu 90 dặm, có hai hương, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Đường năm Trinh Quán thứ hai [628], chia ra từ huyện Diên Đức, đặt huyện.

Huyện Lâm Xuyên, cách phía đông nam trị sở châu 80 dặm, là đất huyện Lâm Chân thời Hán, thời Tùy đặt huyện.

Huyện Lạc Đôn, cách phía đông bắc trị sở châu 20 dặm, có hai hương,

Núi Lạc Điều, bãi chắn nuôi Trùng Lăng, núi Lạc Trùng, sông Lê dưới núi Chức Đảo, núi Lạc Viên, dãy Chung Diên, các nơi này đều là núi sông của quận ấp.

新崖州

崖州本振州也即今隋臨振郡又曰延德郡唐*武德五年置振州天寶元年改爲臨振郡乾元元年復爲振州理寧遠縣土地與珠崖郡同皇朝開寶六年割舊崖州之地隸瓊州卻改振州爲崖州

領縣五 寧遠, 延德, 吉陽, 臨川*, 落屯, 州境

東西 缺* 南北 缺*

四至八到

北至東京七千六百八十五里

北至西京七千七百九十七里

北至長安八千六百六里

東至瓊州四百五十里

西南至大海一十五里

南至大海二十七里

西至儋州四百二十里

東至萬安州陵水縣一百六十里

戶

唐開元戶八百一十九

皇朝戶主三百四十客一十一

風俗 同瓊州

土產, 貢金

寧遠縣 二鄉 漢臨振縣地隋置州所理
延德縣 西四十里 二鄉 漢臨振縣地隋置
吉陽縣 東北九十里 二鄉 漢臨振縣地唐貞觀二年分延德縣置
臨川*縣 東南八十里 漢臨振縣地隋置
落屯縣 東北二十里 二鄉 落鳥山, 澄浪牧, 落澄山, 織島山下有黎水, 落猿山, 鐘延嶺以上皆郡邑之山水 53*****

[太平寰宇記, 卷之一百六十九, 嶺南道十三, 頁 15-17]54

Dư địa quảng ký 輿地廣記 38 quyển 55, do Âu Dương Văn 歐陽忞 soạn trong niên hiệu Chính Hoà (1111-1117). Theo học giả thời Bắc Tống Triệu Công Võ 晁公武 viết trong *Quận Trai độc thư chí* 郡齋讀書志 thì Âu Dương Văn là tên giả của một người ẩn danh, còn theo học giả thời Nam Tống Trần Chân Tôn 陳振孫 viết trong *Trực Trai thư lục giải đề* 直齋書錄解題 thì Âu Dương Văn là cháu của văn gia-sử học gia trứ danh Âu Dương Tu 歐陽修 56. Sách *Dư địa quảng ký* nhập Tứ khố toàn thư- Sử bộ.

Dư địa quảng ký dành 3 quyển đầu trình bày cương yếu về sự biến đổi cương vực trong lịch sử và tổng thể quá trình diên cách địa lý hành chính Trung Hoa từ thời nhà Chu đến nhà Đường- Ngũ Đại. Bộ phận này được sắp xếp khá khoa học, tạo sự tiện lợi trong việc tra cứu nhanh, từ 9 châu thời nhà Hạ, đến 14 quận thời nhà Tần, 13 quận thời nhà Hán, 19 đạo thời nhà Tấn, 15 đạo thời Đường cho đến các châu thời Ngũ Đại, đây là điểm mới so với các tổng chí đương thời. Từ quyển 4 đến quyển 38 chép về cương vực nhà Tống, phân chép về 4 kinh, 23 lộ, dần xuống các cấp phủ, châu, quân, huyện. *Dư địa quảng ký* không chép về tứ chí, đường sá, hộ khẩu, phong tục, thổ sản như các sách tổng chí đương thời, nhưng lại chép rất kỹ về sự thay đổi địa danh và sự phân chia cắt nhập của các vùng đất cho đến cấp huyện.

Bối cảnh *Dư địa quảng ký* thuộc cuối thời Bắc Tống, các đơn vị hành chính trên đảo Quỳnh cơ bản tương đồng với ghi chép trong *Nguyên Phong Cửu vực chí*, gồm 1 châu [Quỳnh] và 3 quân [Xương Hoá, Vạn An, Châu Nhai], trích dịch về quân Châu Nhai:

[ngang với châu cấp thấp] 57 Quân Châu Nhai, thời Tuỳ là đất quận Châu Nhai; thời Đường năm Võ Đức thứ năm [622] lập quận Lâm Chân thuộc châu Chân, lại gọi là quận Ninh Viễn, năm đầu Thiên Bảo [742] gọi là quận Diên Đức; thời Ngũ Đại thuộc nhà Nam Hán. Nhà Tống năm Khai Bảo thứ năm [972] đổi làm châu Nhai, năm Hi Ninh thứ sáu [1073] bỏ châu, đặt làm quân Châu Nhai, nay có 2 trấn,

Trấn Lâm Xuyên, vốn là huyện Lâm Xuyên đặt hồi cuối nhà Tuỳ.

Trần Đăng Kiều, đầu thời Đường là châu Chân, lãnh 5 huyện Ninh Viễn, Diên Đức, Cát Dương, Lâm Xuyên, Lạc Đôn; thời Nam Hán lược bớt 3 huyện Diên Đức, Lâm Xuyên, Lạc Đôn; nhà Tống năm Hi Ninh thứ sáu lược bớt 2 huyện Ninh Viễn, Cát Dương, làm thành 2 trấn Lâm Xuyên, Đăng Kiều.

[Quyển 37, tờ 8, Quảng Nam tây lộ, hạ]

同下州 朱崖軍 隋珠崖郡地唐武德五年立振州臨振郡又曰寧遠郡天寶元年曰延德郡五代爲南漢所有皇朝開寶五年改爲崖州熙寧六年廢州爲朱崖軍今鎮二

臨川鎮本臨川縣隋末置

藤橋鎮初唐振州領寧遠延德吉陽臨川落屯五縣南漢時省延德臨川落屯三縣熙寧六年省寧遠吉陽二縣爲臨川藤橋二鎮焉

[輿地廣記，卷三十七，廣南西路下，頁八] 58

Dư địa kỷ thắng 輿地紀勝 59, nguyên tác 200 quyển, do Vương Tượng Chi 王象之 soạn xong năm 1221 (Gia Định thứ 14, nhà Nam Tống). Vương Tượng Chi tự Nghi Phụ 儀父, hiệu Đông Dương 東陽, người trấn Kim Hoa châu Vụ (Chiết Giang), đỗ tiến sĩ năm Khánh Nguyên thứ hai (1196), quan chỉ đến chức Tri huyện [huyện Phân Ninh, huyện Giang Ninh], sở trường về địa lý học, tương truyền có bộ *Dư địa đồ 16 quyển* phụ theo bộ *Dư địa kỷ thắng*, nhưng toàn bộ 16 quyển địa đồ đã mất hồi thời Nguyên, riêng *Dư địa kỷ thắng* bị mất hẳn 31 quyển và 16 quyển bị mất một số tờ.

Dư địa kỷ thắng chép tường tận về 16 lộ thuộc cương vực Nam Tống, các phủ, châu, quân, giám cộng 166 đơn vị. Phân mục về diên cách châu, huyện thu thập rộng các biên chép trước đó, đề cương thống nhất gồm: diên cách, phong tục, hình thắng, cảnh vật thượng, cảnh vật hạ, cổ tích, quan lại, nhân vật, tiên thích, bi ký, thi, tứ lục [văn]. So với các tổng chí trước đây, *Dư địa kỷ thắng* có phần phong phú hơn về tư liệu lịch sử diên cách, chú trọng hơn về thắng tích và văn học.

Phần chép về lộ Tây Quảng Nam từ quyển 103 đến quyển 127, các quyển và số tờ đều còn đủ. Mở đầu quyển 103 là lời tổng luận về diên cách toàn lộ, kể đến là chép về 25 đơn vị gồm: 1 phủ [phủ Tĩnh Giang, trị sở lộ], 21 châu, 3 quân. Các đơn vị trên đảo Quỳnh gồm 1 châu [Quỳnh] và 3 quân [Xương Hoá, Vạn An, Cát Dương]. Quân Châu Nhai thời Bắc Tống đến đây đổi gọi là quân Cát Dương,

“Quân Cát Dương, hình thắng

Quỳnh quân chí 60 viết: ‘ngoài là các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng 61, cùng đối ngang với Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chi; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, trên dưới mờ mịt, ngàn dặm một màu, thuyền bè qua lại, chim bay gần bên đầu bên cổ mà không thấy sợ.

[quyển 127, Quảng Nam Tây lộ, Cát Dương quân, tờ 2-3]

吉陽軍. 形勝,

其外則烏里,蘇密,吉浪 之洲, 而與占城相對, 西則真臘交趾, 東則千里長沙萬里石塘, 上下渺茫, 千里一色, 舟船往來, 飛鳥附其顛頸而不驚, 瓊管志 ”

[輿地紀勝, 卷一百二十七, 廣南西路, 吉陽軍, 頁二, 三] 62

Phụ khảo, *Dư địa kỷ thắng*, quyển 124, Quỳnh Châu, Cảnh vật hạ, [Quỳnh Sơn huyện, Văn Xương huyện], Thất Tinh Sơn. Đoạn văn dưới đây chép về một địa danh, nơi này tuy không nằm ở phía cực nam đảo Quỳnh nhưng về sau địa danh này sẽ được tổng chí nhà Thanh trích dẫn để liên kết với các tư liệu liên quan khác, vì vậy, có thể xem đây là tư liệu nguồn liên quan đến địa danh Thất Tinh Sơn - Thất Châu Dương.

“ Thất Tinh Sơn, tại phía đông huyện Quỳnh Sơn, nơi giáp giới bờ biển huyện Văn Xương, trông như bảy vì sao.

Thất Tinh Lĩnh, ở gần bờ biển huyện Văn Xương, thế như chuỗi ngọc.

七星山在瓊山縣東之文昌界海濱狀如七星

七星嶺在文昌縣近海岸其勢如連珠 ”

[輿地紀勝, 卷一百二十四, 廣南西路, 瓊州, 景物下, 頁九] 63

Phương dư thắng lãm 方輿勝覽 64, nguyên tác 70 quyển, do Chúc Mục 祝穆 soạn, hoàn thành năm Gia Hi thứ ba (1239). Bộ tổng chí này được đánh giá là phong phú tư liệu văn học. Các mục về diên cách địa danh, địa giới phần nhiều sao chép lại từ *Dư địa kỷ thắng*, phần viết về Quỳnh Châu thuộc quyển 43, điều liên quan đến vùng biển nam trong mục “Cát Dương quân, Hình thắng” cũng trích lại câu trong *Quỳnh quân chí* như *Dư địa kỷ thắng* đã trích [đã dịch ở trên]. Sách *Phương dư thắng lãm* nhập Tứ khổ toàn thư- Sử bộ.

Nhận xét, Tổng chí thời Tống như đã điểm qua, nhìn chung được viết trong hai thời kỳ, với những đặc trưng khá rõ của hai thời Bắc Tống và Nam Tống. Tổng chí thời Bắc Tống với Thái Bình hoàn vũ ký hoàn thành lúc nhà Tống mới lập triều đại, ghi chép về cương vực và địa lý hành chính còn phẳng phát cơ chế nhà Đường. Tư liệu về số hộ dân chép trong Thái Bình hoàn vũ

ký cho thấy châu Nhai với 5 huyện mà chỉ hơn 350 hộ [gần bằng phân nửa thời Đường], chứng tỏ vùng đất cực nam này rất hoang vu. Cho đến những năm Nguyên Phong là lúc tình hình chính trị, kinh tế nhà Tống đã ổn định, Nguyên Phong cứu vực chí cho thấy châu Nhai đã hạ xuống cấp quân, số hộ giảm, chỉ còn hơn 250 hộ, 5 huyện chỉ nhập còn 2 trấn. Cơ cấu quản lý hành chính của lộ Tây Quảng Nam suốt thời Nam Tống gồm nhiều châu và 3 quân, cả 3 quân này đều trên đảo Quỳnh, và luôn ở bậc “hạ”, tức bậc 5, là những địa phương thấp nhất về kinh tế. Yếu tố về kinh tế có lẽ cũng là một lý do khiến nhà Tống không mấy quan tâm đến hòn đảo này. Cương vực nhà Tống về phía biển nam không vượt quá châu Nhai, việc phát hiện hoặc khai thác, quản lý nơi xa hơn châu Nhai [quân Châu Nhai, quân Cát Dương] về phía biển nam không thấy các tổng chí ghi nhận.

Tổng chí thời Nam Tống có điểm mới là các biên chép liên đới rộng với các nơi bên ngoài. Qua sách Dư địa kỷ thắng, có thể nhận định bộ địa phương chí đầu tiên là Quỳnh quản chí là sách đã đề cập đến sự tiếp giáp giữa đảo Quỳnh với các nơi xa về phía nam, cách ghi chép trong Quỳnh quản chí cho thấy rõ những nơi được đề cập như các châu Ô Lý, Tô Mộc Cát Lãng hoặc các nước Chân Lạp, Giao Chỉ và các vùng đảo Thiên lý trường sa, Vạn lý thạch đường đều là những nơi xung quanh, chúng được ghi nhận với ý nghĩa thể hiện sự tương tiếp về không gian địa lý rộng, hoàn toàn không biểu lộ rằng nơi nào trong các nơi ấy thuộc địa hạt Quỳnh Châu.

Thời Nguyên, Đại Nguyên đại nhất thống chí 大元大一統志 **65**, gọi tắt là *Nguyên nhất thống chí* 元一統志 nguyên tác 1300 quyển, làm xong năm Đại Đức thứ bảy (1303), do Trát Mã Lạt Đinh 札馬刺丁, Ngu Ứng Long 虞應龍, Bột Lan Phán 孛蘭盼 và Nhạc Huyền 岳鉉 chủ biên, bắt đầu soạn từ năm 1284 theo sắc chỉ của Hốt Tất Liệt. Bộ tổng chí với quy mô rất lớn này đã thất tán trong thời Minh, nay chỉ còn hơn 30 quyển, các quyển này thuộc phần chép về 6 châu ở phía bắc Trung Hoa nên không khảo sát cương vực tổng thể được. Bộ tổng chí này bắt đầu định danh tổng chí toàn quốc là *Nhất thống chí* và cách gọi này đã trở thành tiền lệ cho các triều Minh, Thanh.

Thời Minh, Đại Minh nhất thống chí 大明一統志 **66** là tên do Chu Kỳ Trán (Anh Tông) đặt cho bộ tổng chí có tên gốc là *Thiên hạ nhất thống chí*, do Thượng thư bộ Lại, Đại học sĩ Lý Hiền 李賢 làm Tổng tài (chủ biên), làm xong năm 1461, gồm 91 quyển, khắc in cùng năm. Lý Hiền (1408-1466) tự Nguyên Đức 原德, người huyện Trịnh tỉnh Hà Nam, đỗ tiến sĩ triều Tuyên Đức, làm quan trải các chức vụ Tả thị lang bộ Lại, Thượng thư bộ Lại, Hàn lâm học sĩ, Đại học sĩ điện Hoa Cái, tước Thiệu Bảo. Năm Thiên Thuận

thứ hai (1458) nhận sắc biên soạn *Minh nhất thống chí*. Tiêu đề trong Tứ khố toàn thư – Sử bộ đề tên sách là *Minh nhất thống chí*.

Quyển đầu của bộ tổng chí này gồm lời tựa của hoàng đế, bài biểu dâng sách của Lý Hiền, sắc chỉ bổ nhiệm các chức vụ biên soạn, mục lục, và 16 bức địa đồ, gồm 1 bức toàn quốc, 1 bức Bắc Kinh, 1 bức Nam Kinh và 13 bức của 13 Ty Bộ chánh. Phần nội dung chính phân chép theo từng khu vực hành chánh, từ quyển 1 đến quyển 5 chép về Kinh Sư, từ quyển 6 đến quyển 18 chép về Nam Kinh, từ quyển 19 đến quyển 88 chép về 13 ty Bộ chánh, quyển 89,90 chép về các nước bên ngoài. Trong mỗi Ty Bộ chánh, đầu tiên chép tổng quan về sự thay đổi mô hình quản lý qua các thời, sau đó phân chép từng phủ, trong mỗi phủ phân chép các mục: kiến trí diên cách, các huyện, tên quận xưa, hình thảng, phong tục, sơn xuyên, thổ sản, công thự, học hiệu, thư viện, cung thất, quan ải cầu đò, chùa miếu, lăng mộ, cô tích, quan lớn qua các thời, nhân vật có tiếng qua các thời.

Bức địa đồ toàn quốc mang tên “Thiên hạ nhất thống chi đồ” và địa đồ Ty Bộ chánh Quảng Đông với tên “Quảng Đông địa lý chi đồ”, hai bức này cho thấy cực nam cương vực nhà Minh chỉ đến hết phủ Quỳnh Châu 67.

Ty Bộ chánh Quảng Đông chép trong 4 quyển [quyển 79 – 82], phủ Quỳnh Châu thuộc quyển 82, phủ này lãnh 3 châu [Đam, Nhai, Vạn], 10 huyện. Cực nam phủ Quỳnh Châu là châu Nhai, trích dịch phần chép về châu Nhai,

“Châu Nhai, cách về phía nam trị sở phủ [Quỳnh Châu] 1110 dặm, vốn là đất quận Châu Nhai thời Hán; thời Tuỳ đặt quận Lâm Chân; thời Đường đổi làm châu Chân, đặt trị sở tại huyện Ninh Viễn, năm đầu Thiên Bảo đổi làm quận Diên Đức, lại đổi là quận Ninh Viễn, năm đầu Càn Nguyên đặt trở lại là châu Chân; thời Tống đổi là châu Nhai, trong những năm Hi Ninh đổi là quân Châu Nhai, trong những năm Thiệu Hưng đặt phế rồi đặt trở lại là quân Cát Dương; nhà Nguyên vẫn theo đó; triều ta trong những năm đầu Hồng Võ đặt trở lại là châu Nhai, trong những năm Chính Thống lấy huyện Ninh Viễn nhập vào, 1 dặm có 14 hộ dân, lãnh 1 huyện là Cảm Ân.

崖州在府城南一千一百一十里本漢珠崖郡地隋置臨振郡唐改爲振州治寧遠縣天寶初改爲延德郡又改寧遠郡乾元初復爲振州宋改崖州熙寧中改朱崖軍紹興中口廢尋復置改吉陽軍元因之本朝洪武初復爲崖州正統間以寧遠縣省入編戶一十四里領縣一感恩縣...”

[大明一統志, 廣東布政司, 瓊州, 卷八十二, 頁十七]68

Trong phần viết về phủ Quỳnh Châu nói chung, qua các mục “Kiến trí diên cách”, “Hình thảng” và “Sơn xuyên” không thấy ghi chép gì liên quan đến phía biển nam, ở về phía đông phủ này, trong mục “Sơn xuyên” có chép

về địa danh Thất Tinh Sơn tương tự như quyển 124 sách *Dư địa kỷ thắng* đã chép, trích dịch dưới đây,

“ Thất Tinh Sơn, ở gần bờ biển phía đông huyện Văn Xương, núi có bảy ngọn, trông như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn.

七星山在文昌縣東濱海山有七峯狀如七星連珠亦名七州洋山 ”

[大明一統志, 廣東布政司, 瓊州, 卷八十二, 頁十九]69

Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu 皇明一統紀要, 15 quyển, Cố Sung 顧充 soạn, Diệp Cận Sơn 葉近山 san hành70, làm xong và khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), 15 quyển phân chép về 15 khu vực hành chánh gồm Bắc trực lệ, Nam trực lệ và 13 ty Bố chánh. Đầu quyển 1 là lời Tựa của Diệp Cận Sơn, kể đến là địa đồ hiện tại “Hoàng Minh đại nhất thống địa lý chi đồ” và địa đồ qua các thời kỳ Chu [Chu địa lý chi đồ], Hán [Hán địa lý chi đồ], Đường [Đường địa lý chi đồ], Tống [Tống địa lý chi đồ]. Phần chép về các khu vực, mỗi khu vực đều có 2 địa đồ, một bức tổng thể địa hình và một bức chép đủ tên các châu, huyện. Như nhan đề đã nêu, nội dung sách tinh gọn, chép giản lược mà khá khoa học, chú trọng về địa lý hành chánh. Các bức địa đồ cương vực tổng thể nhà Minh [quyển 1] và địa đồ ty Bố chánh Quảng Đông [quyển 6] tương đồng với các địa đồ trong *Đại Minh nhất thống chí*.

Quảng dư ký 廣輿記, 24 quyển, Lục Ứng Dương 陸應陽 [hiệu Bá Sinh 伯生] soạn, làm xong và khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch, về sau, người thời Thanh là Sái Phương Bình 蔡芳炳 [tự Cửu Hà 九霞] tăng bổ và in lại năm Khang Hi bính dần (1686) 71. Sách này tuy cũng đủ các đề mục như *Minh nhất thống chí* như ghi chép vắn tắt giản lược, bản in thời Vạn Lịch chép thuần giai đoạn nhà Minh, còn bản in lại năm 1686 do Sái Phương Bình tăng bổ cập nhật thông tin về sự diên cách đến đầu nhà Thanh, vì vậy điểm được nét giao thời. Bản in 1686 mở đầu bằng quyển thủ với lời Tựa của họ Sái, phần “Lịch đại cương vực” cũng của họ Sái, mục lục sách, bộ địa đồ gồm 17 bức, trong đó gồm một bức toàn quốc “Quảng dư tổng đồ”, một bức Trực lệ, và 15 bức của 14 tỉnh [Thiểm Tây 2 bức]; phần nội dung chính từ quyển 1 đến quyển 24 là của Lục Ứng Dương soạn và Sái Phương Bình tăng bổ.

Sách này có giá trị ở bộ địa đồ trong quyển thủ, bút pháp thực hiện các địa đồ cho thấy không phải của cùng một người vẽ, có lẽ họ Sái sưu tập từ nhiều nguồn, bức “Quảng dư tổng đồ” thật ra đã đổi tên, in lại bức “Quảng dư đồ” 72 do người thời Minh là La Hồng Tiên 羅洪先 tăng bổ từ bản gốc của người thời Nguyên là Chu Tư Bản 朱思本. Phần địa đồ các tỉnh được thực hiện khá chi tiết, có một bước tiến xa so với những địa đồ trong các bộ

tổng chí trước. Tăng đính Quảng dư ký toàn đồ 1, tức “Quảng dư tổng đồ” và Tăng đính Quảng dư ký toàn đồ 14, tức “Quảng Đông tỉnh” cho thấy cương vực Trung Hoa về phía biên nam chỉ đến châu Nhai phủ Quỳnh Châu.

Nhận xét, Tổng chí thời Minh tuy không nhiều như thời Tống nhưng nội dung hoàn thiện hơn, Đại Minh nhất thống chí bao quát tổng thể, ghi chép rất rõ và khá chi tiết về cương vực, Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu và Quảng dư ký có chung mục đích là trình bày các mặt theo hình thức giản yếu nhưng vẫn giữ trọng tâm ở phần cương vực và địa lý hành chính, cơ quan hành chính. Ưu điểm của tổng chí thời Minh có thể thấy rõ qua cả ba bộ là, cương vực tổng thể Trung Hoa và cương giới mỗi tỉnh đều được minh hoạ bằng các địa đồ. Đối với không gian về phía biên nam, các ghi chép và địa đồ đều nhất quán, chúng cho thấy cương vực nhà Minh chỉ đến châu Nhai.

Thời Thanh, triều đình nhiều lần tổ chức biên soạn tổng chí 73, hiện lưu hành 3 bộ, thời gian biên soạn lần lượt như sau:

Đại Thanh Nhất Thống chí 大清一統志 356 quyển, do Đại học sĩ Tưởng Đình Tích 蔣廷錫, Vương An Quốc 王安國 chủ biên, theo sắc chỉ của Càn Long, làm xong năm Càn Long thứ tám (1743), bản in đầu do Nội phủ khắc năm 1744 74.

Khâm định Đại Thanh Nhất Thống chí 欽定大清一統志, 424 quyển 75, do Đại học sĩ Hòa Thân 和珅 nhận sắc trùng tu [soạn thêm vào bộ đã soạn năm 1743], làm xong năm Càn Long thứ hai mươi tám (1763). Nhập Tứ khổ toàn thư năm Càn Long thứ bốn mươi chín (1784).

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí 嘉慶重修一統志 560 quyển, do Đại học sĩ Tổng tài Quốc sử quán Mục Chương A 穆彰阿, Hàn Lâm viện biên tu Lý Tá Hiền 李佐賢 chủ biên, bộ này dựa vào bản Hoà Thân để soạn thêm, theo sắc chỉ của vua Gia Khánh, làm xong năm Đạo Quang thứ hai mươi hai (1842) 76.

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí có nhiều đề mục và mỗi đề mục chép rộng nhiều chi tiết, thu tóm cả các ghi chép từ các tổng chí, thông chí và một số sách tư nhân trong quá khứ, nó được xem là bộ tổng chí hoàn bị bậc nhất của riêng triều Thanh và của cả các tổng chí Trung Hoa trong lịch sử.

Đầu sách và đầu phần chép về các tỉnh, phủ đều có địa đồ, mở đầu là “Hoàng dư toàn đồ” [cuốn 1, tr.8], mở đầu phần chép về Quảng Đông thống bộ là “Quảng Đông toàn đồ” [cuốn 9, tr. 5699], mở đầu phần chép về Quỳnh Châu phủ là “Quỳnh Châu phủ đồ” [cuốn 9, tr.5930]. Trong các tổng chí

thời Thanh, *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* có tính cách bao quát, nên chỉ trích dịch ở bộ này một số điều liên quan dưới đây:

“Quảng Đông thống bộ- Hình thế

Nam giáp biển lớn, từ trị sở tỉnh đến đại dương chừng 300 dặm. Từ phía đông nam phủ Triều Châu cùng với phủ Chương Châu tỉnh Phúc Kiến tiếp liền với biển. Phía tây nam châu Khâm phủ Liêm Châu cùng tiếp liền biển Giao Chi, khoảng cách đông tây hơn 2400 dặm. Còn Quỳnh Châu bốn mặt trợ trợ, riêng trong vùng biển.

Tây tiếp An Nam, từ Khâm, Liêm về tây cùng An Nam phân giới, Khâm Châu còn là đường biển quan trọng.

[q.440, Quảng Đông thống bộ, tờ 4-5. Bản Đài Thương⁷⁷, c. 9, tr.5704]

廣東統部-形勢

南濱大海省治南去大洋僅三百里.自潮州府之東南.與福建之漳州洋接.廉州府欽州之西南.與交趾洋接.東西相距二千四百餘里.而瓊州四面孤懸.以海為境

西距安南欽廉以西.與安南分界.而欽州又當海道之衝”

[嘉慶重修一統志, 卷四百四十, 廣東統部, 頁四-五. 臺商本册九頁 5704]

“Quỳnh Châu phủ- Hình thế

Vùng đất giữa biển, ngang dọc ngàn dặm (theo *Hán thư*, truyện Giả Quyên Chi);

Vòng quanh hai ngàn dặm, đường thẳng bắc nam tám trăm dặm (theo sách *Thủy Kinh chú*);

Bốn châu, mỗi châu chiếm một góc đảo, quanh là biển lớn, giữa là động [người] Lê (theo sách *Quỳnh quản chí* thời Tống)

[q. 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 5. Bản Đài Thương, c.9, tr.5936]

瓊州府-形勢

海中洲居廣袤千里漢書賈捐之傳, 周迴二千里徑度八百里水經注, 四州各占島之一隅外環大海中盤黎峒宋瓊管志”

[嘉慶重修一統志, 卷四百五十二瓊州府頁五. 臺商本册九頁 5936]

“Quỳnh Châu phủ- Sơn Xuyên

Thất Tinh Sơn ở phía bắc huyện Văn Xương, sách *Dư địa kỷ thắng* chép rằng bờ biển nơi địa giới huyện Văn Xương [có 7 ngọn] như 7 vì sao làm thành chuỗi ngọc, *Minh thống chí* chép núi có 7 ngọn có tên là Thất Châu Dương Sơn, sách *Thông chí* ⁷⁸ chép rằng núi này cách huyện lỵ Văn Xương về phía bắc 150 dặm [khoảng 75 km], ở ngoài biển khơi, trên có rừng cây tươi tốt, dưới có khe ngòi, là nơi người đi biển ghé lấy củi lấy nước. Khoảng

những năm Thiên Khải thời Minh [1621-1627] có dựng tháp nơi ấy, ở [ngọn núi] mé đông có suối 7 dòng, ngày đêm âm ào không dứt.

[q. 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 10. Bản Đài Thương, c.9, tr.5938]

瓊州府-山川

七星山在文昌縣北, 輿地紀勝在文昌縣界海濱狀如七星連珠, 明統志山有七峯亦名七洲洋山, 通志在縣北一百五十里大海中上多茂林下出溪泉航海者必於此取水採薪明天啟時建塔其上其東有泉七孔晝夜混混不涸”⁷⁹

[嘉慶重修一統志, 卷四百五十二瓊州府頁十.臺商本冊九頁 5938]

“Quỳnh Châu phủ- Sơn Xuyên

Đại Mạo châu, ở châu Nhai có hai châu [bãi] lớn nhỏ, Đại Châu [bãi lớn] ở phía đông trị sở châu, giữa biển; Tiểu Châu [bãi nhỏ] ở phía tây trị sở châu, giữa biển. Lại có Song Châu Môn, cách phía đông trị sở châu tám dặm, hai bãi đứng đối nhau như hai cánh cửa.

[q. 452, Quỳnh Châu phủ, tờ 23. Bản Đài Thương, c.9, tr.5945]

瓊州府-山川

玳瑁洲在崖州有大小二洲大洲在州東海中小洲在州西海中又有雙洲門在州東八里 ? 雙洲對峙狀如兩扉”

[嘉慶重修一統志, 卷四百五十二瓊州府頁二十三.臺商本冊九頁 5945]

Ngoài các bộ tổng chí quan tu kể trên, trong thời Thanh còn phải kể đến hai bộ rất nổi tiếng là *Độc sử phương dư kỷ yếu* 讀史方輿紀要 của Cố Tô Vũ 顧祖禹 và *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh thư* 天下郡國利病書 của Cố Viêm Võ 顧炎武.. Tuy nhiên, mặc dù cũng được một số sách thư mục xếp vào loại tổng chí nhưng về tính chất và phạm vi khảo cứu, hai bộ này thiên về hướng lịch sử địa lý học, khác hẳn các tổng chí đã điểm qua. Sẽ được khảo sát trong chuyên đề khác.

Nhận xét, Tổng chí thời Thanh kế thừa và phát huy truyền thống biên soạn tổng chí trong lịch sử, các triều đại nhà Thanh từng tổ chức điều tra thu thập các loại tư liệu trên diện rộng để phục vụ cho việc biên soạn thông chí các tỉnh và tổng chí toàn quốc.

Những đoạn trích dịch từ Gia Khánh trùng tu nhất thống chí phần nào cho thấy việc biên chép tường tận và rành mạch về những đối tượng trong từng đề mục, đoạn văn về hình thế tỉnh Quảng Đông cho thấy rõ cương vực và ranh giới của tỉnh này, đảo/ phủ Quỳnh Châu được ghi nhận là nơi trợ trợ, không thấy đề cập đến không gian biển về phía nam. Một chi tiết thuộc mục sơn xuyên phủ Quỳnh Châu đề cập đến Đại Mạo châu [cù lao Đại Mạo], cho thấy đây là thông tin được cập nhật mới và cụ thể, riêng về chi

tiết mô tả hai cù lao ở vị trí cửa ngõ châu Nhai này, tổng chí chép chi tiết hơn cả địa phương chí 80., qua đây có thể khẳng định không gian vùng biển ngoài khơi châu Nhai.

Gia Khánh trùng tu nhất thống chí đã biên chép lại một cách có hệ thống về Thất Châu Dương, cho thấy rõ quá trình biến đổi tên gọi từ Thất Tinh Sơn hồi thời Tống, điều này sẽ tránh gây nhầm lẫn đối với các nghiên cứu gần đây cho rằng Thất Châu Dương là tên gọi trong thư tịch cổ nhằm chỉ quần đảo Tây Sa [Hoàng Sa].

Ba bức địa đồ có liên quan đến vùng biển phía nam in trong Gia Khánh trùng tu nhất thống chí nhất quán với các biên chép trong mục hình thế tỉnh Quảng Đông, trong mục hình thế và sơn xuyên phủ Quỳnh Châu, chúng cho thấy cương vực, không gian vùng biển về phía nam tỉnh này chỉ đến Đại Mạo Châu ngoài khơi châu Nhai.

III. Thông chí.

Những biên chép mang hình thức lịch sử địa lý / phong tục về một khu vực, một vùng miền xuất hiện rất sớm so với các sách thuộc loại hình tổng chí. *Hoa Dương quốc chí*, 12 quyển 華陽國志, 十二卷 của Thường Cừ 常璩 viết trong thời Đông Tấn (317- 420) được xem là sách tổ của loại hình thông chí và địa phương chí, bốn quyển đầu sách này lấy địa vực làm cương, phân chép về bốn nơi, gồm: Ba chí 巴志, Hán Trung chí 漢中志, Thục chí 蜀志, Nam Trung chí 南中志 ứng với ba châu Lương, Ích, Ninh thời Tấn [nay trong khoảng Thiểm Tây, Tứ Xuyên]. Mỗi quyển phân mục chép về lịch sử cương vực, khu hành chính, sông núi, đường sá, sản vật, dân tộc, phong tục, mỏ khoáng, cổ tích ..., qua bốn quyển này Thường Cừ được xem là người đặt ra thể lệ phân mục thông chí. Người sau cũng cho rằng Thường Cừ đã tổng kết lý luận biên soạn phương chí thời kỳ sơ khởi, với quan điểm “Thư khế ngũ thiện 書契五善 / nội dung tích hợp 5 điều tốt” trong lời tựa, Thường Cừ cho rằng soạn thông chí phải chú ý để “đạt được đạo nghĩa, rõ ràng pháp luật, thông suốt xưa nay, tuyên dương người có công, tái tạo người hiền năng”⁸¹.

Những ghi chép riêng biệt về vùng châu Giao, châu Quảng cũng xuất hiện khá sớm, *Giao Quảng ký* 交廣記 [hoặc gọi *Thập tứ châu ký*] của Hoàng Cung 黃恭, *Quảng châu ký* 廣州記 của Bùi Uyên 裴淵 viết trong thời Tấn với những đoạn còn lại thường được các phương chí đời sau trích dẫn 82. Cho đến thời Minh, loại hình Thông chí đạt tới mức hoàn thiện, phản ánh được toàn diện các hoạt động của một khu vực hành chính.

Liên quan trực tiếp đến vùng biên phía nam Trung Hoa là các bộ thông chí tỉnh Quảng Đông, trước sau có 8 bộ, đều do các quan chức cấp cao ở tỉnh chủ trì biên soạn.

Trong thời Minh có 4 bộ:

Quảng Đông Thông chí sơ thảo 廣東通志初稿 40 quyển, 1 quyển Thủ, do Án sát Ngự sử Quảng Đông Đới Cảnh 戴璟 chủ biên, làm xong năm Gia Tĩnh thứ mười bốn (1535), khắc in trong niên hiệu Gia Tĩnh (1522-1566) **83**.

Quảng Đông Thông chí 70 quyển, do Thiêm sự kiêm Thị giảng Học sĩ Hoàng Tá 黃佐 chủ biên, làm xong năm Gia Tĩnh thứ ba mươi sáu (1557), khắc in trong niên hiệu Gia Tĩnh. **84**

Việt đại ký 粵大記 32 quyển, Quách Phi 郭棐 soạn, khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch. Chỉ còn 27 quyển, từ quyển 3 đến quyển 29. **85**

Quảng Đông Thông chí 72 quyển, 1 quyển Thủ, Quang lộc tự khanh trí sĩ Quách Phi soạn, lời Tựa của Quách Phi đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602), khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch **86**

Trong thời Thanh có 4 bộ:

Quảng Đông Thông chí, 30 quyển, do Tuần phủ Quảng Đông Lưu Bình Quyền 劉秉權 soạn, làm xong năm Khang Hi thứ mười hai (1673) **88**

Quảng Đông Thông chí [không rõ số quyển] do Tổng đốc Lương Quảng Kim Quang Tổ 金光祖 **89** soạn, làm xong năm 1675, khắc in năm Khang Hi thứ ba mươi sáu (1697). **90**

Quảng Đông Thông chí, 64 quyển, do Tổng Đốc Quảng Đông Hách Ngọc Lân 郝玉麟 **91** chủ biên, làm xong năm Ung Chính thứ chín (1731). Đây là bộ thông chí được thực hiện theo sắc lệnh ban bố năm Ung Chính thứ bảy về việc tổ chức soạn tu thông chí cho các tỉnh toàn Trung Hoa. Bộ này cũng là bộ thông chí Quảng Đông duy nhất được nhập Tứ khối toàn thư. **92**

Quảng Đông thông chí, 334 quyển **93** do Thái tử thiếu bảo Bình bộ thượng thư Đô sát viện Hữu đô ngự sử Lương Quảng Tổng đốc Nguyễn Nguyên 阮元 giám tu, Trần Xương Tề 陳昌齊 tổng toản, làm xong và khắc in lần đầu năm Đạo Quang thứ hai (1822). **94**

Ngoài tám bộ nêu trên, còn hai bộ thông chí Quảng Đông khác được viết trong thời Minh, một bộ của Tạ Triệu Chiết 謝肇淛 và một bộ của Trương Vân Dực 張雲翼. Hai tác giả này thấy được nhắc đến trong lời “Cẩn án Hách Ngọc Lân Quảng Đông thông chí 64 quyển” của nhóm Kỷ Quân **95**, nhưng chưa thấy các bộ thông chí, phủ chí về sau trích dẫn, cũng không thấy các sách thư mục nêu tên.

Những bộ thông chí Quảng Đông trên đây được biên soạn nối nhau trong khoảng thời gian gần ba trăm năm [từ năm 1535 đến năm 1822]. Đại thể các

bộ tương đồng về nội dung, phân bố chuyên đề có vài điểm khác nhau, dữ liệu cơ bản của mỗi bộ phản ánh rõ không khí sinh hoạt đương thời, thông tin về tiền triều được chép có hệ thống và giản lược, thông tin về bản triều đầy đủ chi tiết. Dưới đây là bảng “Mục lục đối chiếu 2 bộ thông chí Quảng Đông tiêu biểu của 2 triều Minh- Thanh”⁹⁶, nhằm để tổng lãm về cơ cấu tổ chức trong việc biên soạn và nắm đại cương về các chuyên đề và bố cục các chuyên đề trong thông chí.

[Bảng 1] **Mục lục đối chiếu 2 bộ thông chí Quảng Đông tiêu biểu của 2 triều Minh- Thanh:**

mục lục (q)	Quảng Đông thông chí 72 quyển + quyển Thủ, (1602), Quách Phi (Minh)	Quảng Đông thông chí 64 quyển + quyển Thủ (1731), Hách Ngọc Lân (Thanh)	Ghi chú Thuộc phần Quách Phi viết tắt [Q]; thuộc Hách Ngọc Lân viết tắt [H]
Thủ	<p>* “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序” Lời Tựa của Đới Diệu 戴燿 Khâm sai Tổng đốc Lương Quảng Quân vụ Đô sát viện Hữu đô ngự sử Binh bộ Hữu thị lang I. (không đề năm) * “Việt Đông thông chí tự / 粵東通志敘” Lời Tựa của Lý Thời Hoa 李時華, Tuần phủ Quảng Đông Giám sát ngự sử, đề năm Vạn Lịch tân sử (1601) * “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序” Lời Tựa của Trần Tính Học 陳性學, Bộ chánh sứ ty Quảng Đông, đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602) * “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序” Lời Tựa của Viên Mậu Anh 袁茂英, Đề Hình án sát ty Đề đốc Học hiệu phó sứ (Quảng Đông) Không đề năm. * “Quảng Đông thông chí tự</p>	<p>Khâm định Tứ khố toàn thư, Sử bộ, Quảng Đông thông chí. *Biểu dâng sách, Hách Ngọc Lân * Phàm lệ, Gồm 30 điều. * Danh sách quan viên tham gia soạn tu: <u>Tổng tài</u>, 6 người, .Hách Ngọc Lân 郝玉麟 Tổng đốc Quảng Đông .Phó Thái 傅泰, nguyên Thự Tuần phủ Quảng Đông .Ngạc Di Đạt 鄂彌達, Tuần phủ Quảng Đông .Tiêu Kỳ Niên 焦祈年, Quan phong chính tục sứ (QĐ) .Đặng Chung Nhạc 鄧鍾岳, Đề đốc học chính Quảng Châu, Thiệu Châu (QĐ) .Trần Đức Hoa 陳德華, Đề đốc học chính Triệu Khánh, Cao Châu (QĐ) <u>Đề điều kiêm Hiệp biên</u>, 3 người, Vương Sĩ Tuấn 王士俊, Bộ chánh sứ QĐ Hoàng Văn Vĩ 黃文煒, An</p>	<p>[Q.] I Qua lời Đới Diệu biết thêm những người cộng tác với Quách Phi để thực hiện thông chí này là Vương Học Tăng 王學曾, Viên Xương Tô 袁昌祚, cùng nhiều trí thức khác.</p>

	<p>/ 廣東通志序’ Lời Tựa của Quách Phi, Quang Lộc tự khanh, trí sĩ, Đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602) * “Quảng Đông thông chí sơ cảo tự / 廣東通志初稿序” 2 Lời Tựa của Đới Cảnh * “Quảng Đông cựu thông chí tự / 廣東舊通志序” 3 Lời Tựa của Hoàng Tá * Phàm lệ, Gồm 27 điều. * Quảng Đông thông chí tổng mục Gồm 72 quyển, số quyển 1 đến 72 ứng với số chữ trong Thiên Tự văn4, (xem mục lục, dưới)</p>	<p>sát sử QĐ Đào Chính Trung 陶正中, Lương dịch đạo QĐ <u>Tổng tập</u> 1 người Lỗ Tăng Dục 魯曾煜 Hàn lâm Thứ cát sĩ Triết Giang <u>Phân toàn</u>, 6 người, Hà Thâm 何深 Tiến sĩ, nguyên Tri huyện Trường Sa (Hồ Quảng) Hứa Toại 許遂 Cử nhân, nguyên Tri huyện Thanh Hà (Giang Nam) Lý Thiệu Tổ 李紹祖 Cử nhân, nguyên Tri huyện Vĩnh Tân (Giang Tây) Trương Trần Diễm 張陳典 Cử nhân Dư Tích Thuần 余錫純 Huấn đạo huyện Dương Giang (QĐ) La Học Tứ 羅學泗, Sinh viên Huyện học h. Sơn Âm (Triết Giang) <u>Giám khắc</u>, 1 người, Triệu Hoảng Văn 趙弘文, Kinh lịch Bộ chánh ty *Mục lục Gồm 64 quyển (xem dưới) *Lời Cẩn án của nhóm chủ trì Tứ khổ toàn thư1, Đề năm Càn Long thứ bốn mươi sáu (1781)2</p>	<p>[Q.] 2 Trích lục toàn văn Lời Tựa của Đới Cảnh (1535) [Q.] 3 Trích lục toàn văn Lời Tựa của Hoàng Tá (1557) [Q.] 4 từ chữ Thiên (thiên địa huyền hoàng 天地玄黃)... đến chữ Dương (luật lữ điều dương 律呂調陽) [H.] 1 Tổng toàn Kỳ Quân 紀昀, Lục Tích Hùng 陸錫熊, Tôn Sĩ Nghị 孫士毅; Tổng hiệu Lục Phí Trì 陸費 墀 [H.] 2 Tức 50 năm sau, công trình này nhập Tứ khổ toàn thư</p>
<p>1- 13</p>	<p>Phiên tỉnh chí 藩省志 Q.1. Dư đồ, Tổng thuyết về cương vực, kèm 2 bức địa đồ5, phân dã, phân tỉnh, phân độ, chiêm tỉnh khảo chứng, diên cách, hình thắng, khí hậu. Q.2- Q.6. Sự kỷ Trích lục tư liệu lịch sử về</p>	<p>Quyển 1 Diễn mô chí / 典謨志 Sưu lục các bài Ngự chế, chỉ dụ về việc tổ chức và quản lý hành chánh của 3 triều Thuận Trị, Khang Hi, Ung Chính: - Thanh Thế tông, “Ngự chế Đại Thanh luật tự /</p>	<p>[Q.] 5 “Quảng Đông toàn đồ” và “Quảng Đông tỉnh thành đồ (ly sờ)” [Q.] 6 trích câu “堯命羲 叔宅南交/</p>

	<p>Quảng Đông, bắt đầu từ thiên “Nghieu diên” sách <i>Thượng thư</i>⁶, dùng tại năm Long Khánh thứ sáu (1572)⁷</p> <p>Q.7. Công thự Ghi chép về các công sở hành chánh, học hiệu⁸, thuế ruộng, hộ khẩu, đồn điền, thuế muối, tình hình sản xuất mua bán muối, thuế khoá các loại ⁹,</p> <p>Q.8- Q.9. Binh phòng Chức vụ trong quân, nội quy kỷ luật, vũ khí, lương thực hậu cần, đồn điền, quân bản cung, dân quân, địa phương quân, chế độ trợ cấp binh lính, nơi ở của các cấp chỉ huy, kỵ binh, chiến thuyền¹⁰</p> <p>Q.10. Trật quan Các ngạch trật quan lại trong tỉnh.</p> <p>Q.11-Q.13. Danh hoạn Tiêu sử các quan lớn có công với địa phương, có danh ở triều đình trong lịch sử.¹¹</p>	<p>御制大清律序”, đề năm Thuận Trị thứ ba (1646) - Thanh Thế tông, “Ngự chế Nhân thần cảnh tâm lục tự/御制人臣儆心錄序”, đề năm Thuận Trị thứ mười hai (1655) - Thanh Thế tông, “Ban thi Phú dịch toàn thư tự / 頒示賦役全書序”, đề năm Thuận Trị thứ mười bốn (1657) - Thanh Thánh tổ, “Thượng dụ thập lục điều / 上諭十六條”, đề năm Khang Hi thứ mười tám (1679) - Thanh Thánh tổ, “Ngự chế Chí thánh tiên sư Khổng Tử tán - tịnh tự / 御制至聖先師孔子贊- 并序”, đề năm Khang Hi thứ hai mươi lăm (1686) - Thanh Thánh tổ, “Ngự chế Nhan Tử tán / 御制顏子贊”, đề năm Khang Hi thứ hai mươi tám (1689) - Thanh Thánh tổ, “Bình định sóc mạc cáo thành Thái học bi / 平定朔漠告成太學碑”, đề năm Khang Hi thứ ba mươi sáu (1697) - Thanh Thánh tổ, “Ngự chế Huấn sức sĩ tử văn / 御制訓飭士子文”, đề năm Khang Hi thứ bốn mươi một (1702) - Nhiều chỉ dụ quan trọng về quản lý hành chánh, học chánh, binh bị trong triều Ung Chính. ^{3...}</p>	<p>Nghieu mệnh Hy Thúc trạch Nam giao”.</p> <p>[Q]⁷ Tháng 11, Đề đốc Chính Mậu cử đại binh dẹp sơn khấu Lĩnh Đông.</p> <p>[Q.] ⁸ phân mục: thư viện, học xã, học cung, nghi lễ tế thánh ở học cung [Q].⁹ lương thực, gia súc, nội ngoại thương, thủy hải sản, khai khoáng...</p> <p>[Q.] ¹⁰ Phụ thêm phần kỹ thuật đóng thuyền</p> <p>[Q.] ¹¹ Từ quyển 1 đến quyển 13 chép chung các sự việc trong toàn tỉnh, lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục [H] ³ Chép lại chính lệnh của triều đình có ảnh hưởng tới địa phương, là điểm mới so với các thông chí thời Minh.</p>
14-62	<p>Quận huyện chí / 郡縣志 ¹² Phân chép về 10 phủ, 1 châu:</p>	<p>Quyển 2. Tỉnh dã chí / 星野志</p>	<p>[Q] ¹² Từ quyển 14 đến 62 (49 quyển) phân chép về 10 phủ và 1</p>

<p>Q.14- Q.26. Quảng Châu phủ./廣州府 Gồm các mục: Dư đồ, diên cách, sơn xuyên, phong tục, thành trì, công thự, học hiệu, phường đồ, dịch trạm, cầu đồ, thủy lợi, hộ khẩu, thuế khoá, sở muối, đàn miếu, cỗ tích, mộ cổ, thổ sản, chức quan, tuyển cử, quan lớn, lưu ngụ, nhân vật. 13</p> <p>Q.27-Q.31, Thiều Châu phủ / 韶州府</p> <p>Q.32-Q.33, Nam Hùng phủ / 南雄府</p> <p>Q.34-Q.38, Huệ Châu phủ / 惠州府</p> <p>Q.39-Q.44, Triều Châu phủ / 潮州府</p> <p>Q.45-Q.50, Triệu Khánh phủ / 肇慶府</p> <p>Q.51- 52, Cao Châu phủ / 高州府</p> <p>Q.53-Q54, Liêm Châu phủ / 廉州府</p> <p>Q.55-Q.56, Lô Châu phủ / 雷州府</p> <p>Q.57-Q.61, Quỳnh Châu phủ / 瓊州府 Dư đồ 14, phong tục, thành trì, thủy lợi, hộ khẩu, thổ sản, chức quan, tuyển cử, danh hoạn, nhân vật.</p> <p>Q.62, La Định châu / 羅定州 15</p>	<p>Lý thuyết về thiên văn, bức đồ hình phân vị trí và độ số các vì sao, quy ước chòm sao [Tinh] tương ứng với vùng đất [Dã], bức đồ hình Đẩu Ngu Nữ, lý thuyết 4, đồ hình Dực Chân, lý thuyết, đồ hình Thiên Thị Đàn, lý thuyết, đồ hình Tam Thai Bắc Đẩu, lý thuyết, đồ hình Lão Nhân Tinh, lý thuyết, tinh dã của từng phủ 5</p> <p><u>Quyển 3.</u> Dư đồ chí / 輿圖志 Một bức địa đồ toàn tỉnh “Quảng Đông toàn tỉnh tổng đồ”, địa đồ 10 phủ, 2 châu 6 [các phủ / châu đều 2 bức, “...cương vực đồ” và “...thành quách đồ”], địa đồ phòng vệ biển “Quảng Đông hải phòng đồ” 7, địa đồ núi Mai Lĩnh, địa đồ Áo Môn, địa đồ Hồ Môn.</p> <p><u>Quyển 4</u> Cương vực chí / 疆域志 Lời tiêu dẫn, Cương vực, hình thảng toàn tỉnh, Phân chép về 10 phủ 2 châu, Cương vực, Hình thảng, mỗi phủ/châu Quan ải, Biên hộ [số hộ], phân chép theo từng huyện, <u>Quyển 5</u> Diên cách chí / 沿革志 Tiêu dẫn, Biểu đồ diên cách từ thượng cổ [Đường Ngu, Tam Đại] đến thời Minh, lược biên sự diên cách từ đầu Thanh đến năm Ung Chính thứ tám (1730) Biểu đồ diên cách 10 phủ, 2 châu 8</p>	<p>châu. Lấy địa phương làm cương, chuyên đề làm mục</p> <p>[H.] 4 sưu lục các ghi chép liên quan trong cổ thư</p> <p>[H] 5 phần chép về phủ Quỳnh Châu phụ thêm vĩ độ Nam Hải [15 độ], sao lục mục Lịch chí trong <i>Nguyên sử</i>.</p> <p>[Q.] 13 Phủ Quảng Châu là nơi đặt lý sở của tỉnh, tích tụ văn hoá lâu đời nên các đề mục nhiều hơn những phủ khác</p> <p>[H] 6 số phủ như thời Minh, châu tăng thêm 1 [Liên Châu, giáp Quảng Tây] [H] 7 địa đồ liên hoàn gồm 16 tờ [32 trang], bắt đầu từ bờ biển Quỳnh Châu vòng theo hướng tây nam qua bờ biển Liêm Châu, theo đường ven biển đến hải giới tỉnh Phúc Kiến.</p> <p>[Q.] 14 Dư đồ phân mục: Địa đồ toàn phủ, Đồ kinh (luận về địa đồ, cương vực), diên cách, sơn xuyên, [H] 8 sau mỗi phủ lại có biểu đồ diên cách của từng huyện</p> <p>[Q.] 15 Châu miền núi, giáp Quảng Tây, trực thuộc tỉnh,</p>
---	--	--

63-65	Nghệ văn chí / 藝文志 16 Thư mục, Bi ký, Thi phú.	<u>Quyển 6</u> Biên niên chí 1 / 編年志(一) Sự kiện lịch sử từ thượng cổ đến hết nhà Minh. <u>Quyển 7</u> Biên niên chí 2 / 編年志(二) Sự kiện lịch sử thời Thanh, từ năm Thuận Trị nguyên niên (1644) đến tháng Chạp năm Ung Chính thứ tám (1730) 9	[Q.] 16 Từ quyển 63 đến quyển 72 trở lại cách chép 13 quyển đầu, gồm chung các sự việc trong toàn tỉnh, lấy chuyên đề làm ương , địa phương làm mục [H] 9 Biên niên chí (quyển 6-7) tương đương với Sự kỷ (q.2 - q. 6) trong <i>Quách chí</i> [thông chí của Quách Phi]
	Quyển 63 Nghệ văn chí, thượng Thư mục 17	Quyển 8 Lễ Nhạc chí / 禮樂志	[Q] 17 danh mục xếp theo bộ Kinh, sử, tử, tập, gồm các trữ tác của tác giả trong tỉnh và của các tác giả khác viết về vùng Giao Quảng, đã mất và hiện còn, từ xưa đến đương thời.
	Quyển 64 Nghệ văn chí, trung Bi ký	Quyển 9 Hải phòng chí / 海防志 10 Tiểu dẫn, Liệt kê các Vệ, Sở, Tuần kiểm ty ven biển các cửa cảng, hải đảo. Trích lục các lệnh cấm. Trích lục các kế sách phòng vệ biển trong các sách <i>Trù hải đồ biên</i> , <i>Địa đồ tổng yếu</i> , <i>Kỷ hiệu tân thư</i> , <i>Việt đại ký</i> và phủ chí các phủ ven biển ... Bình thuyền 11 Phụ lục, Lịch triều hải khẩu [các đảng cướp biển lớn qua các thời]	[H] 10 Sau một quyển riêng về Hải phòng, <i>Hách chí</i> còn chép thêm việc phòng vệ biển vào mục Bình phòng (q. 23), <i>Quách chí</i> chép sơ lược về hải phòng và các loại binh thuyền vào phần Bình phòng (q.9- q.10) [H] 11 Ghi chép sơ lược về 11 loại thuyền binh: Quảng Hải, Khai Lãng, Thương Sơn, Bát Tương, Ngư, Lương Đầu, Ngô Công, Sa, Chiến, Việt, Dương.
	Quyển 65 Nghệ văn chí, hạ Thi phú	Quyển 10 – quyển 13 Sơn Xuyên chí / 山川志 Tiểu dẫn Phân chép núi sông cảng, đảo từng phủ, huyện.	
66 -	Ngoại chí / 外志	Quyển 14	

72	Đạo sĩ sư sãi, chùa Phật đạo tràng, tội phạm, quan tham/ác, phiên Di, các tộc dân, tạp lục	Thành trì chí / 城池志 Tiểu dẫn Phân chép thành trì các phủ	
	Quyển 66 Ngoại chí 1 Tiên Thích	Quyển 15 Thủy lợi chí / 水利志	
	Quyển 67 Ngoại chí 2 Tự quán	Quyển 16 Học hiệu chí / 學校志	
	Quyển 68 Ngoại chí 3 Tội phóng, Tham khóc	Quyển 17 Công thự chí / 公署志	
	Quyển 69 Ngoại chí 4 Phiên Di An Nam, Chiêm Thành, Xiêm La, Trảo Oa, Tam Phật Tề, Mãn Lạt Gia, Chân Lạp, Tô Môn Đấp Lạt, Tích Lan Sơn, Phật Lang Cơ, Hồng Mao,	Quyển 18 Phường đô chí / 坊都志 12	[H] 12 danh sách các khu dân cư do huyện quản lý, gồm Sương, Phường, Hương, Đô, Bảo, Thị. Trong <i>Quách chí</i> Phường đô là tiêu mục chép trong mục Thành trì, gồm Hương, Sương, Đô, Thị.
	Quyển 70 Ngoại chí 5 Các dân tộc 18	Quyển 19- quyển 22 Công phú chí / 貢賦志 [thuế khoá các loại]	[Q] 18 “Đạo Đông 獠獠 儂 戶 [người Lê], Tạp Man 雜蠻 Nuy di 倭夷 [người Nhật]”
	Quyển 71 Ngoại chí 6 Tạp lục, thượng	Quyển 23 Binh phòng chí / 兵防志 Tiểu dẫn Lịch đại binh phòng 13 Binh phòng các phủ, huyện	[H] 13 Chép chung về lục quân và thủy quân, bắt đầu từ nhà Tần, chép kỹ việc binh phòng nhà Minh, việc nhà Thanh dừng ở năm Ung Chính thứ 8
	Quyển 72 Ngoại chí 7 Tạp lục, hạ	Quyển 24 Đồn điền chí / 屯田志 Tiểu dẫn Lịch đại đồn điền 14 Quy chế đồn điền nhà Thanh. Đồn điền các phủ, vệ, 15	[H] 14 Việc thiết lập đồn điền qua các thời Hán, Tống, Nguyên, Minh. [H] 15 địa điểm, diện tích, sản lượng.
		Quyển 25 Diêm pháp chí / 鹽法志	
		Quyển 26 – 30 Chức quan chí / 職官志	
		Quyển 31 – 36 Tuyển cử chí / 選舉志	
		Quyển 37	

		Phong âm chí / 封廕志	
		Quyển 38 – 42 Danh hoạn chí / 名宦志	
		Quyển 43 Trích hoạn chí / 謫宦志	
		Quyển 44 – 48 Nhân vật chí / 人物志	
		Quyển 49 - 50 Liệt nữ chí / 列女志	
		Quyển 51 Phong tục chí / 風俗志	
		Quyển 52 Vật sản chí / 物產志	
		Quyển 53 Cổ tích chí / 古蹟志	
		Quyển 54 Đàn từ chí / 壇祠志	
		Quyển 55 Doanh mộ chí / 瑩墓志	
		Quyển 56 Tiên thích chí / 仙釋志	
		Quyển 57 Lĩnh Man chí / 嶺蠻志 Tiểu dẫn, Dao Động, Lý Hộ, Động Liêu, Đản Hộ, Tạp Man 16	[H] 16 Chép về các tộc dân Dao, Đổng, Lê, Lão, Đản, và các tộc khác, chi tiết hơn <i>Quách chí</i>
		Quyển 58 Ngoại Phiên chí / 外番志 Tiểu dẫn Lịch sử quan hệ với các nơi bên ngoài 17 Lược sử một số nước và sự giao lưu với 33 nước: Xiêm La, Tây Dương, Hà Lan, An Nam, Lưu Cầu, Tô Lộc, Chiêm Thành, Chân Lạp, Qua Oa, Tam Phật Tề, Mãn Lạt Gia, Tô Môn Đấp Lạt, Tích Lan Sơn, Kha Chi, Lự Sơn Dương, Đại Tiêu Cát Lan, Diệc Tư Bả Hãn, Tiểu Lạt Oa, Hốt Lỗ Mô Tư, Lạt Tát, A Đan, Phật Lang Cơ, Nhật Bản, Lữ Tống, Cổ Ma	[H] 17 từ thượng cổ đến thời Minh [H] 18 Tên gốc trong nguyên văn: 暹羅 西洋 荷蘭 安南 琉球 蘇祿 占城 真臘 瓜哇 三佛齊 滿刺加 蘇門答刺 錫蘭山 柯枝 溜山洋 大小葛蘭 亦思把罕 小刺哇 忽魯莫斯 刺撒 阿丹 佛郎機 日本 呂宋 古麻刺 祖法兒 百花 覽邦 渤泥 淡巴 阿魯 木骨都束 天方 Trong đó có một số nước chép kỹ như Xiêm La [hơn 16 trang], An Nam [21 trang], Chiêm Thành [8 trang], 13 nước chỉ chép mỗi nước khoảng 2 hàng. Tên các nước hài âm Hán, tương tự trong

		Lạt, Tô Pháp Nhi, Bách Hoa, Lãm Bang, Bột Nê, Đạm Ba, A Lỗ, Mộc Cốt Đô Thúc, Thiên Phương. 18	<i>Minh Sử, Minh Thực Lục và Thanh Sử Cáo</i> , tôi sẽ chú giải và đối chiếu tên hiện nay của các nước này trong một chuyên đề khác.
		Quyển 59 – 63 Nghệ văn chí / 藝文志	
		Quyển 64 Tập sự chí / 雜事志 Các việc lạ, linh dị, truyền thuyết... 19	[H] 19 Thần Nam Hải, Thần Đồng Cổ [phụ khảo về trống đồng], Đồng trụ, Thiên Hậu...
	Tổng thể bố cục Chia ba phần, phần đầu [quyển 1- quyển 13] lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục; phần hai [quyển 14- quyển 62] lấy địa phương làm cương, chuyên đề làm mục; phần ba [quyển 63- quyển 72] lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục.	Tổng thể bố cục Lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục.	

Quy ước về địa danh khi dịch sang Việt văn.

Các địa danh có chữ “Châu” đi kèm, thường gặp trong bài viết này nằm trong 3 trường hợp:

1. địa danh có âm vận “Châu / 州”, như Quỳnh Châu, Quảng Châu, Triều Châu, Cao Châu, Lô Châu, Liêm Châu, Khâm Châu... Chữ “Châu” trong những địa danh này chỉ nơi có nguồn gốc từng là đơn vị hành chính [khu vực cai trị] cấp châu thời Đường Tống, sang thời Minh Thanh các đơn vị này nâng lên làm phủ, hoặc hạ xuống làm huyện [trường hợp Khâm Châu], chữ châu được giữ làm một thành tố trong tên riêng. Trong tiếng Việt, đối với các văn bản thuộc bối cảnh thời Minh Thanh, các địa danh này phải viết đủ [là Quỳnh Châu ...], thêm hoặc không thêm tên đơn vị hành chính phủ / huyện phía trước [phủ Quỳnh Châu, huyện Khâm Châu]. Không viết châu Khâm [có thể viết tắt là: huyện Khâm]; không viết ba châu Cao, Lô, Liêm [có thể viết tắt: ba phủ Cao, Lô, Liêm (nhiều bản dịch sai điểm này)].
2. địa danh đi kèm tên đơn vị hành chính cấp “châu / 州”, như Đạm châu, Nhai châu, châu Vạn châu. **Trong một số** trường hợp có thể giữ nguyên cấu trúc như trong văn bản Hán, nhưng để phân biệt, không viết hoa chữ châu; viết theo tiếng Việt là châu Đạm, châu Nhai, châu Vạn. Ngày nay, đơn vị hành chính châu Nhai đổi gọi thị trấn Nhai Thành, châu Vạn đổi gọi thành phố Vạn Ninh [không giữ chữ châu làm thành tố như trường hợp 1]; Nhai châu/ châu Nhai được giữ làm tên vịnh biển, nên viết vịnh Nhai Châu, chữ châu trong châu Đạm vẫn giữ, là thành phố Đạm Châu [2 trường hợp này viết hoa chữ Châu].
3. địa danh đi kèm với chữ “châu / 洲” [có bộ thủy, nghĩa: cồn bãi, đảo, đại lục] như Vi Châu, Đại Mạo Châu... Đây là trường hợp khá phức tạp, địa đồ cổ viết Vi châu [cồn Vi], bản đồ mới viết Vi Châu đảo [đảo Vi Châu], Đại Mạo Châu có khi viết Đông Châu, các ghi chép này có xu hướng biến chữ châu làm thành tố cho địa danh [như các trường hợp Sa, Sơn, Nham, Lĩnh, Phong, Thạch...]. **Tôi sẽ trở lại vấn đề này bằng một chuyên luận, trước mắt** các địa danh loại này sẽ linh động theo văn cảnh và hầu hết giữ theo cấu trúc nguyên văn. Trong các bản dịch đã công bố trước đây, vì chưa kịp hệ thống tư liệu nên người viết bài này

có đôi chỗ sơ suất, xin độc giả điều chỉnh giúp các sai lầm nếu gặp phải.

Khảo sát và trích dịch

Những khảo sát về địa đồ và trích dịch các điều liên quan đến vùng biển phía nam Trung Hoa sau đây sẽ căn cứ chủ yếu vào *Quách chí* và *Hách chí*.

Khảo sát địa đồ,

Quách chí, địa đồ toàn tỉnh đặt đầu quyển 1, địa đồ các phủ đặt đầu phần viết về mỗi phủ, rải trong phần Quận huyện chí (từ quyển 14 đến quyển 62)

Địa đồ toàn tỉnh Quảng Đông không có tiêu đề (quyển 1, tờ 1b-2a), trước địa đồ là lời dẫn có tiêu đề “Dư đồ”. Cực bắc là Mai Quan 梅關 và Đại Dữu Lĩnh 大庾嶺, cực nam là châu Nhai 崖 thuộc phủ Quỳnh Châu 瓊州, cực đông là huyện Nhiêu Bình 饒平 thuộc phủ Triều Châu 潮州, cực tây là Phân Mao Lĩnh 分茅嶺.

Địa đồ phủ Quỳnh Châu không có tiêu đề (quyển 57, tờ 1b-2a), trước địa đồ là lời dẫn có tiêu đề “Dư đồ”, địa đồ thể hiện bốn bên là biển, cực nam là Tuần ty Thông Viễn 通遠巡司 thuộc địa bàn châu Nhai. Sau địa đồ là mục “Đồ kinh”, tức phần văn phụ thuyết cho địa đồ, phần viết về châu Nhai có câu: “崖州南有鼇山其巖曰大小洞天” (quyển 57, tờ 3b) [xem phần trích dịch, dưới]

Hách chí, địa đồ toàn tỉnh và các phủ, địa đồ phòng vệ biển ... in chung trong quyển 3 [xem Bảng 2]

“Quảng Đông toàn tỉnh tổng đồ / 廣東全省總圖” (quyển 3, tờ 2a-3b). Cực bắc là Mai Quan 梅關 và Đại Dữu Lĩnh 大庾嶺, cực nam là châu Nhai 崖 thuộc phủ Quỳnh Châu 瓊州, cực đông là huyện Nhiêu Bình 饒平 thuộc phủ Triều Châu 潮州, cực tây là cột mốc Phân Mao Lĩnh 分茅嶺.

“Quỳnh Châu phủ cương vực đồ” (quyển 3, tờ 21b-22a), thực tế ở góc trên phải tờ 21b thiếu [không có] tiêu đề “Quỳnh Châu phủ cương vực đồ” như địa đồ các phủ khác [lỗi bản khắc], ở góc trên trái tờ 22a là hàng chữ “瓊四面環海不載八至 / Quỳnh tứ diện hoàn hải bất tải bát chí” [Quỳnh, biển vòng quanh bốn mặt, không chép tám nơi đến], cực nam là Tuần ty Thông Viễn 通遠巡司 thuộc địa bàn châu Nhai.

“Quảng Đông hải phòng đồ / 廣東海防圖” được thực hiện trên 32 trang (16 tờ, từ tờ 27b - 43a), địa đồ này trình bày theo phép liên hoàn, bờ biển thuộc địa phận Quảng Đông nối nhau theo hình chữ Nhất [一], tổng đồ bố cực trên là biển dưới là đất liền, không định hướng. Nếu địa thế tương đối ổn định nam là biển, bắc là đất liền [như từ Trạm Giang đến Nam Áo] thì trên địa đồ sẽ đảo ngược dưới bắc trên nam, đoạn từ Trạm Giang đến Khâm

Châu biển vòng ba mặt, phương hướng trên địa đồ có nhiều thay đổi. Bắt đầu từ vùng biển Quỳnh Châu (tờ 27b-28a), châu Nhai được đặt ở phần trên phải tờ 28a [trông giống như ở vào hướng bắc], cực nam trên thực địa [cực bắc trên địa đồ] là hai nơi được tiêu danh Tiểu Động Thiên 小洞天 và Đại Động Thiên 大洞天, hai nơi này cũng được ghi nhận trong “Hải phòng chí”: Đại Động Thiên là địa giới châu Nhai; Tiểu Động Thiên là địa giới châu Nhai 97. [Quân án, Địa đồ hải phòng này được trình bày trên không gian rộng rãi nhưng tiêu danh thừa thớt, so với “Vạn lý hải phòng đồ” của Trịnh Nhượng Tăng hồi 200 năm trước đó, địa đồ hải phòng trong *Hách chí* có vẻ kém hơn.] 98

Trích dịch các điều mục liên quan,

Trích:

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 4a. Hình thắng toàn tỉnh

“形勝

粵東封域東南環海也東自閩之詔安縣界轉而南踰瓊州至西南為安南界則四千里而盈西北皆山也西南自安南銅柱界繞而西為西粵界”

[郝志- 卷之四, 疆域志, 第四頁前]

Châm câu và điểm địa danh [qua phiên âm] 99:

“Hình thắng

Việt Đông phong vực, đông nam hoàn hải dã, đông tự Mân chi Chiếu An huyện giới chuyển nam du Quỳnh Châu, chí tây nam vi An Nam giới tắc tứ thiên lý; nhi doanh tây bắc giai sơn dã, tây nam tự An Nam Đồng trụ giới nhiều nhi tây vi Tây Việt giới.”

Dịch:

“Hình thắng

Bờ cõi tỉnh Quảng Đông, biển ôm vòng phía đông nam, hướng đông từ địa giới huyện Chiếu An tỉnh Phúc Kiến chuyển sang hướng nam qua phủ Quỳnh Châu đến nơi địa giới An Nam ở phía tây nam là bốn ngàn dặm; tiếp qua phía tây bắc đều là núi, từ chỗ trụ đồng địa giới An Nam vòng qua phía tây nam là địa giới tỉnh Quảng Tây.”

Phân tích

Việt Đông tức Quảng Đông, phong vực tức cương vực/ lãnh địa, Mân tức Phúc Kiến, Tây Việt [hoặc Việt Tây] tức Quảng Tây. Đoạn văn này khái quát bờ cõi toàn tỉnh Quảng Đông, về phía bờ biển, ước tổng chiều dài tính từ nơi giáp Phúc Kiến vòng qua đảo Hải Nam vào huyện Khâm Châu nơi giáp biên giới Việt Nam khoảng hai ngàn Kilômét.

Có thể xảy ra trường hợp chắm câu sai, hoặc trích ngang đoạn, lấy địa danh Quỳnh Châu làm chủ ngữ “ Quỳnh Châu chí tây nam vi An Nam giới tắc tứ thiên lý ”, khi rơi vào trường hợp này, không gian mặt biển và hải giới sẽ được diễn giải sai.

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 65b - 66b. Cương vực phủ Quỳnh Châu.

Trích:

“瓊州府

疆域

瓊州府至省城一千七百里地居海中廣九百七十里袤九百七十五里自雷渡海一日可至瓊為都繪會居島之北儋居西陲* [君按: 原本作郵 誤] 崖居南陲* 萬居東陲* 內包黎峒萬山峻拔外匝大海遠接外島諸國 瓊管*[君按: 原本作筦 同音義] 古志云外匝大海接烏里蘇密吉浪之州南則占城西則真臘交趾東則千里長沙萬里石塘北至雷州府徐聞縣東至萬州海岸四百九十里 西至儋州海岸四百八十里 南至崖州海岸九百六十五里 北至環海鋪十里 東北至文昌縣海岸一百六十里 西南至感恩縣海岸八百一十里 西北至臨高縣海岸二百八十里 東南至陵水縣海岸五百四十里 上至京師九千七百一十五里 外路由裏海順風五六日達廣州大海放洋者三四日可至東至福建則七八日浙江十三日西至廣州四日自儋州西行二日可達交趾萬寧縣三日可抵斷山雲屯縣崖州南行二日接占城國 ”

[郝志- 卷之四, 疆域志, 第六十五頁後至六十六頁後]

Chắm câu:

“Quỳnh Châu phủ

Cương vực

Quỳnh Châu phủ chí tinh thành nhất thiên thất bách lý, địa cư hải trung, quảng cửu bách thất thập lý, mậu cửu bách thất thập ngũ lý. Tự Lôi độ hải nhất nhật khả chí. Quỳnh vi đô hội cư đảo chi bắc, Đam cư tây thùy [Quân án: nguyên bản viết bru, ngô] 100, Nhai cư nam thùy, Vạn cư đông thùy, nội bao Lê động, vạn sơn tuần bạt, ngoại tạp đại hải, viễn tiếp ngoại đảo chư quốc, Quỳnh quản [Quân án: nguyên bản viết quản, đồng âm/ nghĩa] 101 cô chí vân: ngoại tạp đại hải, tiếp Ô Lý, Tô Mật, Cát Lăng chi châu; nam tắc Chân Lạp, Giao Chi; đông tắc Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc chí Lôi Châu phủ Từ Văn huyện. Đông chí Vạn Châu hải ngàn tứ bách cửu thập lý, tây chí Đam Châu hải ngàn tứ bách bát thập lý, nam chí Nhai Châu hải ngàn cửu bách lục thập ngũ lý, bắc chí Hoàn Hải Phố thập lý, đông bắc chí Văn Xương huyện hải ngàn nhất bách lục thập lý, tây nam chí Cẩm Ân huyện hải ngàn bát bách nhất thập lý, tây bắc chí Lâm Cao huyện hải ngàn nhị bách bát thập lý, đông nam chí Lăng Thủy huyện hải ngàn ngũ bách tứ thập lý, thượng chí Kinh sư cửu thiên thất bách nhất thập ngũ lý. Ngoại lộ do lý hải thuận phong ngũ lục nhật đạt Quảng Châu, đại hải phóng

dương giả tam tứ nhật khả chí, đông chí Phúc Kiến tắc thất bát nhật, Triết Giang thập tam nhật, tây chí Quảng Châu tứ nhật. Tự Đam Châu tây hành nhị nhật khả đạt Giao Chỉ Vạn Ninh huyện, tam nhật khả để Đoán Sơn Vân Đồn huyện. Nhai Châu nam hành nhị nhật tiếp Chiêm Thành quốc”

Dịch:

“Cương vực

Phủ Quỳnh Châu đến tỉnh thành [Quảng Châu] 1.700 dặm, ở trong biển, từ đông sang tây 970 dặm, từ bắc xuống nam 975 dặm. Từ phủ Lôi Châu qua biển một ngày thì tới. Quỳnh Châu là nơi đô hội ở phía bắc đảo, châu Đam ở rìa tây, châu Nhai ở rìa nam, châu Vạn ở rìa đông, ôm động Lê ở giữa, núi non trùng điệp hùng vĩ, biển lớn vòng bên ngoài, phía xa tiếp giới những đảo ngoài cửa các nước. Sách *Quỳnh quản chí* xưa viết rằng: biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Mộc, Cát Lãng; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lôi Châu. [Từ phủ lý] đông đến bờ biển châu Vạn 490 dặm, tây đến bờ biển châu Đam 480 dặm, nam đến bờ biển châu Nhai 965 dặm **102**, bắc đến Hoàn Hải Phố 10 dặm; [Từ phủ lý] phía đông bắc đến bờ biển huyện Văn Xương 160 dặm, phía tây nam đến bờ biển huyện Cẩm Ân 810 dặm, phía tây bắc đến bờ biển huyện Lâm Cao 280 dặm, phía đông nam đến bờ biển huyện Lãng Thủy 540 dặm, lên Kinh sư 9.715 dặm. Đường bên ngoài phủ: theo đường biển bên trong gặp gió thuận 5, 6 ngày tới Quảng Châu còn băng qua biển lớn bên ngoài thì 3, 4 ngày có thể tới; theo hướng đông 7, 8 ngày tới Phúc Kiến, 13 ngày tới Triết Giang; theo hướng tây 4 ngày tới Quảng Châu. Từ châu Đam theo hướng tây 2 ngày tới huyện Vạn Ninh [nước] Giao Chỉ, 3 ngày tới Đoán [Đoạn] Sơn huyện Vân Đồn. Từ châu Nhai theo hướng nam 2 ngày tiếp giới nước Chiêm Thành.

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 71a – 72a. Hình thắng phủ Quỳnh Châu.

Trích:

“瓊州府

形勝

瓊以海為界地饒食貨黎峒介峙郡邑環之瓊山都會之區土壤平衍前瞰清流後連碧海....萬州三曲水環泮宮六連山障州治千里長沙萬里石塘煙波隱見陵水週錄為禱雨之嶺雙女成迴瀾之渝嶼海波洶湧響答聲山...”

[郝志- 卷之四, 疆域志, 第七十一頁前至七十二頁前]

Châm câu:

“Quỳnh Châu phủ

Hình thắng

Quỳnh dĩ hải vi giới, địa nhiều thực hoá, Lê động giới trĩ, quận áp hoàn chi. Quỳnh Sơn đô hội chi khu, thổ nhượng bình điền, tiền khám thanh lưu, hậu liên bích hải... Vạn Châu Tam Khúc Thủy hoàn phán cung, Lục Liên

Sơn chướng châu trị, thiên lý Trường sa, vạn lý Thạch đường, yên ba ẩn kiến.
Lăng Thủy Chu Lục vi đảo vũ chi lĩnh, Song Nữ thành hồi lan chi du du, hải
ba hung dũng, hưởng đáp Thanh Sơn...”

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu

Hình thắng

Quỳnh Châu lấy biển làm biên, được đất tốt làm nền kinh tế, động Lê
riêng cõi, thành trấn vây quanh. Huyện Quỳnh Sơn là nơi đô hội, địa thế
bằng phẳng, trước nhìn xuống dòng xanh, sau dựa vào biển biếc... Vạn
Châu sông Tam Khúc lượn quanh nhà học, núi Lục Liên che chắn nha môn,
Trường Sa ngàn dặm, Thạch Đường vạn dặm, ẩn hiện trong khói sóng.
Huyện Lăng Thủy có núi Châu Lục là nơi cầu mưa, hòn Song Nữ sóng vờn
quanh quần, biển cả âm ào, đáp tiếng vọng từ đảo Thanh Sơn...”

Phân tích,

*Đây là đoạn văn trích từ bài Tán mở đầu cho mục Hình thắng, thể biến
ngẫu, nặng chất văn, nhằm ca tụng quang cảnh thiên nhiên, hàm nghĩa
“tổng quát Quỳnh quận biệt khai tuyệt đảo”. Hầu hết các danh thắng được
nói đến đều là những nơi đến được, thấy được, Tam Khúc Thủy còn gọi Nam
Độ Khê hoặc gọi Đại Khê Thủy cách phía nam trị sở Vạn Châu 7 dặm, là
một nhánh của Thích Dung Hà 踢容河, núi Lục Liên cách phía bắc châu trị
60 dặm làm nơi tựa lưng cho phủ thành; núi Chu Lục cách huyện lỵ Lăng
Thủy 10 dặm về phía đông, gần cảng Thủy Khẩu, hòn Song Nữ ở ngoài khơi
cửa cảng, hòn Thanh Sơn xa ra biển 30 dặm. Riêng hai nơi được gọi Thiên
Lý Trường Sa và Vạn Lý Thạch Đường trong đoạn văn này hình như chỉ
mang tính văn liệu nhằm tạo chất giọng hoành tráng bổ trợ cho các danh
thắng khác. Nếu thực có bãi cát, ngấn đá “ ẩn hiện trong khói sóng” thuộc
vùng biển Vạn Châu, thì đó là những nơi gần bờ biển, trong tầm mắt và
chúng đang được diễn tả bằng mỹ từ ước lệ.*

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 61b. Châu Vạn

Trích:

“萬州 - 山川

長沙海石塘海俱在城東海外洋古志云萬州有千里長沙萬里石塘然俱
在外海莫稽其實”

[郝志- 卷之十三, 山川志 -四,第六十一頁後]

Châm câu:

“Vạn Châu

Sơn xuyên

Trường Sa hải - Thạch Đường hải, câu tại thành đông, hải ngoại dương, cổ chí vân: ‘Vạn Châu hữu Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhiên câu tại ngoại hải, mạc kê kỳ thực”

Dịch:

“Châu Vạn

Núi sông

Biển Trường Sa – biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng: ‘Châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được”

Phân tích

Trong mục Sơn xuyên, phần châu Vạn, riêng vùng châu trị [không kể các huyện] điếm qua 20 danh sơn, 5 dòng sông lớn, 3 cửa cảng, 1 vịnh biển, khoảng cách và phương hướng từ châu trị đến các nơi ấy đều cụ thể. Trường hợp “biển Trường Sa – biển Thạch Đường” được chép sau cùng, như chỉ nhằm lưu giữ một truyền thuyết, kết luận của những người biên soạn Hách chí cho thấy đến thời điểm 1730, biển Trường Sa – biển Thạch Đường vẫn là nơi “biển ngoài / ngoại hải” và cũng nằm ngoài sự hiểu biết của họ. Cũng cần nói thêm về thông lệ biên soạn phương chí, thường các tác giả biên soạn sau sẽ trích dẫn những thông tin từ các sách trước, kể đến là cập nhật thêm thông tin đương thời hoặc đính chính các sai lầm của người trước về đối tượng được đề cập, thí dụ [cùng nguồn, cùng viết về châu Vạn]: “Nam cảng, cách trị sở châu 30 dặm về phía đông nam. Thông chí cũ viết là cách 150 dặm về phía đông, lầm”.

Hách chí, quyển 9, Hải phòng chí, tờ 4a-4b,

Trích:

“海防 - 形勢

衝要 自瓊州樂會縣接安南界起

大洞天 崖州界.

小洞天 崖州界

雙洲門 陵水縣界

灑洲 錦囊所界

...[君注, 全目共載六十二處, 摘錄四處]*

共計五千里抵福建”

[郝志- 卷之九, 海防志, 第一頁前至六頁前]

Dịch:

“Hải phòng – Hình thắng

[Các nơi] Xung yếu, bắt đầu từ huyện Lạc Hội Quỳnh Châu nơi tiếp giới An Nam, [gồm các nơi]

Đại Động Thiên, giáp giới Nhai Châu [với An Nam]

Tiểu Động Thiên, giáp giới Nhai Châu [với An Nam]

Song Châu Môn, giáp giới huyện Lăng Thủy [với An Nam]

Vi Châu, giáp giới sở Cẩm Nang [với An Nam]

... [Quân chú, toàn mục cộng chép 62 nơi, trích lục 4 nơi]...

Tính chung năm ngàn dặm đến Phúc Kiến.

Phân tích

Trong “Hải phòng chí” mục Hình thắng trích dịch trên đây gồm 2 phần nội dung, phần đầu mô tả hải lộ với ba đường Đông lộ, Trung lộ, Tây lộ lấy điểm mốc từ Quảng Châu ra biển; phần sau là liệt kê 62 nơi xung yếu trên vùng biển thuộc Quảng Đông, từ nơi giáp giới biển An Nam đến địa giới tỉnh Phúc Kiến. Trong 62 nơi này có 4 nơi giáp giới An Nam [đã trích dịch], chúng đều được tiêu danh trên địa đồ “Quảng Đông hải phòng đồ” (quyển 3, tờ 27b-43a) [xem phần Khảo sát địa đồ, trên]. Đại, Tiểu Động Thiên trên đỉnh núi Thí Kiếm Phong ven biển. Song Châu Môn cách trị sở Nhai Châu về phía đông 80 dặm, ngoài biển, qua phía đông giáp giới huyện Lăng Thủy và châu Nhai, xuống phía nam giáp giới biển An Nam. Đảo Vi Châu 瀛洲, còn gọi Đại Bồng Lai 大蓬萊, [nay thuộc Quảng Tây] ở phía nam phủ Liêm Châu, phía tây phủ Lôi Châu, trong khoảng 109 độ kinh đông, 21 độ vĩ bắc. Về hệ thống quân sự, Vi Châu là địa bàn trú đóng thủy quân của sở Cẩm Nang, một trong năm sở [đồn biên phòng] thuộc vệ Lôi Châu.

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 64b - 66b. Châu Nhai

Trích:

“崖州 -山川

南山嶺在城南十里亦名南山高二十丈元王士熙名曰鰲*[君按:各志作鼇]
山上有萬仞泉泉出石穴清冷可掬

試劍峰在城南二十里海濱山有巨石高二丈餘宋毛奎題小洞天三字刻石上南有石臨海題曰釣臺又東為大洞天有石室題曰海山奇觀旁有石題曰仙梯

雙洲門在城東八十里雙洲對峙狀如兩扉

大小玳瑁洲大洲在東海中小洲在西海中”

[郝志- 卷之十三, 山川志 -四, 第六十四頁後至六十六頁後]

Dịch:

“ Châu Nhai – Núi sông

Nam Sơn Lĩnh cách phía nam trị sở châu 10 dặm, còn gọi Nam Sơn, cao 20 trượng. Vương Sĩ Hi thời Nguyên đặt tên Ngao Sơn [Quân chú, các chí viết Ngao bộ Mãnh 𪔐, *Hách chí* viết Ngao bộ Ngư 魚], trên có thác Vạn Nhận, thác bung ra từ hang đá, nước trong mát có thể vốc [uống]

Vạn Nhận Phong cách phía nam trị sở châu 20 dặm, sát biển, núi này có khối đá lớn cao hơn 2 trượng, người thời Tống là Mao Khuê viết ba chữ “Tiểu Động Thiên” khắc lên đó, phía nam có khối đá vươn ra biển viết chữ “Điếu Đài” [chỗ ngồi câu], lại phía đông là Đại Động Thiên có khối đá viết chữ “Hải Sơn Kỳ Quan”, bên cạnh có khối đá viết chữ “Tiên Thê” [thang tiên]

Song Châu Môn cách phía đông trị sở châu 80 dặm, hai bãi đối nhau giống như hai cánh cửa.

Đại Tiểu Đại Mạo Châu, Đại Châu ở phía đông, trong biển, Tiểu Châu ở phía tây, trong biển.”

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 3b.

Trích:

“瓊州府- 圖經

崖州南有鼇山其巖曰大小洞天”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 第四十四, 第三頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu - Đồ kinh

Phía nam châu Nhai có Ngao Sơn, có hang gọi Đại Tiểu Động Thiên.”

Phân tích

Đồ kinh trong Quách chí nhầm lẫn, Ngao Sơn tức Nam Sơn, từ đây về phía nam thêm 10 dặm mới đến vùng núi Thí Kiếm Phong [Vạn Nhận Phong, Điếu Đài Sơn] nơi có hang Đại Tiểu Động Thiên.

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 18a-b.

Trích:

“瓊州府- 山川

崖州 南十里曰南山其上有萬仞泉 壁立海偏為洲屏障石穴出清冷可掬 二十里曰釣臺山 峯頂有石船長丈餘中闊四尺中有試劍峯其巖曰大小洞天”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 第四十四, 第十八頁]

Dịch:

“Quỳnh Châu phủ - Sơn xuyên

Châu Nhai, cách về phía nam 10 dặm là Nam Sơn, trên có thác Vạn Nhận, như bức vách bên bờ biển, làm bình phong cho châu, có hang đá bung ra dòng nước trong mát có thể vốc uống, cách về phía nam 20 dặm là Điều Đài Sơn, đỉnh có phiến đá hình thuyền dài hơn trượng, trong rộng bốn thước, trong là Thí Kiếm Phong có hang gọi Đại Tiểu Động Thiên.”

Phân tích

Đoạn này Quách chí chép đúng về vị trí Đại Tiểu Động Thiên, tức đã chép khác đi so với mục Đồ kinh

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 14b. Quỳnh Châu phủ

Trích:

“瓊州府- 山川

文昌縣北一百五十里曰七星山其下七星之泉出焉 在大海中峯連有七一名七洲洋山下出淡泉航海者必於取水採薪其東七星泉晝夜混混不涸”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 第四十四, 第十四頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu – Núi sông

Huyện Văn Xương, cách về phía bắc huyện lỵ 150 dặm là Thất Tinh Sơn, dưới là nơi bung ra thác Thất Tinh, ở trong biển lớn, bảy ngọn liền nhau, còn có một tên là Thất Châu Dương Sơn, dưới có suối nước ngọt, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước, ở phía đông, thác Thất Tinh đổ ào ào ngày đêm không dứt.”

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 41b. Huyện Văn Xương

Trích:

“文昌縣 -山川

七星山在城西北一百五十里各舊志在城東誤臨海高五百丈七峰如七星連珠亦名七洲洋山明天啟時建塔於上 ”

[郝志- 卷之十三, 山川志 -四,第四十一頁後]

Dịch:

“Huyện Văn Xương – Núi sông

Thất Tinh Sơn cách phía tây bắc huyện lỵ 150 dặm, các thông chí cũ nói ở phía đông huyện lỵ, làm, ra ngoài biển, cao 500 trượng, bảy ngọn như bảy vì sao liền như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn, trong niên hiệu Thiên Khải nhà Minh, dựng tháp trên đó.”

Quách chí, quyển 72, Ngoại chí 7, Tạp lục- hạ, tờ 27a.

Trích:

“瓊州府
極外 交廣二州記珠崖在大海中南極之外吳時復置太守住徐聞縣遙撫
之”

[郭志, 卷之七十二, 外志七, 雜錄下, 第二十七頁前]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu

Xứ ngoài cùng, sách *Giao Quảng nhị châu ký* [viết] 103 Châu Nhai ở trong biển, ngoài cùng phía nam, thời Ngô đặt lại chức Thái Thú [nhưng] trú ở huyện Từ Văn mà quản lý từ xa.”

Nhận xét,

Tra qua hai thời Minh- Thanh, hai bộ thông chí tiêu biểu đã cho thấy các địa đồ thể hiện cương vực tỉnh Quảng Đông về phía biển nam chỉ đến hết phần đất châu Nhai. Các địa danh nơi địa đầu được ghi nhận có chỗ giản lược có chỗ chi tiết, nhưng đều có sự tương quan và bổ túc cho nhau. Phối hợp các ghi chép về cương vực, hình thặng và sơn xuyên có thể thấy rằng núi cao ven biển cực nam là Thập Kiếm Phong/Điếu Đài Sơn, nơi có kỳ quan Đại Tiểu Động Thiên cách châu trị 20 dặm về phía nam, đảo ngoài khơi là Đại, Tiểu Đại Mạo Châu và Song Châu Môn cách châu trị không xa lắm về phía nam, với những con số dặm đường khá cụ thể. Phối hợp quan sát thêm “Vạn lý hải phòng đồ” của Trịnh Nhưặc Tăng thời Minh Gia Tĩnh hồi hơn 100 năm trước và “Quảng Đông dư địa tổng đồ” 104 trong thông chí của Nguyễn Nguyên gần 100 năm sau – thời điểm hai bộ thông chí đang xét - sẽ thấy rằng cương vực tổng thể tỉnh Quảng Đông trong 400 năm không có gì thay đổi.

Xuyên suốt các thông chí, địa danh Thất Tinh Sơn hoặc gọi Thất Châu Dương Sơn đều được xác định là nơi ở biển phía đông hoặc tây bắc huyện Văn Xương, cách huyện lỵ khoảng hơn 50 Kilômét hoặc 75 Kilômét, tùy theo cách chép của từng chí.

Biển Trường Sa, biển Thạch Đường hay Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường được nhắc đến với lời kết luận rất rõ của những người biên soạn thông chí rằng, đó là nơi có ghi trong cổ chí nhưng trên thực tế không biết chúng ở nơi nào.

IV. Địa phương chí

Địa phương chí liên quan trực tiếp đến vùng biển nam Trung Hoa là các phủ chí Quỳnh Châu. Theo biên chép trong *Dư địa kỷ thắng* (1221) thì vùng

đảo này đã có chuyên thư về địa lý khá sớm, sách *Quỳnh quản chí* mà Vương Tượng Chi trích lục chí ít cũng ra đời sớm hơn *Dư địa kỷ thắng* vài mươi năm, cơ quan “Quỳnh quản an phủ đô giám” được thiết lập vào năm Tuyên Hoà thứ năm (1123) và tên sách được đặt theo tên cơ quan này.¹⁰⁵

Trong *Quảng Đông thông chí*, quyển 63- Nghệ văn chí, thấy Quách Phi chép tên ba bộ, một bộ viết trong thời Nguyên là *Quỳnh Hải phương dư chí* 瓊海方輿志 của Sái Vi 蔡微; hai bộ thời Minh là *Quỳnh Đài ngoại kỷ*, 5 quyển 瓊臺外紀 五卷 của Vương Tá 王佐 ¹⁰⁶ và *Quỳnh Đài chí* 瓊臺志 của Đường Trạ 唐胄.¹⁰⁷

Trong thời Thanh, phủ chí Quỳnh Châu được biên soạn và bổ biên nhiều lần. Dựa vào bộ *Quỳnh Châu phủ chí*, 44 quyển, do Long Bản bổ san năm 1891- qua các lời Tựa được sưu tập trong bộ này - cho thấy trước Long Bản đã có các bộ của Ngưu Thiên Túc (1676), Giả Đường (1706), Tiêu Ứng Thực (1774), Minh Nghị (1836), Trương Nhạc Tung (1841) và một người bổ biên khuyết danh (1866). ¹⁰⁸

Các trích đoạn khảo sát trong phần này dựa vào bản Long Bản ¹⁰⁹

[Bảng 2] **Mục lục Quỳnh Châu phủ chí:**

Mục lục <i>Quỳnh Châu phủ chí</i> 44 quyển và quyển Thủ, Long Bản, 1891	瓊州府志目錄 四十四卷 首一卷
Quyển Thủ Lời Tựa, Địa đồ, Bảng biểu Lời Tựa, gồm các bài: “Lời tựa soạn tiếp QCPC” của Minh Nghị, tiến sĩ, Binh bị hai đạo Lôì Châu, Quỳnh Châu, Tri phủ Quỳnh Châu, không đề năm. [<i>Quỳnh Châu phủ chí</i> viết tắt QCPC] “Lời tựa soạn tiếp QCPC” của Trương Nhạc Tung, đề năm Đạo Quang Tân Sửu [1841]. “Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hi thứ mười lăm [1676]” của Ngưu Thiên Túc, tiến sĩ, Tri phủ. “Lời tựa cho lần chỉnh sửa, bổ túc năm Khang Hi thứ bốn mươi lăm [1706]” của Giả Đường, Sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ. “Lời tựa soạn tiếp năm Càn Long thứ ba mươi chín [1774]” của Tiêu Ứng Thực, Sinh viên Quốc tử giám, Tri phủ. “Lời tựa cho lần khắc in thêm QCPC” của Long Bản, Thự tri phủ Quỳnh Châu, đề năm Đạo Quang thứ mười sáu [1891]. Địa đồ, khuyết Bảng biểu, biểu diên cách qua các đời	卷首 序 圖 表 序 續修瓊州府志序, 明誼進士, 廣東雷瓊兵備道知瓊州府事 續修瓊州府志序, 張岳崧 道光辛丑 康熙十五年重修志序, 牛天宿 進士, 郡守 康熙四十五年重修志序, 賈棠 歲貢, 郡守 乾隆三十九年續修志序, 蕭懋植 拔貢, 郡守 補刊瓊州府志序, 隆斌 署瓊州府事, 光緒十六年 圖 [缺] 表 歷代沿革表
Q. 1, Dư địa chí	卷之一 輿地志

Thay đổi hành chính, địa giới qua các đời	歷代沿革
Q.2, Dư địa chí Không gian tương ứng giữa các chòm sao và vùng đất Khí hậu, phụ chép về Thủy triều	卷之二 輿地志 星野 氣候 潮汐附
Q.3, Dư địa chí Bờ cõi [phân chép Tứ chí bát đảo các châu / huyện] Phong tục	卷之三 輿地志 疆域 風俗
Q.4, Dư địa chí Núi sông, phụ chép Hang, động, giếng, thác Thủy lợi	卷之四 輿地志 山川 巖洞井泉附 水利
Q.5, Dư địa chí Sản vật	卷之五 輿地志 物產
Q.6, Kiến trí chí [Kiến trúc, xây dựng] Thành trì, phụ chép các công sở	卷之六 建置志 城也 公署附
Q.7, Kiến trí chí Trường học [trường Nho học công lập ở phủ, châu, huyện] Thư viện [di tích thư viện danh nhân, các trường học tư và trường hương học]	卷之七 建置志 學校 書院
Q.8, Kiến trí chí Các nơi hành lễ và đền thờ [công cộng]	卷之八 建置志 壇廟
Q.9, Kiến trí chí Các khu dân cư, chợ Cầu cống, bến đò	卷之九 建置志 都市 橋度
Q.10, Kiến trí chí Kho chứa lương thực Công tam quan, nhà bia kỷ niệm	卷之十 建置志 倉諸 坊表
Q.11, Kiến trí chí Di tích xưa, Khu mộ cổ Cơ sở từ thiện	卷之十一 建置志 古蹟 塋墓 養濟
Q.12, Kinh chính chí [Kinh tế, Hành chính] Tuyển cử, đề bạt Lương bổng, phụ thêm quy chế tiền tệ	卷之十二 經政志 銓選 祿餉 錢法附
Q.13, Kinh chính chí Hộ khẩu	卷之十三 經政志

Ruộng đất, phụ thêm đất tịch điền Đồn điền Phân loại đất trồng trọt Thuế khoá, phụ thêm việc nộp thổ sản	戶口 土田 藉田附 屯田 科則 賦役 土貢附
Q.14, Kinh chính chí Sản xuất muối Thuế chăn nuôi, tiểu thủ công, thương nghiệp, dịch vụ...Phụ thêm quy chế giảm thuế	卷之十四 經政志 鹽法 權稅 豁除積弊附
Q.15, Kinh chính chí Quy chế tế tự Nho giáo [lễ hội công] Nơi thờ Phật	卷之十五 經政志 祀典 釋奠
Q.16, Kinh chính chí Quy chế giáo dục	卷之十六 經政志 學制
Q.17, Kinh chính chí Chế độ, cơ cấu quân đội Bưu chính Quy chế quản lý tàu bè	卷之十七 經政志 兵制 郵政 船政
Q.18, Hải Lê chí [việc biển và người Lê] Việc phòng vệ biển Khí tượng, thủy văn	卷之十八 海黎志 海防 風潮
Q.19, Hải Lê chí Cướp biển Các kiến nghị về phòng vệ biển	卷之十九 海黎志 海寇 防海條議
Q.20, Hải Lê chí Tình hình người Lê Thôn động [người Lê]	卷之二十 海黎志 黎情 村峒
Q.21, Hải Lê chí Cửa quan, cửa ải	卷之二十一 海黎志 關隘
Q.22, Hải Lê chí	卷之二十二 海黎志

Canh phòng người Lê, phụ, các đợt trấn áp người Lê	防黎 撫黎附
Q.22 – 25, Chức quan chí Cơ cấu quan lại	卷之二十三 至 卷之二十五 職官志
Q.26 – 28, Tuyển cử chí Người tài được tiến cử, Tiến sĩ, Cử nhân, Võ khoa, Sinh viên Quốc tử giám, Viên chức, Võ quan, Phong tặng cho con cháu danh thần công thần, Chức tước thế tập	卷之二十六 至 卷之二十八 選舉志 徵辟, 進士, 舉人, 武科, 貢選, 吏員, 營弁, 封贈,
Q.29 – 32, Hoạn Sur chí Quan từ Kinh đô điều đến [qua các thời, Hán đến Nguyên sơ lược, Minh Thanh chép kỹ] Thành tích chiến đấu Quan bị đày đến Người có danh từ nơi khác đến ở	卷之二十九 至 卷之三十二 宦師志 宦績 明, 國朝 武功, 謫宦 流寓
Q.33 – 37, Nhân vật chí Người hiền [Tống, Nguyên, Minh, Thanh] Trung nghĩa, con tốt bạn tốt, có học, có tên trên văn đàn, kiên định, sáng suốt, ở ẩn, sống lâu chết đẹp, các bậc thầy [y, lý, số, khoa kỹ], đạo sĩ sư sãi, đàn bà con gái tiết hạnh	卷之三十三 至 卷之三十七 人物志 名賢 宋, 元, 明, 國朝 忠義, 孝友, 儒林, 文苑, 篤行, 卓行, 隱逸, 耆舊旋 壽附, 方伎, 仙釋, 列女
Q.38 – 41, Nghệ văn chí Sắc, biểu, sớ, ký, tự, truyện, thư, nghị, bạt, minh, tạp văn, tế văn, phú, thi. [sưu tập]	卷之三十八 至 卷之四十一 藝文志 勅, 表, 疏, 記, 序, 傳, 書, 議, 跋, 銘, 雜文, 祭文, 賦, 詩.
Q.42 – 44, Tạp chí	卷之四十二

Sự kỷ [biên niên sự kiện trích từ chính sử và phương chí từ Hán đến Thanh] Thư mục có liên quan qua các thời, [phân Kinh, sử, tử, tập] Chép lại văn khắc trên đồng trên đá Truyện kể dân gian Chuyện lạ kỳ	至 卷之四十四 雜誌 事紀, 藝文書目, 金石, 遺事, 紀異.
Toàn bộ phân thành 10 chí	全部分十志

Trích dịch

Trích:

Q.1, Dư địa chí 1, Diên cách, tờ 9b [cuốn 1, tr.86]

“瓊州府本古雕題離耳二國漢武帝平南越遣軍往漲海洲上畧得之始置
珠崖儋耳二郡督於交州 黃佐廣東通志圖經”

[瓊州府志,卷之一,輿地志-沿革,第九頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu vốn xưa là hai nước Điều Đề, Ly Nhĩ, lúc Hán Võ đế dẹp
yên Nam Việt sai quân vượt các châu trên Trường Hải mà lấy được, bắt
đầu đặt hai quận Châu Nhai, Đàm Nhĩ, cho thuộc Giao Châu, theo Hoàng Tá,
Quảng Đông thông chí- Đồ kinh.”

Trích:

Q.2, Dư địa chí 3, Triều tịch, tờ 8a [cuốn 1, tr.121]

“謝承後漢書曰交趾七郡貢獻皆從漲海出入則瓊之海其漲海乎 澄邁志. 南
溟者天池也地極燠故曰炎海水恒溢故曰漲海沸海 文昌志”

[瓊州府志,卷之二,輿地志-潮汐,第八頁後]

Dịch:

“ Trong *Hậu Hán thư*, Tạ Thừa **110** nói rằng ‘ bảy quận Giao Chỉ đến triều
công đều ra vào theo ngã Trường Hải ’, tất biển Quỳnh Châu là Trường
Hải vậy’ theo Trùng Mậu huyện chí.

Biển nam là ao trời, nơi rất nóng gọi là viêm hải, nơi nước dâng rất cao gọi
là trường hải, phí hải. theo Văn Xương huyện chí.”

Phân tích:

*Ba đoạn trích dịch trên đây đề cập đến tên gọi Trường Hải, do Quỳnh
Châu phủ chí trích lục từ ba nguồn. Một, từ mục Đồ kinh trong Quảng
Đông thông chí của Hoàng Tá (Minh); hai, từ huyện chí huyện Trùng Mậu;
ba, từ huyện chí huyện Văn Xương.*

Cả ba đoạn đều có liên quan đến tên gọi Trường Hải, hai đoạn xác định Trường Hải là vùng biển Quỳnh Châu. Trùng Mai là huyện nằm phía tây bắc Quỳnh Châu, vùng biển Trùng Mai giáp vùng biển bán đảo Lôi Châu và vùng biển vịnh Bắc Bộ [Việt Nam], huyện chí Trùng Mai viết về địa bàn bản huyện, việc huyện chí trích lục Tạ Thừa cũng do yếu tố liên quan nguồn gốc lịch sử của địa danh.

Văn Xương là huyện phía đông bắc Quỳnh Châu, huyện này nhìn ra vùng biển rộng lớn hơn so với huyện Trùng Mai, huyện chí huyện Văn Xương nhắc đến trường hải với hàm nghĩa là một tính từ [không phải địa danh].

Trích:

Q.3, Dư địa chí 4, Cương vực, tờ 1a [cuốn 1, tr.125]

“瓊州地居海中東西距九百七十里南北距九百七十五里自徐聞渡海半日可至瓊爲都會居島之北儋居西陲崖居南陲萬居東陲內包黎峒萬山峻拔外匝大海遠接島夷諸國瓊筦古志云外匝大海接烏里蘇吉浪*[君按: 各志作‘蘇木吉浪’]之州南則占城西則真臘交阯*[君按: 各志作‘趾’]東則千里長沙萬里石塘北接雷州府徐聞縣蕭志東至萬州烏魚場海岸四百九十里南至崖州小洞天海岸一千一百三十里西至儋州羊浦海四百八十里北至環海舖十里牛志”

[瓊州府志,卷之三,輿地志-疆域,第一頁前]

Dịch:

“Quỳnh Châu ở trong biển, khoảng cách đông tây 970 dặm, nam bắc 975 dặm, từ huyện Từ Văn qua biển nửa ngày thì tới. [phủ] Quỳnh Châu là nơi đô hội, ở phía bắc đảo, châu Đam ở rìa tây, châu Nhai ở rìa nam, châu Vạn ở rìa đông, [bốn nơi này] bao bọc động Lê. Núi non trùng điệp hùng vĩ, biển lớn vòng bên ngoài, phía xa tiếp giới hải đảo các nước. Sách *Quỳnh châu quản chí* xưa viết rằng: biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Cát Lãng***111**; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ***112**; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lôi Châu, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực. [từ phủ lý] Phía đông đến bờ biển bãi Ô Ngư châu Vạn 490 dặm, phía nam đến bờ biển nơi Tiểu Động Thiên châu Nhai 1130 dặm **113**, phía tây đến biển Dương Phố châu Đam 480 dặm, bắc đến Hoàn Hải Phố 10 dặm, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Ngưu Thiên Túc.”

Trích:

Q.4, Du địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 15b [cuốn 1, tr.180]

“文昌縣

七洲洋山在縣東百餘里大海中七峯連峙與銅鼓山相屬俱有石門上有山下有泉航海者皆於此樵汲元劉深追宋端宗獲俞如圭於此縣志[文昌]”

[瓊州府志,卷之四,輿地志-山川,第十五頁後]

Dịch:

“Văn Xương huyện,

Thất Châu Dương Sơn ở trong biển lớn, cách phía đông huyện lỵ hơn trăm dặm, bảy ngọn nối nhau cùng với núi Đồng Cổ tiếp liền như công đá, trên có núi dưới có thác/ suối, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước. Thời Nguyên, Lưu Thâm đuổi Tống Đoan tông, bắt Du Như Khuê ở chỗ này, theo Huyện chí [Văn Xương].”¹¹⁴

Phân tích

Tống Đoan tông tức Cát vương Triệu Thị, quân chủ cuối cùng nhà Tống, trong những tháng gượng gượng của triều đại này, Triệu Thị đóng hành cung tại vùng Quảng Châu. Tống sử chép: “Năm [Nguyên] Chí Nguyên thứ 14 (1277), tháng 11, [Tả thừa] Tháp Xuất vây Quảng Châu. Ngày canh dần Trương Chấn Tôn đem thành đầu hàng. Nguyên soái Lưu Thâm đem thuyền đuổi Thị đến Thiển Loan, Thị chạy ra Tú Sơn. Trần Nghi Trung chạy vào đất Chiêm Thành, cuối cùng không về được.

Ngày bính tý tháng 12, Thị đến Tĩnh Áo, gió bão to khiến nhiều thuyền vỡ chìm, Thị sanh bệnh. Hơn mười ngày thì quan binh mới dần tụ lại, mười phần chết hết bốn, năm. Ngày đinh sửu, Lưu Thâm đuổi Thị đến Thất Châu Dương, bắt Du Như Khuê rồi quay về.”

Huyện chí huyện Văn Xương đã tham khảo Tống sử, bổ sung sự kiện lịch sử vào thực địa, là điểm mới so với các ghi chép khác về Thất Châu Dương.

[Bảng 3] **Diễn biến các ghi chép về Thất Châu Dương:**

<i>Dư địa ký</i> <i>thắng,</i> Vương Tượng Chi 1221	Q.124, Quỳnh Châu- Cảnh vật hạ Thất Tinh Sơn, tại phía đông huyện Quỳnh Sơn, nơi giáp giới bờ biển huyện Văn Xương, trông như bảy vì sao. Thất Tinh Lĩnh, ở gần bờ biển huyện Văn Xương, thế như chuỗi ngọc.
<i>Minh Nhất</i> <i>Thống Chí</i> Lý Hiến 1461	Q.82, Quảng Đông Bộ chánh ty Thất Tinh Sơn, ở gần bờ biển phía đông huyện Văn Xương, núi có bảy ngọn, trông như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn.
<i>Quảng Đông</i> <i>thông chí,</i>	Q.57, Quận huyện chí Phủ Quỳnh Châu – Núi sông

Quách Phi 1602	Huyện Văn Xương, cách về phía bắc huyện lỵ 150 dặm là Thất Tinh Sơn, dưới là nơi bung ra thác Thất Tinh, ở trong biển lớn, bảy ngọn liền nhau, còn có một tên là Thất Châu Dương Sơn, dưới có suối nước ngọt, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước, ở phía đông, thác Thất Tinh đổ ào ngày đêm không dứt.
<i>Quảng Đông thông chí</i> , Hách Ngọc Lân 1730	Q.13, Sơn xuyên chí Huyện Văn Xương Thất Tinh Sơn cách phía tây bắc huyện lỵ 150 dặm, các thông chí cũ nói ở phía đông huyện lỵ, làm, ra ngoài biển, cao 500 trượng, bảy ngọn như bảy vì sao liền như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn, trong niên hiệu Thiên Khải nhà Minh, dựng tháp trên đó.
<i>Gia Khánh trùng tu nhất thống chí</i> , Mục Chương A 1842	Q. 452. Quỳnh Châu phủ- Sơn Xuyên Thất Tinh Sơn ở phía bắc huyện Văn Xương, sách <i>Dư địa kỷ thắng</i> chép rằng bờ biển nơi địa giới huyện Văn Xương [có 7 ngọn] như 7 vì sao làm thành chuỗi ngọc, <i>Minh thống chí</i> chép núi có 7 ngọn có tên là Thất Châu Dương Sơn, sách <i>Thông chí</i> chép rằng núi này cách huyện lỵ Văn Xương về phía bắc 150 dặm, ở ngoài biển khơi, trên có rừng cây tươi tốt, dưới có khe ngòi, là nơi người đi biển ghé lấy củi lấy nước. Khoảng những năm Thiên Khải thời Minh [1621-1627] có dựng tháp nơi ấy, ở [ngọn núi] mé đông có suối 7 dòng, ngày đêm ào ào không dứt.
<i>Quỳnh Châu phủ chí</i> Long Bân 1891,	Q.4, Dư địa chí- Sơn xuyên Huyện Văn Xương, Thất Châu Dương Sơn ở trong biển lớn, cách phía đông huyện lỵ hơn trăm dặm, bảy ngọn nối nhau cùng với núi Đồng Cổ tiếp liền như công đá, trên có núi dưới có thác/ suối, người đi biển thường ghé lấy củi lấy nước. Thời Nguyên, Lưu Thâm đũa Tổng Đoan tông, bắt Du Như Khuê ở chỗ này.

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 32b [cuốn 1, tr.214]

“萬州

長沙海石塘海俱在城東外洋古志云萬州有千里長沙萬里石塘然俱在外海海舟觸沙立碎入港多無出者人不敢近莫稽其實 115 蕭志”

[瓊州府志,卷之四,輿地志-山川,第三十二頁後]

Dịch:

“Châu Vạn,

Biển Trường Sa, biển Thạch Đường đều phía đông lỵ sở châu, trong đại dương bên ngoài. Phương chí xưa viết rằng: ‘châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’ nhưng đều ở biển ngoài, thuyền đi biển vướng cát ất vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần [nên] không xét rõ sự thật được, theo *Quỳnh Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực”

Phân tích

Hách chí đã viết: “Biển Trường Sa – biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng: ‘Vạn Châu có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển

ngoài, không xét rõ sự thật được”. *Quyển Châu phủ chí của Tiêu Ứng Thực [mà Long Bản dẫn] soạn xong sau Hách chí 44 năm, thêm vào một đoạn: “thuyền đi biển vương cát ất vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần”, ghi chép này có thể gọi là thêm hư vào hư. Bắt đầu từ thời Tống cho đến gần cuối thời Thanh, Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường vẫn mang tính truyền thuyết.*

[Bảng 4]

Diễn biến các ghi chép về Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường:

<i>Dư địa kỷ thắng, Vương Tượng Chí 1221, dẫn Quyển quản chí [~ 1140]</i>	<i>Quảng Đông thông chí, Hách Ngọc Lân 1730</i>	<i>Quảng Đông thông chí, Hách Ngọc Lân 1730</i>	<i>Quyển Châu phủ chí Long Bản 1891, dẫn Tiêu Ứng Thực [1774]</i>
Q. 127 “Cát Dương quân, Hình thắng Quyển quản chí viết: ‘ngoài là các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng, cùng đối ngang với Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chi; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, trên dưới mờ mịt, ngàn dặm một màu, thuyền bè qua lại, chim bay gần bên đầu bên cò mà không thấy sợ.	Q. 4, Cương vực chí “Phủ Quyển Châu, Sách <i>Quyển quản chí</i> xưa viết rằng: biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chi; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lô Châu.	Q. 13, Sơn xuyên chí “ Vạn châu [châu Vạn] Biển Trường Sa, biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng: ‘ Vạn Châu có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được”	Q. 4, Dư địa chí “Vạn châu, Biển Trường Sa, biển Thạch Đường đều phía đông trị sở châu, trong đại dương bên ngoài. Phương chí xưa viết rằng: ‘Vạn Châu có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’ nhưng đều ở biển ngoài, thuyền đi biển vương cát ất vỡ, lọt vào cửa ấy phần nhiều không ra được, người không dám đến gần [nên] không xét rõ sự thật được,

Q.4, Dư địa chí 6, Sơn xuyên, tờ 36b, 37b [cuốn 1, tr.222, 224]

“崖州

試劍峰在城南二十里海濱山有巨石高二丈餘宋毛奎題小洞天三字刻石上南有一石臨海題曰釣臺東爲大洞天有石室題曰海山奇觀旁有一石題曰仙梯下有靈應泉禱雨多應 蕭志”

“大小玳瑁洲大洲在東海中 小洲在西海中 蕭志”

[瓊州府志,卷之四,輿地志-山川, 第三十六頁後-三十七頁後]

Dịch:

“Châu Nhai

Thí Kiếm Phong cách phía nam trị sở châu 20 dặm, sát biển, núi này có khối đá lớn cao hơn 2 trượng, người thời Tống là Mao Khuê viết ba chữ “Tiểu Động Thiên” khắc lên đó, phía nam có khối đá vươn ra biển viết chữ “Điếu Đài”, phía đông là Đại Động Thiên có hang đá viết chữ “Hải Sơn Kỳ Quan”, bên cạnh có một tảng đá viết chữ “Tiên Thê”, dưới là suối Linh Ân, cầu mưa rất ứng nghiệm, theo *Quyển Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực.

Đại Tiểu Đại Mạo Châu, **Đại Châu** ở phía đông, trong biển, **Tiểu Châu** ở phía tây, trong biển, theo *Quyển Châu phủ chí* của Tiêu Ứng Thực”

Phân tích

Đoạn này Tiêu Ứng Thực chép lại gần như trọn vẹn nội dung từ Hách chí, chỉ khác cách dùng tên núi đặt ở đầu mục, Hách chí đề đầu mục là Vạn Nhận Phong, Tiêu chí đề Thí Kiếm Phong, hai địa danh này ở cùng một vùng núi nên không sai, Tiêu bổ sung thêm suối Linh Ân và vụ cầu mưa.

Q.18, Hải Lê chí 1, Hải phòng, tờ 3a-3b [cuốn 3, tr.937]

Trích:

“崖州協水師營分管洋面東自萬州東澳港起西至昌化縣四更沙止共巡洋面一千里南面直接暹邏占城夷洋西接儋州營洋界東接海口營洋界”

[瓊州府志,卷之十八,海黎志-海防,第三頁]

Dịch:

“Hiệp Thủy sư doanh châu Nhai quản lý phần mặt biển: phía đông bắt đầu từ cảng Đông Áo châu Vạn đến phía tây nơi Tứ Canh Sa huyện Xương Hoá thì dừng, mặt biển tuần tra cộng một ngàn dặm. Mặt phía nam thẳng tiếp biển Di, Xiêm La, Chiêm Thành, tây tiếp ranh giới biển doanh Đam Châu, đông tiếp ranh giới biển doanh Hải Khẩu.”

Phân tích

Theo tuyến đường biển vận tải ngày nay, từ cảng Tam Á đến cảng Đông Áo [110 * 20' E – 18* 40' N, thuộc thành phố Vạn Ninh] khoảng 150 km, từ cảng Tam Á đến Tứ Canh Sa [108* 35' E – 19* 20' N, khoảng giữa cảng Bát Sở và cảng Bắc Lê] khoảng 250 km, cộng 2 tuyến 400 km. Dặm Thanh = 576 m, 1000 dặm Thanh = 576 km. Con số vôi ra 167 km ứng với các đoạn đường quanh co trong công tác tuần tra.

Q.18, Hải Lê chí 1, Hải phòng, tờ 8a [cuốn 3, tr.947]

Trích:

“崖州海防

...大蜃港東一百里有三亞港可泊大船十*[君按: 原本作大, 誤]餘隻遇北風多於此下碇港內有崖州協水師汛防及砲臺南距二十里曰東玳瑁洲曰螞蝗洲均不可泊船”

[瓊州府志,卷之十八,海黎志-海防, 第八頁前]

Dịch:

...Phía đông cảng Đại Đản 100 dặm là cảng Tam Á, [nơi này] có thể đậu hơn 10 thuyền lớn **116**, gặp gió đông bắc thổi mạnh phần lớn [các thuyền] bỏ neo ở đây, trong cảng là nơi trú đóng và đặt pháo đài của Hiệp thủy sư châu Nhai, cách về phía nam 20 dặm là Đông Đại Mạo Châu là Mã Hoàng Châu, [hai nơi này] đều không thể đậu thuyền.

Nhận xét

Như nhiều địa phương chí khác, Quỳnh Châu phủ chí có giá trị đặc biệt bởi tính chuyên nhất và sâu sát thực địa về một địa bàn nhỏ. Các biên chép không mâu thuẫn với tổng chí và thông chí mà chúng chỉ mở rộng hơn các thông tin vốn được ghi nhận giản lược bởi các nhóm biên soạn từ xa.

Phủ chí Quỳnh Châu trích tuyển ba điều về vùng biển mang tên Trường Hải, ba điều này nói rõ được về lịch sử địa danh, vị trí và tính chất của Trường Hải. Điểm này có thể làm cơ sở để cải chính các kết luận sai lạc về không gian vùng biển Trường Hải trong nhiều nghiên cứu gần đây.

Ghi chép về Thất Châu Dương rõ ràng, vị trí địa lý thống nhất với tổng chí và thông chí.

Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường được ghi chép với tính cách lưu giữ truyền thuyết, không xác định vị trí và cũng không gợi ý phỏng đoán.

Ra đời vào thời điểm cuối nhà Thanh, phủ chí Quỳnh Châu góp phần củng cố các nhận định, xác định về cương giới biển mà Nhất thống chí thời Gia Khánh và các thông chí qua hai triều Minh Thanh đã đề cập. Do được biên soạn sau cùng, phủ chí cho thấy rằng, không có thay đổi nào đáng kể về phạm vi quản lý hành chính, cũng không thấy ghi chép về hoạt động dân sự mở mang khai thác hoặc thủy quân hoạt động tuần tra đối với các hải đảo xa hơn Đại Mạo Châu phía cực nam châu Nhai.

V. Tổng Luận

[Bảng 5] Danh mục các phương chí chủ yếu đã khảo sát, trích dịch

	Tên sách	Tác giả	Năm thành sách	Loại
1	Nguyên Hoà quận huyện chí Nhập Tứ khó toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- tổng chí	Lý Cát Phủ	813	Tổng chí, Sắc tuyển
2	Nguyên Hoà quận huyện bổ chí	Nghiêm Quan, Nghiêm Tiến Phủ	1775 [Đặc cách] <i>117</i>	Bổ tổng chí, tư tuyển
3	Thái Bình hoàn vũ ký Nhập Tứ khó toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- tổng chí	Nhạc Sử	976-983	Tổng chí, tư tuyển
4	Nguyên Phong cửu vực chí Nhập Tứ khó toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- tổng chí	Vương Tôn	1080	Tổng chí, Sắc tuyển
5	Dư địa quảng ký Nhập Tứ khó toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- tổng chí	Âu Dương Văn	1111-1117	Tổng chí, tư tuyển
6	Dư địa kỷ thắng	Vương Tượng Chi	1221	Tổng chí, tư tuyển
7	Đại Minh nhất thống chí Nhập Tứ khó toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- tổng chí	Lý Hiến	1461	Tổng chí, Sắc tuyển
8	Quảng Đông thông chí	Quách Phi	1602	Thông chí, Quan tu
9	Quảng Đông thông chí Nhập Tứ khó toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- Đô hội quận huyện	Hách Ngọc Lân	1731	Thông chí, Sắc tuyển
10	Khâm định Đại Thanh nhất thống chí Nhập Tứ khó toàn thư- Sử bộ, Địa lý loại- tổng chí	Hoà Thân,	1763	Tổng chí, Sắc tuyển
11	Quảng Đông thông chí	Nguyễn Nguyên, Trần Xương Tề	1822	Thông chí, Sắc tuyển
12	Gia Khánh trùng tu Đại Thanh nhất thống chí	Mục Chương A, Lý Tá Hiến	1842	Tổng chí, Sắc tuyển
13	Quyển Châu phủ chí	Long Bân	1891	Địa phương chí, quan tu

Theo trình tự lịch đại, khảo luận này trải dài trong hơn một ngàn năm, với địa bàn nghiên cứu trọng tâm là vùng biên cực nam Trung Hoa. Những phương chí đã khảo sát có quy mô và hình thức ký tải khác nhau, từ những

ghi chép đơn sơ thời Đường Tống, dữ liệu về các vùng địa lý, các vị trí địa lý được cập nhật dần, cho đến cuối Thanh thì diện mạo tổng quan và những đặc thù từng nơi đạt đến độ hoàn chỉnh.

Trong phạm vi học thuật, qua phần đề yếu 13 bộ chính và gần mười bộ hữu quan khác, phối hợp với các mục lục phương chí tiêu biểu đã trích lục trọn vẹn [bảng 1 & 2], chúng ta có thể hình dung được tiến trình từ sơ khởi đến hoàn thiện của loại hình phương chí Trung Hoa. Đến sau thế kỷ XV, phương chí dần chuyển theo hướng tập trung dữ liệu hỗn hợp và điều này đã khiến chúng trở thành nơi cất chứa nhiều sử liệu quý, có giá trị nhiều mặt trong việc tìm hiểu lịch sử các mô hình chính trị, các hoạt động xã hội và những đặc trưng văn hoá trong từng triều đại. Đối với thông chí Quảng Đông - ngoài những dữ liệu được thu thập theo tiêu chí chung như những tỉnh khác - do điều kiện địa lý và quan hệ giao thương, nó còn bổ sung cho chính sử nhiều tư liệu mang tính thực địa về mối tương quan với các nước lân cận và xa phía biển ngoài. Quỳnh Châu nằm ở thế “trong Lê ngoài biển”, tình trạng sắc tộc, vấn đề biển cả với sóng và cướp là mối quan ngại triền miên của triều đình và các quan trấn nhậm hiện rõ trong *Quỳnh Châu phủ chí*, ngoài những biên chép tập trung trong năm quyển Hải Lê chí, chúng còn phân tán trong nhiều chí nhiều quyển khác. Các đặc trưng về văn hoá biển, văn hoá sắc tộc, tâm lý quan lại... ẩn chứa trong các tư liệu thông chí Quảng Đông và phủ chí Quỳnh Châu có thể là một đề tài nghiên cứu hấp dẫn.

Các ghi chép trong phương chí thể hiện tính liên kết, các điều mục được trích lục đan xen bởi ba loại phương chí, việc phân 3 loại chỉ trên hình thức nhằm tạo sự thuận lợi trong việc hệ thống hoá các dữ liệu. Qua đối chiếu những ghi chép trong nhiều phương chí về cùng một đối tượng địa lý, kết quả cho thấy các ghi chép chỉ khác đôi chút về cách diễn đạt, nội dung thông tin phần lớn được giữ vẹn, tuy có trường hợp một mẫu thông tin bị chia hoặc bị cắt nhưng việc chia cắt đã không làm hiệu sai vấn đề. Trên cùng một địa bàn, dữ liệu được sử dụng trong ba loại phương chí không tách rời, nguồn thông tin được dẫn dắt qua lại, bổ túc cho nhau và tạo thành một khối tư liệu nhiều mặt về một địa bàn, một vị trí cụ thể nào đó [bảng 3 & 4].

Cũng phải kể đến tính kế thừa, chuyển tiếp tư liệu trong tinh thần nghiêm túc của các tác giả phương chí, các trích dẫn của những nhóm biên soạn về sau đa số đều lưu giữ nguồn thông tin trước, các ghi chép cập nhật được tách biệt. Ưu điểm này đã giúp cho khối tư liệu tích lũy lâu đời càng dày dặn mà không lẫn lộn, vừa bảo lưu được bề dày văn hiến vừa tạo thuận lợi cho việc xác minh, kiểm chứng của người sau. Qua bộ *Quỳnh Châu phủ chí 1891*, người ta không chỉ biết đến khoảng hai mươi bộ phương chí trước đó, bốn mươi bộ sử thư có liên quan mà còn đọc được nguyên văn trích từ các sách

ấy, lúc này, nó như là nơi gián tiếp đưa người đọc đến với dữ liệu gốc. Có thể xem đây là một hình thức hệ thống hoá tư liệu, qua đó thấy được trình tự diễn biến tư liệu, và cũng thấy được những điểm sai lầm của phương chí trước qua phần đính chính của các phương chí sau. Ưu điểm này không riêng trong loại hình phương chí Trung Hoa, mà còn là đặc điểm nổi bật trong sử học và nhiều ngành học thuật cổ truyền khác.

Có mối liên thông với chính sử nên phương chí được mệnh danh là địa phương sử / khu vực sử. Trên đại thể, phương chí lấy đất đai làm cương, theo dõi những hoạt động trên một khu vực hành chính. Chính sử lấy sự kiện làm cương, địa phương nào có việc nổi bật hoặc can hệ đến quốc sự thì mới được nhắc đến, do Tổng Đồn đóng trên đường bôn tẩu ghé qua mà Thất Châu Dương được chép tên vào *Tổng sử*. Chính sử lập chuyên đề cho cả nước nên việc biên chép về một nơi nào đó vừa phân tán vừa sơ lược, Thiên văn chí và Luật lịch chí trong *Nguyên Sử* chép về sự ứng hợp chòm sao với đất đai [phân dã] Quỳnh Châu, về vĩ độ bắc Nam Hải ...khó thể tường tận và chính xác hơn phủ chí. Khác với chính sử, với lợi thế là những ghi chép thực địa, ghi nhận đương thời, phương chí là nguồn tư liệu tham khảo tin cậy cho các nhà làm sử.

Xuất phát từ nhu cầu quản lý đất đai, con người và tài sản, phương chí loại tổng chí được xem là loại sách phục vụ chính trị, nó gắn liền với sự ổn định hoặc những biến động cương vực trong suốt quá trình cai trị của một triều đại. Thông chí và địa phương chí được thực hiện vừa nhằm phục vụ yêu cầu quản lý hành chính tại chỗ vừa để gửi về triều đình như một báo cáo tổng hợp về tình hình địa phương. Đặc điểm này khiến các nhà nghiên cứu địa – chính trị hiện đại xếp hạng phương chí vào loại có giá trị rất cao.

Như mục đích nghiên cứu đã nêu ở lời Đề dẫn, các tư liệu được trích dịch trong khảo luận này nhằm vào việc sưu tập tư liệu liên quan đến vùng biển phía nam Trung Hoa và biển Đông Việt Nam. Những phân tích cần thiết đã trình bày sau mỗi đoạn văn bản. Dưới đây là mấy điểm xuyên suốt và nổi bật cần được nhắc lại để đi đến kết luận:

Địa danh Trường Hải, được *Quỳnh Châu phủ chí* xác định là vùng biển Quỳnh Châu, hoặc chỉ là một danh từ chung để chỉ nơi nước biển dâng rất cao

Địa danh loại đảo danh/ hải danh Thất Tinh Sơn, Thất Châu Dương Sơn, Thất Châu Dương, được ghi nhận liên tục từ Tống đến cuối Thanh qua nhiều bộ tổng chí, thông chí và địa phương chí, cho thấy quá trình chuyển biến tên gọi và xác định là nơi phía đông bắc huyện Văn Xương, nay là quần đảo Taya.

Địa danh Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường, đầu tiên được nhắc đến vào thời Tống, để chỉ những nơi xung quanh, với ý nghĩa thể hiện sự

tương tiếp về không gian địa lý rộng, nhưng chỉ qua lời kể, không xác định được vị trí. Sau nhiều đời, thông tin được chép lại có biến đổi, chuyển thành hải danh Trường Sa Hải, Thạch Đường Hải, cho đến cuối Thanh, *Quỳnh Châu phủ chí* vẫn cho là “nơi không biết rõ sự thật được”

Điểm cực nam Trung Hoa, các tổng chí, thông chí và địa phương chí thống nhất xác định địa phương cực nam Trung Hoa là châu Nhai thuộc phủ Quỳnh Châu; vùng đất địa đầu về phía cực nam là núi Thí Kiếm Phong [Vạn Nhận Phong] nơi kỳ quan Đại Tiểu Động Thiên, cách ly sở châu Nhai khoảng hai mươi dặm về phía nam; vùng đảo/ bãi xa bờ là Đại Đại Mạo Châu [Đông Đại Mạo Châu, Đông Châu], cách ly sở châu Nhai hai mươi dặm về phía đông. **118**

Gò Vấp tháng 2 năm 2011- Phú Nhuận tháng 7 năm 2011
Phạm Hoàng Quân

Chú thích

1. xem Phạm Hoàng Quân, “Tây Sa và Nam Sa chưa từng được ghi nhận trong lịch sử phương chí Trung Hoa”, Tuổi Trẻ Cuối Tuần, số 42 - 2010, ngày 24/10/2010.
2. dẫn lại Trần Chính Tường 陳正祥, *Trung Quốc phương chí đích địa lý học giá trị*, [中國方志的地理學價值 / Geographical Evaluation of the Chinese Fang-chih], Luận văn Tiến sĩ, Hương Cảng Trung văn đại học, 17/2/1965, (chú thích 4, tr.3).
3. Theo *Trung Quốc Địa phương chí liên hợp mục lục*, Trung Hoa Thư cục, Bắc Kinh, 1985.
4. Theo Chu Sĩ Gia, *Mỹ Quốc Quốc hội Đồ thư quán tàng Trung Quốc phương chí mục lục*, 1942; Viện Nghiên cứu Phương Đông và Châu Phi Đại học Luân Đôn, *Anh Quốc các đồ thư quán sở tàng địa phương chí tổng mục lục*, 1979; Nhật Bản Quốc hội Đồ thư quán, *Nhật Bản chủ yếu Đồ thư quán, Nghiên cứu sở tàng Trung Quốc địa phương chí tổng hợp mục lục*, 1969; Ngô Đức Minh, *Âu châu các quốc đồ thư quán sở tàng Trung Quốc địa phương chí mục lục*, 1957.
5. Tác giả *Lịch sử Khoa học kỹ thuật Trung Quốc* (5 quyển) [Science and Civilisation in China, Cambridge at the University Press. 1956...]
6. dịch từ bản Trung văn, theo Lâm Diễn Kinh, *Trung Quốc địa phương chí*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1996. [林衍經. 中國地方志. 上海古籍出版社]
7. xem Phạm Hoàng Quân “ Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1, 2011 [trang 44- 88]
8. xem *Chu Lễ*, Địa Quan, Tụng Huấn, trong *Thập tam kinh chú sớ*, cuốn Thượng, *Chu Lễ chú sớ*, tr.747. Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, 1979.
9. xem chú thích 2. Trong tiêu đề luận văn của mình, Trần Chính Tường [Cheng-siang Chen] không chuyển nghĩa từ phương chí sang Anh ngữ mà dùng cách phiên âm [fang-chih], riêng trong bài tóm tắt bằng Anh ngữ ở cuối luận văn, ông viết rằng “có thể gọi phương chí là local gazetteer” (tr. 45).
10. xem thêm chú thích 2 & 8, Trần Chính Tường, *Đài Loan địa chí*, Đài Bắc 1959, 1960, 1961. Bản Anh ngữ 1962.
11. theo *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục*, (Thanh)Vĩnh Dung chủ biên, Tảo Diệp Sơn Phòng thạch ấn bản, 1919.
12. xem Du Sáng Mê, *Đồ thư quán học thông luận*, Chính Trung thư cục, Đài Bắc, 1953. Chương 15, Đồ thư đích phân loại, tr.108-132. [俞爽迷. 圖書館學通論. 正中書局印行臺北, 1953]
13. theo *Hán tịch tàng thư sở tại mục lục*, Đông Dương văn khố, 1965.[漢籍叢書所在目錄,東洋文庫等, 東京都, 昭和 41]
14. Còn gọi là *Kinh Thư*, một trong năm kinh của Nho gia.
15. “禹敷土隨山刊木奠高山大川” 禹貢, 夏書 - 尚書 [十三經注疏, 尚書正義卷六, 頁 34], nguyên văn, trích Vũ Công, phần Hạ Thư, sách *Thượng Thư* [trong *Thập tam kinh chú sớ*, *Thượng Thư chính nghĩa*, quyển 6, tờ 34. Bản Trung Hoa thư cục 1979, quyển Thượng, tr.146]
16. *Tuỳ thư*, quyển 33, Chí 28, Kinh tịch 2. Bản THPTC, cuốn 4, tr.987.

17. *Tuỳ thư*, quyển 77, Liệt truyện thứ 42, Truyện Thôi Khuếch 崔廓 và con là Thôi Trách. Bản Trung Hoa thư cục, cuốn 6, tr.1757. Truyện Thôi Trách chép *Khu vũ đồ chí* 250 quyển, nhưng ở quyển 33, Nghệ văn chí [coi chú thích 16] cũng chép tên sách *Khu vũ đồ chí* nhưng số quyển thì chép chỉ có 129.
18. tham khảo *Hán Đường địa lý thư sao*, (Thanh) Vương Mô, Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, Bắc Kinh, 1961. Tr. 206, *Ngu Mậu -Tuỳ - Khu vũ đồ chí*. Trong sưu tập của Vương Mô, tác giả *Khu vũ đồ chí* được chép là Ngu Mậu [tức Ngu Thế Cơ], tức là người biên soạn lại lần sau.
19. *Hán Đường địa lý thư sao*, sđd, tr.207-223
20. *Hán Đường địa lý thư sao*, sđd, tr.209, *Tuỳ châu quận đồ kinh* có đoạn viết: “Năm thứ 3 niên hiệu Hiên Khánh (nhà Đường), cắt 30 dặm Đương Châu, nơi giáp giới huyện Tả Phong với đất Đường Xuyên, nhân đó có tên Đường Châu.”, đồng thời có nhiều đoạn khác đề cập việc dựng đặt của nhà Đường sau này, cho thấy sưu tập này không thuần là sách thời Tuỳ.
21. *Nguyên Hòa Quận Huyện đồ chí*, Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880), [元和郡縣圖志,三十四卷 - 金陵書局校刊, 光緒六年工竣], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. 儿 5- 136 [34 quyển, đóng thành 8 cuốn]. Độc giả cũng có thể tham khảo bản in chụp từ bản Văn Uyên Các [thuộc Tứ Khố Toàn Thư], Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1983. Hoặc bản in của Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1983 [trong *Tùng san Trung Quốc cổ đại địa lý tổng chí*]
22. tham khảo *Cựu Đường Thư*, quyển 38, Chí 18, Địa Lý 1, Tổng luận. Bản THTC cuốn 5, tr.1384,1385.
23. *Nguyên Hòa Quận Huyện đồ chí*, bản in khắc Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882). [元和郡縣補志, 九卷 - 光緒八年二月, 金陵書局刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. 儿 5- 136 - 9.
24. theo lời tựa của Lư Văn Siêu 盧文弨 trong *Nguyên Hòa Quận Huyện đồ chí*, sđd.
25. trích *Bổ chí*, sđd, phần Lĩnh Nam đạo, tờ 1.
26. phần viết sau chữ (án) trong nguyên tác là lời xét của người soạn tập, tức của Nghiêm Quan hoặc Nghiêm Tiến Phủ.
27. Thượng Đô, tức phủ Kinh Triệu, nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây.
28. Đông Đô, tức phủ Hà Nam, nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam.
29. phần được viết trước chữ (nguyên văn) tức là phần còn sót lại từ *Nguyên Hòa Quận Huyện đồ chí*, được các tác giả *Bổ chí* giữ nguyên.
30. trích *Bổ chí*, sđd, phần Lĩnh Nam đạo, quyển 8, tờ 21, 22.
31. Nguyên văn tiêu đề “唐天寶初殘地志” có nghĩa là “*Địa chí còn sót thời đầu niên hiệu Thiên Bảo nhà Đường*”. [và tiêu đề này còn vài cách gọi khác nữa].
32. 敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲犖 著- 鄭宜秀 整理, 上海古籍出版社, 1993. *Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích*, Trung Hoa học thuật tùng thư, Vương Trọng Lạc trú- Trịnh Nghi Tú chỉnh lý, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1993. Sách này tập hợp 14 sách phương chí- địa lý tàn khuyết, phần *Đường Thiên Bảo sơ niên địa chí tàn quyển khảo thích* 75 trang.
33. *Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích*, sđd, trang 57. Trong đoạn văn này có hai điểm cần lưu ý: 1/ các chữ hạ, trung trong ngoặc vuông [下] [中], chỉ thứ hạng của châu, huyện xem chú thích số 57 (bên dưới), 2/ các chữ thiên trong ngoặc vuông [千] ngờ là sai từ chữ hộ 戶, hoặc viết đúng nhưng thuộc một quy ước hành chánh nào đó mà tôi chưa hiểu tới, xét thấy tổng số hộ này

- chênh lệch [nhiều hơn] một ít so với số hộ trong niên hiệu Khai Nguyên mà sau này *Thái Bình hoàn vũ ký* ghi nhận, tạm dịch là hộ, chờ xét thêm.
34. xem Phạm Hoàng Quân “ Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1, 2011, [trang 44- 88]
 35. *Nguyên Phong Cửu vực chí*, 10 quyển, bản in Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882), [元豐九域志, 十卷, 光緒八年五月, 金陵書局刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, KH. 儿 5- 135 [10 quyển, đóng thành 4 cuốn]. Độc giả cũng có thể tham khảo bản in chụp từ bản Văn Uyên Các [thuộc Tứ Khố Toàn Thư], Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1983. Hoặc bản in của Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh, 1984, bản này bổ thêm bộ phận *Tân định Cửu vực chí*, gồm các điều mục về Cổ tích.
 36. *Nguyên Phong Cửu vực chí*, sdd, tờ 1. bản Kim Lăng. Trong bản Văn Uyên Các, không có bài biểu dâng sách của Vương Tôn, tuy nhiên nhóm Ký Quân [tổng tài Tứ khố toàn thư] có dẫn lại bài biểu này trong phần *Đề yếu Nguyên Phong Cửu vực chí*.
 37. *Nguyên Phong Cửu vực chí*, sdd, phần Mục lục, tờ 1- 3, bản Kim Lăng. Trong bản Văn Uyên Các không có phần mục lục.
 38. *Tống Sử*, quyển 85, Chí 38, Địa lý 1. Bản THTC cuốn 7, tr.2043-2045. Lược thuật theo bài “Tổng luận Địa lý chí”.
 39. Nguyên văn chép nhất thù nhị, [một đáng là hai], chữ nhị theo dưới chữ thù lại khác kiểu đặc biệt, gồm chữ nhị + bản [二本], chữ Nhị này không có trong bộ gõ Hanosoft 3.0, nên ở phần nguyên văn tôi thay bằng chữ 弌. Như tình hình đã nêu, con số “115 dặm” ngay dưới đã chỉnh đổi [thù] là “225 dặm”. Đây là những cải đổi của Phùng Tập Ngô, cho biết có bản đã chép khác, và nhóm thực hiện bản in Kim Lăng đã giữ lại. Đề bản dịch Việt văn rõ và tiện đọc, tôi chỉ dựa vào con số đã chỉnh đổi.[coi thêm chú thích 43, dưới]
 40. theo dõi chú thích trên, nguyên văn tam thù nhị bách ngũ thập lý, dịch là: 250 dặm.
 41. theo dõi chú thích trên, nguyên văn tam thù nhị bách tứ thập, dịch là: 240 (hộ)
 42. Nguyên văn viết “Cao lương khương”, là tên một loại cây thân thảo, sống lâu năm, rễ cây này gần giống củ gừng [khương], dai, chắc, dùng để bện mũ trụ. Không rõ số thuế 5 cân này tính trên mỗi hộ hay mỗi nhân khẩu.
 43. Phần hiệu khám cuối quyển 9 viết “ Tiền bản tác nhất hương” [bản của họ Tiền chép là 1 hương], Tiền bản tức bản in *Nguyên Phong Cửu vực chí* thời Tống còn giữ tại thư viện tư gia Tiền Tuân Vương 錢遵王, nhóm Ngô Lan Đình 吳蘭庭 khi tổ chức thực hiện bản in Kim Lăng đã dựa theo bản của Phùng Tập Ngô 馮集梧 bổ sung và hiệu khám [đã in vào năm 1788], Phùng Tập Ngô đã sử dụng bản nhà họ Tiền và nhiều bản khác để đối chiếu.
 44. Câu văn này xét thấy thiếu chủ ngữ, không rõ di tích nào được đổi tên.
 45. Bản in Kim Lăng không chép mục Cổ tích, đây là tôi thêm vô dựa vào bản Văn Uyên Các [v.t. bản Các], quyển 9, tờ 59. So sánh bản Kim Lăng và bản Các, thấy bản Các không chép phần lịch sử diễn cách sau Châu Nhai quận và Trần nhị [lưu ý ở bản dịch bằng dấu (*) cuối câu], không có chữ [thù] mà chép thẳng con số giống như bản dịch Việt văn, bản Các thêm mục Cổ tích [nhưng không hoàn chỉnh].
 46. nguyên văn gõ lại theo bản in Kim Lăng, *Nguyên Phong Cửu vực chí*, quyển 9, tờ 30. Trong bài viết trước đây đăng trên Tuổi trẻ cuối tuần ngày 24/10/2010 [chú thích 1, trên], tôi đã khảo sát nhầm một chi tiết ở quyển 10, tờ 3-4, nội dung này cũng viết về châu Nhai nhưng lại nói về 3 huyện bị cắt nhập vào châu Quỳnh, đưa đến việc nêu sai tên huyện cực nam, là Mai Viễn, đúng phải là trấn Lâm Xuyên. Nhân qua bài viết này, tôi xin đính chính chi tiết bị sai trên báo Tuổi trẻ và cáo lỗi với độc giả.

47. *Thái Bình hoàn vũ ký* có nhiều bản in, trong bài viết này tôi căn cứ vào hai bản, 1/ bản in của Vạn Đình Lan 萬廷蘭 với lời tựa của Hồng Lượng Cát 洪亮吉 viết năm Gia Khánh thứ tám (1803), lời Tựa của Trần Lan Sâm 陳蘭森 viết năm Càn Long quý sửu (1793), lời Phàm lệ của Vạn Đình Lan, bài Biểu dâng sách của Triều tán đại phu Hành chức phương viên ngoại lang Trực sử quán Thượng trụ quốc Nhạc Sử, lời Hậu tự của Vạn Đình Lan viết năm 1793, trong số các lời / tựa trên, riêng có lời tựa của Hồng Lượng Cát mang tiêu đề “ Trùng hiệu san Thái Bình hoàn vũ ký tự / 重校刊太平寰宇記序 ”, cuối bài đề năm Gia Khánh thứ tám, có thể dựa vào đây tạm xác định bản này in năm 1803. (gọi bản này là bản Vạn); 2/ bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882) [光緒八年五月金陵書局刊行] (gọi là bản Kim Lăng). Ngoài ra, độc giả có thể tham khảo bản in năm 1983 của Đài Loan Thương vụ ấn thư quán [ảnh ấn từ bản Văn Uyên Các (thuộc Tứ khố toàn thư)]. Còn nữa, Thư viện Viện nghiên cứu Hán-Nôm Việt Nam [Hà Nội] có một bản chép tay *Thái Bình hoàn vũ ký*, ở dạng trích lục, ký hiệu VHV -1282.
48. Phần đề yếu về *Thái Bình hoàn vũ ký* trong Tứ khố toàn thư ghi theo số quyển hiện còn là 193 quyển. Các quyển từ 113 đến 119 bị mất, chép về một phần đạo Tây Giang Nam. Trong nội dung 193 quyển hiện còn cũng có nhiều chi tiết sứt mẻ.
49. *Tống sử*, quyển 85, Chí 38, Địa lý 1, Lời dẫn. Bản THPTC, cuốn 7, tr.2094.
50. Đạo Lĩnh Nam 14, gồm các châu: Giao, Phong; Đạo Lĩnh Nam 15, gồm các châu: Ái, Hoan, Lục, Phước Lộc, Trường, Vũ Nga, Việt, Chi, Thang, Diễn, Lâm, Cảnh, Lung, Hoàn, Đức Hoá, Lang Mang, Long Vũ. [第百七十, 嶺南道十四: 交州, 峯州 - 第一百七十一, 嶺南道十五: 愛州, 驩州, 陸州, 福祿州, 長州, 武峩州, 粵州, 芝州, 湯州, 濱州, 林州, 景州, 籠州, 環州, 德化州, 郎茫州, 龍武州.]
51. Chép châu Nhai mới để phân biệt với châu Nhai cũ vốn có địa bàn rộng hơn, đã cắt 3 huyện Xá Thành, Trưng Mại, Văn Xương cho thuộc vào châu Quỳnh.[xem bản Kim Lăng, quyển 169, tờ 12, Cựu Nhai châu.]
52. Phong tục chép ở phần châu Quỳnh khá dài, đọc thấy không có điểm liên quan đến chủ đề này, tôi sẽ dịch vào dịp khác.
53. Các chữ có dấu sao (*) gồm 5 chữ, do tôi hiệu khám nội dung nguyên văn, so với bản Kim Lăng, bản Vạn (1803) thiếu chữ Đường 唐, Lâm Xuyên 臨川 viết sai là Lâm Cơ 臨機, không có 2 chữ Khuyết 缺
54. Nguyên văn gõ lại theo bản Kim Lăng, quyển 169, tờ 15-17.
55. *Dư địa quảng ký 38 quyển*, Kim Lăng thư cục hiệu san năm Quang Tự thứ sáu (1880) [輿地廣記, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 儿 5 – 137 [38 quyển, đóng thành 4 cuốn], bản này phần đầu sách có lời Tựa của tác giả Âu Dương Văn đề năm Chính Hoà, lời tựa cho lần khắc in năm Gia Khánh nhâm thân (1812) của Hoàng Phi Liệt 黃丕烈, theo Hoàng Phi Liệt thì đây là bản truyền từ thời Tống. Thuận Hựu canh tuất (1250). Được biết sau này còn có bản in *Dư địa quảng ký* do Tôn Tinh Hoa 孫星華 hiệu khám, Quảng Nhã thư cục xuất bản năm Quang Tự thứ hai mươi lăm (1899), ngoài ra còn nhiều bản *Dư địa quảng ký* in chung trong các tùng thư Tứ khố toàn thư, Võ Anh Điện tự trần bản thư (Thanh), Tùng thư tập thành sơ biên, Quốc học cơ bản tùng thư (Dân Quốc).
56. Theo Phan Tông Chu 潘宗周, *Bảo Lễ Đường Tống bản thư lục* – Sử bộ 寶禮堂宋本書錄- 史部, tr. 216 [Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 2007]. Và theo khảo sát của Hách Thụy Bình 郝瑞平 trong *Trung Quốc đại thư điển* (1994), trang 466.
57. Nguyên văn viết “Đồng hạ châu” trước khi chép tên quân Châu Nhai, đây là quy ước về quản lý hành chính thời Đường Tống, là dấu hiệu cho biết tình hình đất đai, dân số và kinh tế của phủ, châu, quân, giám, huyện. Thời Đường chia huyện 7 bậc: Xích 赤,

- Kỳ畿, Vọng望, Khản緊, Thượng上, Trung中, Hạ下, trong đó Xích để gọi huyện ngay nơi đặt kinh đô, Kỳ để gọi các huyện quanh kinh đô, 5 bậc còn lại là đẳng cấp ứng dụng cho các huyện toàn quốc. Đại khái, có lúc quy định huyện có hơn 3000 hộ thì ghi chữ Vọng, sau lại tăng lên là hơn 4000 hộ, từ cơ sở bậc Vọng hạ dần xuống bậc Hạ. Quân Châu Nhai trước đây là châu đổi thành quân, quân tuy đẳng cấp thấp hơn châu nhưng cả hai đều trực thuộc lộ, về tình hình chung, quân này thuộc đẳng cấp “ngang với châu cấp thấp [nhất]”.
58. *Dur địa quảng ký* sdd, quyển 37, lộ Tây Quảng Nam, tờ 8.
59. *Dur địa kỷ thắng*, mục lục 200 quyển, hiện còn 169 quyển. Bản in Cụ Doanh Trai, theo bản sao thời Tông của Văn Tuyền Lôu, năm Đạo Quang thứ 29 (1849) [輿地紀勝, 道光二十九年秋八月懼盈齋刊板文選樓影宋鈔本], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 儿 5 – 3386 [200 quyển đóng thành 64 cuốn], bản này phần đầu sách có lời Tựa của Đại học sĩ Nguyễn Nguyên 阮元 đề năm Đạo Quang kỷ dậu (1849), lời Tựa của Lý Thực 李埴 đề năm Tông- Bảo Khánh đình hội (1227), lời Tựa của tác giả Vương Tượng Chi đề năm Gia Định tân ty (1221) và trích lục một số nhận xét về *Dur địa kỷ thắng* từ các sách khác. Ngoài ra, được biết có bản ảnh ấn *Dur địa kỷ thắng* từ bản Việt Nhã Đường tùng thư do Văn Hải xuất bản xã, Đài Bắc, 1971.
60. *Quỳnh quân chí* được dẫn trong *Dur địa kỷ thắng* hiện không còn, theo tên sách, chữ Quỳnh quân được viết tắt từ tên cơ quan “Quỳnh quân an phủ đô giám”, cơ quan này thấy được đề cập trong *Dur địa kỷ thắng*, mục diên cách châu Quỳnh [quyển 124, tờ 3], đoạn văn này viết là năm Tuyên Hoà thứ năm (1123), đổi cơ quan “Thuỷ lục chuyển vận sự” của 3 châu Đàm Nhai, Vạn An thành “Quỳnh quân an phủ đô giám”, quản lý 3 quân Xương Hoá, Vạn An, Cát Dương. Qua chi tiết này có thể phỏng định *Quỳnh quân chí* được viết trước *Dur địa kỷ thắng* gần 100 năm.
61. Ô Lý, Tô Mộc, Cát Lãng, những địa danh này có lẽ được phiên âm từ tên các đảo Burias [nay phiên là Bồ Lý Á Tư], Sulu [nay phiên là Tô Lộc], Kota Baru [nay phiên là Cát Lan Đan]
62. *Dur địa kỷ thắng*, sdd, quyển 127, Quảng Nam Tây lộ, Cát Dương quân, tờ 1-2
63. *Dur địa kỷ thắng*, sdd, quyển 124, Quảng Nam Tây lộ, Quỳnh châu, Cảnh vật hạ, tờ 9.
64. *Phương dư thắng lãm*, độc giả có thể tham khảo các bản in: *Phương dư thắng lãm*, Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, ảnh ấn từ bản Văn Uyên Các [Tứ khố], 1983, tái bản 1991; *Tổng bản Phương dư thắng lãm*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, ảnh ấn bản Tông (Hàm Thuần), 1986.
65. Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, quyển 10, phần Sử bộ, quyển 5, tờ 5a [bản in Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1991]
66. *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, bản in khắc Vạn Thọ Đường, năm Thiên Thuận thứ 5 (1461). [天下一統志, 天順五年, 萬壽堂刊行], tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 儿 5 – 2698. Quyển đầu gồm Tựa/ biểu, địa đồ và mục lục, mở đầu là lời Tựa của Chu Kỳ Trân (Anh Tông)/ Ngự chế Thiên hạ nhất thống chí tự”, bài biểu dâng sách của Lý Hiến đề năm Thiên Thuận thứ năm (1461). Được biết cùng một bộ này có 5 bản in, đều trong thời Minh: 1/ Nội phủ khắc bản, Thiên Thuận thứ 5 (1461); 2/ Thận Độc Thư Trai khắc bản, Hoằng Trị thứ 18 (1505); 3/ Thư Lâm Dương thị Quy Nhân Trai khắc bản, Gia Tĩnh thứ 38 (1559); 4/ Dương thị Quy Nhân Trai khắc bản, Vạn Lịch thứ 16 (1588); 5/ bản Vạn Thọ Đường mà chúng tôi khảo sát. Ngoài ra, còn một bản khắc in tại Nhật Bản vào năm Nguyên Lộc 元祿 thứ 12 (1699).
67. *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, sdd, quyển thủ, phần địa đồ.
68. *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, sdd, Quảng Đông Bộ chánh ty, quyển 79-82. Quỳnh Châu phủ, quyển 82, tờ 17.

69. *Thiên Hạ Nhất Thống chí*, sđd, Quảng Đông Bồ chánh ty, quyển 79-82. Quỳnh Châu phủ, quyển 82, tờ 19.
70. *Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu* 皇明一統紀要, 15 quyển, bản in trong niên hiệu Vạn Lịch, sách này khá hiếm, không thấy các sách thư mục Trung Quốc ghi nhận, tham khảo bản Thư viện Đại học Waseda, ký hiệu 儿 5 – 1328 [15 quyển đóng thành 14 cuốn].
71. *Quảng dư ký*, 24 quyển và 1 quyển thủ, do chưa tìm được bản in Vạn Lịch, tôi tham khảo bản in năm Khang Hi bính dần (1686), bản này cũng có nơi đề tên sách là *Tăng đính Quảng dư ký*.
72. Quảng dư đồ 廣輿圖, được in 6 lần trong thời Minh, vào các năm 1558, 1561, 1564, 1566, 1572, 1579 và nhiều lần trong thời Thanh nên khá phổ biến. Địa đồ này do La Hồng Tiên (1504-1567) kế thừa thành quả của Chu Tư Bản (1273-1333). Tôi sẽ trình bày vấn đề này kỹ hơn trong chuyên khảo về tư liệu địa đồ cổ Trung Hoa.
73. Trước các bộ đang lưu hành, có 9 bản cáo *Đại Thanh nhất thống chí*, không phân quyển mà phân theo tỉnh, do Tướng Đinh Tích và Vương An Quốc chủ trì thực hiện thời Càn Long, hiện tồn ở dạng bản chép tay, gọi là Nội phủ sao bản, 9 bản đều không hoàn chỉnh, không đủ số tỉnh trong toàn quốc.
74. Bản *Đại Thanh nhất thống chí* 356 quyển này, theo khảo tả của Trương Cách Phi 張革非 là 342 quyển [*Trung Quốc đại thư điển*, tr.479]. Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, sđd thì có 356 quyển, hiện có 2 bản in: 1/ Nội phủ khắc bản, Càn Long thứ 9 (1744); 2/ bản in chữ rời do Tiết Tử Du hiệu diễm, năm Đạo Quang thứ 29 (1849)
75. *Khâm định Đại Thanh Nhất Thống chí*, 424 quyển, theo khảo tả của Trương Cách Phi 張革非 là 500 quyển [*Trung Quốc đại thư điển*, tr.479]. Bản in Hồng Bảo Trai trong niên hiệu Quang Tự (1875-1908) theo bản Võ Anh Điện mà tôi tham khảo chỉ có 424 quyển và 2 quyển mục lục, Quảng Đông tỉnh quyển 338-353, Quỳnh Châu phủ quyển 350. Ngoài bản Hồng Bảo Trai, bộ này còn 2 bản chép tay của Nội phủ triều Càn Long, và một bản khắc in của Nội phủ năm Càn Long thứ 55 (1790). Quảng Đông tỉnh quyển 338-353, Quỳnh Châu phủ quyển 350.
76. *Gia Khánh trù tu Đại Thanh nhất thống chí* hay còn gọi *Gia Khánh trù tu nhất thống chí* 560 quyển, [Trương Cách Phi ghi sai là 650 quyển], tham khảo bản in của Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1966, [tái bản từ bản Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán 1934], đóng thành 11 cuốn, ảnh ấn từ bản Thượng Hải Hàm Phân Lâu, bản chép tay này được ghi là bản dùng để dâng lên vua, lưu trữ tại Thanh Sử quán. Có bài “Ngự chế *Đại Thanh nhất thống chí* tự” của hoàng đế Đạo Quang đề năm 1842, bài Biểu dâng sách của Tổng tài Quốc Sử quán Đại học sĩ Mục Chương A. Ngoài bản in năm Đạo Quang thứ 22 (1842) đang lưu hành, theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục* mô tả còn có một bản chép; theo *Tăng đính Tứ khố giản minh mục lục tiêu chú* [Thiệu Ý Thần soạn, Thiệu Chương soạn thêm, Thượng Hải Cổ tịch xbx, 1959, 1963, 1979, 2000] mô tả thì còn một bản chép không đủ (chỉ có 230 quyển) của thư viện Mộc Trì Hiên nhà họ Lý.
77. Đài Thương, viết tắt của Đài Loan Thương vụ ấn thư quán.
78. *Thông chí*, chỉ *Quảng Đông thông chí*, sẽ đề cập ở phần viết về Thông chí.
79. nguyên văn đoạn này trong bản *Khâm định Đại Thanh Nhất Thống chí* 424 quyển [quyển 350, tờ 11] có khác vài chỗ, trích để đối chiếu tham khảo: “七星山, 在文昌縣北, 輿地紀勝在文昌縣有七峰亦名七洲洋山, 通志在縣北一百五十里大海中上多茂林下出溪泉, 航海者必於此取水 採薪. 明天啟時建塔其上, 其東有泉七孔, 晝夜混混不涸”
80. Ghi chép cụ thể về các vùng đất nhỏ như bãi Đại Mạo thông thường địa phương chỉ chép chi tiết hơn tổng chí, nhưng trong *Quỳnh Châu phủ chí* lại chép vắn tắt hơn *Gia*

- Khánh trừng tu nhất thống chí*, độc giả có thể liên hệ chi tiết này với địa danh Đại Mạo châu trong một chi tiết về việc tuần tiễu của quan binh nhà Thanh quanh biển Quỳnh Châu [xem thêm bài viết “Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và biển Đông (Việt Nam) trong *Đại Thanh thực lục* đối chiếu *Đại Nam thực lục*” của Phạm Hoàng Quân, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển số 2 (85).2011, trang 69.]
81. *Hoa Dương quốc chí, 12 quyển* (Đông Tấn) Thường Cừ soạn, bản in trong Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
 82. Vương Mô, *Hán Đường Địa lý thư sao*, phần sưu lục *Quảng Châu ký* của Bùi Uyên (tr. 366- 371); *Thập tứ châu ký* của Hoàng Cung. (tr. 151-152), Bản in chụp do Trung Hoa Thư Cục, 1961,
 83. Bộ *Quảng Đông Thông chí sơ cáo* này tôi chưa tìm được để khảo sát trực tiếp, ở đây ghi nhận theo lời Nguyễn Nguyên trong bài biểu dâng sách *Quảng Đông thông chí 334 quyển* đề năm Đạo Quang thứ hai (1822), trong bài biểu của lần biên soạn bộ thông chí tỉnh Quảng Đông sau cùng thời nhà Thanh này, Nguyễn Nguyên đã nhắc tới 5 bộ thông chí được biên soạn trước đó, [Quyển Thủ, Tự, tờ 3, bản in *Quảng Đông thông chí 334 quyển*, Nguyễn Nguyên, Đài Bắc 1959]; Bộ *Quảng Đông Thông chí sơ cáo 41 quyển* cũng thấy ghi tên sách trong *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 107.
 84. Theo Nguyễn Nguyên [chú thích 83, trên] và *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108. Trong *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên* (1988), nhóm Hàn Chấn Hoa trích dẫn các điều mục liên quan trong bản in mộc bản năm Gia Tĩnh thứ ba mươi bảy (1558). Theo thư mục tham khảo của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập* (1995) thấy có bản in năm Gia Tĩnh thứ bốn mươi (1561).
 85. Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108.
 86. Đây là bộ tôi trực tiếp khảo sát, bộ này nguyên của Thư viện tư gia họ Tá Bá [theo án “Tá Bá văn khố / 佐伯文庫” ở tờ đầu quyển Thủ], hiện nay được giữ tại Thư viện Đại học Waseda, KH: 儿 5- 1508 (71 quyển, đóng thành 32 cuốn). Theo *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục* ghi nhận, thì bộ này 72 quyển, và hiện chỉ còn 10 quyển [là các quyển 23, 37-38, 45-47, 55-56, 68-69], sđd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108. Theo thư mục của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập* (1995) thấy có bản khắc in năm Vạn Lịch thứ ba mươi (1602).
 87. Lưu Bình Quyền, Tuần phủ Quảng Đông từ năm Khang Hi thứ bảy (1668), đến năm Khang Hi thứ mười bốn (1675) mất tại nhiệm sở. [theo *Thanh sử cáo*, quyển 201, Niên biểu các quan ở biên cương 5, Biểu 41. Bản in Trung Hoa thư cục (THTC) cuốn 25, tr.7521]
 88. Theo Nguyễn Nguyên [chú thích 83, trên], bộ này chỉ thấy Nguyễn Nguyên nhắc đến, không thấy các tác giả hiện đại dẫn, cũng không thấy tên sách trong *Trung Quốc Cổ tịch thiện bản thư mục*, cũng không thấy tên sách trong *Tăng đính tứ khố gián minh mục lục tiêu chú* [sđd]
 89. Kim Quang Tổ, Tuần phủ Quảng Tây từ năm Khang Hi thứ tư (1665) đến năm Khang Hi thứ chín (1670) [*Thanh sử cáo* sđd, Biểu 41], từ năm 1670 thăng Tổng đốc Lương Quảng đến năm Khang Hi thứ hai mươi (1681) [*Thanh sử cáo*, quyển 197, Biểu 37. Bản THTC, cuốn 24, tr.7114]
 90. Nhóm Hàn Chấn Hoa, nhóm Trần Sử Kiên [trong *Nam Hải chư đảo địa danh tư liệu hồi biên*, 1987] đều có trích dẫn, cũng thấy trong thư mục tham khảo của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ [trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập*]. Lời Tựa của Nguyễn Nguyên không nhắc bộ này.

91. Hách Ngọc Lân, Tổng đốc Quảng Đông từ tháng 3 năm Ung Chính thứ bảy (1729) đến tháng 2 năm Ung Chính thứ mười (1732) [Thanh sử cáo, quyển 197, Biểu 37. Bản THPT. cuốn 24, tr.7174]. Mục “Đề yếu Quảng Đông thông chí 64 quyển” trong *Tứ khổ toàn thư giản minh mục lục* (1919) và *Tăng đính tứ khổ giản minh mục lục tiêu chú* [sdd] viết Hách Ngọc Lân là Tuần phủ. Tuy nhiên, trong quyển Thủ của bộ *Quảng Đông thông chí* này, mục Danh sách quan viên tu soạn chép là “Tổng tài, Quảng Đông Tổng đốc, thân, Hách Ngọc Lân”, trong lời Cần án khi đưa bộ này vào “Tứ khổ toàn thư”, nhóm Kỹ Quân cũng viết “Quốc triều Tổng đốc Quảng Đông..”.
92. Đây là bộ tôi dùng để khảo sát, nguồn từ bản Văn Uyên Các Tứ khổ toàn thư.
93. *Tăng đính tứ khổ giản minh mục lục tiêu chú* [sdd] ghi sai là 330 quyển.(tr.297)
94. Về sau bộ này lại được khắc in vào năm Đồng Trị thứ ba (1864), năm Dân Quốc 23 (1934) Thượng Hải Thương vụ ấn thư quán in chụp lại từ bản Đồng Trị, năm 1959 Đài Loan Thương vụ ấn thư quán tái bản.
95. Khi nhập một bộ sách nào đó vào “Tứ khổ toàn thư”, các quan Tổng Toàn quán và Tổng hiệu phải viết lời Đề yếu hoặc Cần án. Lời Cần án cho bộ Hách Ngọc Lân có nhắc đến bốn bộ thông chí Quảng Đông thời Minh, gồm của: Đới Cảnh, Quách Phi, Tạ Triệu Chiết và Trương Vân Dục. [bản Văn Uyên Các, quyển thủ, tờ 9]
96. Vì chỉ tập trung cho chủ đề bài viết, nên trong bảng Mục lục đối chiếu này tôi không chép phân mục cho nhiều quyển, trông mắt cân đối, sẽ bỏ tước vào một dịp khác.
97. Xem nguyên văn ở phần trích dịch *Hách chí* quyển 9, quyển 13; Quách chí, quyển 57, mục Sơn xuyên, Nhai châu, viết: “về phía nam châu 20 dặm là Điều Đài Sơn, trên đỉnh có phiến đá như chiếc thuyền dài hơn một trượng, bên trong rộng bốn thước, có vết như nhất kiếm, hang này gọi là Đại Tiểu Động Thiên.
98. “Vạn lý hải phòng đồ” in trong *Vạn lý hải phòng đồ luận* do Trịnh Nhược Tăng soạn vẽ, trong thời Minh Gia Tĩnh (1522-1566), phần biên Quảng Đông 11 tờ (22 trang), tuy số trang ít hơn địa đồ *Hách chí* nhưng tiêu danh nhiều hơn, nhất là khu vực Quỳnh Châu. Xem *Trịnh Khai Dương tập trữ 11 quyển*, bản Văn Uyên Các Tứ khổ toàn thư.
99. nguyên văn hầu hết các sách phương chí mà tôi tham khảo đều không chấm câu, không điểm danh từ riêng, nên đối với những đoạn quan trọng tôi chấm câu và điểm danh qua phiên âm, mong độc giả trợ giúp kiểm tra bản dịch và góp ý để hiệu chỉnh.
100. Nguyên văn viết 郵, do sai từ bộ Phụ ra bộ Ấp, *Quỳnh Châu phủ chí* viết là Thủy 陞, xét thấy đúng nghĩa, căn cứ phủ chí đối là Thủy.
101. 管 và 筥 đồng âm đồng nghĩa, *Dur địa kỷ thắng* và *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* đều viết 管.
102. *Đại Minh nhất thống chí* chép: “từ phủ lý Quỳnh Châu về nam 1110 dặm đến lý sở châu Nhai”, hai con số lệch khá xa. *Hách chí* chép đoạn đường từ phủ lý đến tận bờ biển cực nam, tức vượt qua lý sở châu Nhai thêm 20 dặm, mà con số chỉ có 965 dặm. Hai sách chép lệch nhau 165 dặm
103. *Giao Quảng nhị châu ký*, còn gọi *Giao Quảng nhị châu xuân thu*, Vương Phạm 王範 soạn, đã mất, *Quách chí* có lưu tên sách này trong quyển 63 –Nghệ văn chí. *Thái Bình ngự lãm* [Tông] còn lưu được một số điều mục từ sách này.
104. Trung Hoa Tùng Thư *Quảng Đông Thông Chí*, (4 cuốn), Trung Hoa Tùng thư Biên thẩm ủy viên hội xuất bản, in chụp từ bản Nguyễn Nguyên *Quảng Đông Thông chí*, 334 quyển, Đài Bắc, 1959. Địa đồ “Quảng Đông Dur địa tổng đồ”, quyển 83, Dur địa lược 1, trang 1434-1435.
105. Xem chú thích 60, trên.
106. *Quỳnh Hải phương dư chí* và *Quỳnh Đài ngoại kỷ* đã mất, còn lưu một số điều do các phương chí sau này trích lục.
107. *Quỳnh Đài chí* được khắc in trong niên hiệu Chính Đức (1506-1521) nên các sách thư mục gọi là *Chính Đức Quỳnh Đài chí*, 44 quyển, hiện còn 40 quyển, mất các

- quyển 22,23,43,44 [theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd]. Được biết sách này đã xuất bản, do Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã năm 1964 (ảnh ấn theo bản Ninh Ba Thiên Nhất Các)
108. Trong số các bộ này, *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục* (sdd) chỉ ghi nhận 2 bộ: 1/ *Quyển Châu phủ chí, 10 quyển*, Ngưu Thiên Túc, Chu Tử Hư 朱子虛 và ngt, khắc in trong niên hiệu Khang Hi; 2/ *Quyển Châu phủ chí, 10 quyển*, Tiêu Ứng Thực, Trần Cảnh Huân 陳景墳 soạn tu, khắc in trong niên hiệu Càn Long.
109. *Quyển Châu Phủ chí*, 44 quyển và quyển Thủ, Lữ Đài Hải Nam Đồng Hương Hội ảnh ấn bản, không ghi năm, đóng thành 5 cuốn, đánh thêm số trang Arab liên tục cho 5 cuốn [2.324 trang], Mục lục ghi có địa đồ nhưng trên sách không thấy.
110. *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa khác với bộ chính sử *Hậu Hán thư* của Phạm Diệp-Tư Mã Bru. Viết về thời Đông Hán, ngoài bộ Chính sử còn có 7 bộ khác [xếp vào loại Biệt sử], của Tạ Thừa là một. Người thời Thanh là Ưng Văn Đài 汪文臺 gom bảy bộ làm thành một sách, đề tên là *Thất gia Hậu Hán thư*, 21 quyển.
111. Nguyên văn địa danh này trong *Du địa kỷ thắng* qua các trích lục khác thấy viết là “Tô Mộc, Cát Lăng”, *Quyển Châu Phủ chí* trích lục thiếu chữ Mộc.
112. Chữ Chi bộ Phụ 趾, xét cách viết chữ Chi [tên nước Giao Chi] trong các tổng chí và thông chí qua các đoạn đã trích hầu hết thấy viết chữ Chi bộ Túc 趾,
113. Ngưu Thiên Túc lấy con số dặm đường theo *Đại Minh nhất thống chí*, tức từ phủ lý Quyển Châu đến lý sở châu Nhai 1110 dặm [xem chú 102], cộng thêm 20 dặm đến Tiểu Động Thiên.
114. *Tống Sử*, quyển 47, Bản kỷ 47, Doanh Quốc công, phụ Nhị vương. Bản in THPTC cuốn 3, tr. 939, 943-944. Xem nguyên văn tại *Tống sử* hoặc xem Phạm Hoàng Quân “ Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1, 2011 [trang 66]
115. Trong bản in tôi tham khảo, đoạn văn này “沙立碎入港多無出者人不敢近莫稽其實” có dấu cắt rập từ bản thảo trước khi in, đây cũng là nội dung được chen vào một đoạn “沙立碎入港多無出者人不敢近” so với bản *Hách chí*.
116. Nguyên văn viết: “khả bạc đại thuyền **đại** dư chích / 可泊大船大餘隻”, có lẽ chữ **đại** bị sai từ chữ **thập**.
117. Bộ này đáng lẽ phải phải nằm ở số thứ tự 10 trong bảng biểu [theo năm thành sách], nhưng vì có quan hệ gắn kết với *Nguyên Hoà quận huyện đồ chí* nên đặt làm ngoại lệ
118. Vài liên hệ mở rộng để tham khảo thêm về địa điểm cực nam Trung Hoa, trên phương diện học thuật - tương ứng bối cảnh cuối nhà Thanh và đồng thể loại phương chí – có thể tham khảo *Thanh quốc địa chí* (1881) của học giả người Nhật Ngạn Điền Ngâm Hương 岸田吟香 [Kishida Ginko], trong bài “Thanh quốc dư địa tổng thuyết”, điểm tận cùng cực nam nước Thanh được xác định là châu Nhai với vị trí 18 độ 13 phút. [bản in năm Minh Trị tân ty, Đông Kinh Lạc Thiện Đường, 3 cuốn]. Trên cơ sở chính thống nhà Thanh, có thể tham khảo *Hoàng triều Trung Ngoại nhất thống dư đồ*, [bản tâm sách đề *Đại Thanh nhất thống dư đồ*] quyển Thủ, quyển Trung, 10 quyển Nam, 20 quyển Bắc. Quốc sử quán Biên tu Hồ Lâm Dực 胡林翼 soạn, Binh bộ thị lang Nghiêm Thụ Sâm bổ đính. Đồng Trị nhị niên (1863), Hồ Bắc Phủ thự Cảnh Hoàn Lâu khắc in và giữ bản khắc [皇朝中外壹統輿圖 - 三十一卷首一卷, 光祿大夫振威將軍兵部侍

郎嚴樹森撰, 同治二年鐫, 板藏湖北撫署景桓樓]; hoặc *Càn Long phủ sảnh châu huyện đồ chí, 50 quyển*, (1788) Hàn lâm học sĩ Quốc sử quán Toàn tu Hồng Lượng Cát soạn, Quang Tự ngũ niên (1879) Thọ Kinh Đường trùng san. [乾隆府廳州縣圖志-五十卷, 國史館纂修洪亮吉撰, 光緒五年授經堂重刊]

Đính chính

Phần đã đăng trên Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển số 3 (86) 2011, [từ đầu đến hết phần Tổng chí]

1/ Tạp chí, tr.58, d. 16 dl: “Đô hội quận huyện” sửa lại là: Đô hội quận huyện [lỗi bbt]

2/ *Thái Bình hoàn vũ ký*, chính văn tr. 65 và chú thích 48 viết sai là 197 quyển, sửa lại là 193 quyển [lỗi của người viết]

3/ *Thái Bình hoàn vũ ký*, tạp chí, tr.65, “... châu Vũ Đạo, Giang Tây” sửa lại là “châu Vũ, đạo Giang Tây” [lỗi bbt]

4/ Tạp chí, tr.72, d.3 dl, câu “làm xong năm Càn Long thứ 49 (1784)”, viết lại cho đúng là “làm xong năm Càn Long thứ hai mươi tám (1763). Nhập Tứ khổ toàn thư năm Càn Long thứ bốn mươi chín (1784)” [lỗi của người viết].

Thư mục tham khảo

Đồ tịch cổ đại

Thập Tam Kinh Chú Sớ, phụ Hiệu khám ký, 416 quyển, (Thanh) Nguyễn Nguyên hiệu khắc, Trung Hoa Thư cục ảnh ấn bản, 1979. (2 cuốn)
十三經注疏 附校勘記 四百十六卷, (清) 阮元 校刻, 中華書局影印 1979 (上下二巨册)

Nguyên Hòa Quận Huyện Đồ Chí, 34 quyển, (Đường) Lý Cát Phủ soạn, bản Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880)
元和郡縣圖志, 三十四卷 (唐) 李吉甫 撰- 金陵書局校刊, 光緒六年工竣.

Nguyên Hòa Quận Huyện Bổ Chí, 9 quyển, (Thanh) Nghiêm Quan-Nghiêm Tiên Phủ tục soạn, bản in Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882).
元和郡縣補志, 九卷 - (清) 嚴觀 - 嚴進甫 撰, 光緒八年二月, 金陵書局刊行

Thái Bình Hoàn Vũ Ký, 193 quyển, (Tống) Nhạc Sử soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882); bản in Vạn Đình Lan, Gia Khánh bát niên (1803).
太平寰宇記 一百九十三卷, (宋) 樂史 撰, 光緒八年五月金陵書局刊行; 萬廷蘭本, 嘉慶八年.

Nguyên Phong Cửu Vực Chí, 10 quyển, (Tống) Vương Tồn soạn, bản in Kim Lăng thư cục, năm Quang Tự thứ 8 (1882).
元豐九域志, 十卷, (宋) 王存 撰, 光緒八年五月, 金陵書局刊行

Dư Địa Quảng Ký, 38 quyển, (Tống) Âu Dương Văn soạn, Kim Lăng thư cục hiệu san năm Quang Tự thứ sáu (1880).
輿地廣記, 三十八卷, (宋) 歐陽忞 撰, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣.

Dư Địa Ký Thăng, 169 quyển, (Tống) Vương Tượng Chi soạn, bản in Cụ Doanh Trai, theo bản sao thời Tống của Văn Tuyền Lô, năm Đạo Quang thứ 29 (1849).

輿地紀勝, 一百六十九卷, (宋) 王象之 撰, 道光二十九年秋八月, 懼盈齋 刊板 文選樓影宋鈔本

Phuong Du Thang Lam, 70 quyển, (Tống) Chúc Mục soạn, bản Văn Uyên Các Tứ khố toàn thư, Càn Long bốn mươi ba (1778)
方輿勝覽 七十卷, (宋) 祝穆 撰, 四庫全書文淵閣本 [乾隆四十三年進入]

Thiên Hạ Nhất Thống Chí, 91 quyển, (Minh) Lý Hiền chủ biên, bản in khắc Vạn Thọ Đường, năm Thiên Thuận thứ 5 (1461).
天下一統志, 九十一卷, (明) 李賢 等撰 天順五年, 萬壽堂 刊行

Quảng Đông Thông Chí, 72 quyển, 1 quyển Thủ, (Minh) Quách Phi soạn, lời Tựa đề năm Vạn Lịch nhâm dần (1602), khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619)
廣東通志 七十二卷首一卷, (明) 郭斐 撰, 序題萬歷壬寅, 萬歷間刊行

Hoàng Minh Nhất Thống Kỷ Yếu, 15 quyển, (Minh) Cô Sung soạn, Diệp Cận Sơn san hành, bản in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619)
皇明一統紀要, 十五卷, (明) 顧充 撰, 葉近山 刊行, 萬歷新科.

Quảng Du Ký, 25 quyển, (Minh) Lục Ứng Dương soạn – (Thanh) Sái Phương Bính tăng bổ, bản in năm Khang Hi bính dần (1686).
廣輿記 二十五卷, (明) 陸應陽 撰- (清) 蔡芳炳 曾補, 康熙丙寅刊版

Quảng Đông Thông Chí, 64 quyển, Hách Ngọc Lân 郝玉麟 chủ biên, làm xong năm Ung Chính thứ chín (1731). Nhập Tứ khố toàn thư năm Càn Long bốn mươi sáu (1781).
廣東通志 六十四卷首一卷, (清) 郝玉麟 監修, 雍正九年成, 乾隆四十六年 進入書四庫全書.

Khâm Định Đại Thanh Nhất Thống Chí, 424 quyển, mục lục 2 quyển, (Thanh) Hoà Thân chủ biên (1763), bản Văn Uyên Các - Tứ khố toàn thư (1784)
欽定大清一統志, 四百二十四卷, 和 珅 監修 (乾隆二十八年) 四庫全書文淵閣本 (乾隆四十九年)

Gia Khánh Trùng Tu Nhất Thống Chí, 560 quyển, Mục Chương A - Lý Tá Hiền chủ biên, Đạo Quang thứ hai mươi hai (1842). Bản ảnh ấn Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1966 (11 cuốn) [tái bản từ bản Thương Hải Thương vụ ấn thư quán 1934, nguyên bản do Thanh Sử Quán lưu trữ]
嘉慶重修一統志, 五百六十卷, 穆彰阿 - 李佐賢 監修, 道光二十二年. 臺灣商務印書館影印本, 1966 (11 巨冊).

Quảng Đông Thông Chí, 334 quyển Nguyễn Nguyên giám tu, Trần Xương Tề tổng toàn, khắc in lần đầu năm Đạo Quang thứ hai (1822). Đài Loan Trung Hoa Thư cục, 1959 (4 cuốn).
廣東通志 三百三十四卷 (清) 阮元 監修 陳昌齊 總纂, 道光二年一次刻版.
臺灣中華書局印行, 1959 (四冊).

Quyển Châu Phủ Chí, 44 quyển, Long Bân bổ san (1891), Lữ Đài Hải Nam Đồng hương hội ảnh ấn bản, không ghi năm.(5 cuốn)
瓊州府志 (四十四卷), 隆 斌 補 刊, 光緒十六年, 旅臺海南同鄉會影印版(五冊)

Hán Đường Địa Lý Thư Sao, (Thanh) Vương Mô tập, Trung Hoa thư cục ảnh ấn, Bắc Kinh, 1961.
漢唐地理書鈔, (清) 王謨 輯, 中華書局影印, 北京, 1961

Đôn Hoàng Thạch Thất Địa Chí Tàn Quyển Khảo Thích, Trung Hoa học thuật tàng thư, Vương Trọng Lạc trú- Trịnh Nghi Tú chỉnh lý, Thương Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1993.
敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲犛著 - 鄭宜秀整理, 上海古籍出版社, 1993.

Hoa Dương Quốc Chí, 12 quyển, (Tân) Thường Cừ soạn, bản in Tứ Bộ Bị Yêu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
華陽國志 十二卷, (晉) 常璩 撰, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965

Võ Bị Chí, 240 quyển, (Minh) Mao Nguyên Nghi soạn, bản in Đại Bản thư phòng (Nhật Bản) trong niên hiệu Khoan Chính (1789-1800). [Tham khảo các quyển 189-203 Phương dư, quyển 209-218 Hải phòng].
武備志, 二百四十卷, 明 茅元儀 輯, 日本 寬政重脩, 大阪書坊印版

Lĩnh Hải Du Đồ, (Minh) Diêu Ngu soạn, Thương Vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1937. [Lĩnh Hải là biệt danh của Quảng Đông]
嶺海輿圖, (明) 姚虞撰, 商務印書館, 上海, 1937.

Quảng Đông Tân Ngữ, 28 quyển, (Thanh) Khuất Đại Quân soạn, bản in Mộc Thiên Các năm Khang Hi ba mươi chín (1700)
廣東新語 二十八卷, (清初) 屈大均撰, 潘耒序題康熙庚辰, 木天閣刻本 (1700)

Quảng Đông Khảo Cổ Tập Yếu, 46 quyển, (Thanh) Châu Quảng-Trịnh Nghiệp Hoàng -Trịnh Nghiệp Sùng-Ngụy Hằng tập, Hoàn Độc Thư Ốc san hành, Quang Tự thứ mười chín (1893)
廣東攷古輯要 四十六卷, (清)周廣-鄭業煌-鄭業崇-魏恆 同輯, 光緒十九年癸巳歲春開雕, 藏板還讀書屋.

Trịnh Khai Dương Tạp Trứ 11 quyển, Minh Trịnh Nhược Tăng soạn, bản Văn Uyên Các Tứ khố toàn thư, Càn Long bốn mươi sáu (1781)
鄭開陽雜著十一卷, (明) 鄭若曾撰, 四庫全書文淵閣本 (乾隆四十六年)

Lịch Đại Châu Vực Hình Thế, 9 quyển, (Thanh) Cố Tổ Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973.
歷代州域形勢 九卷, (清)顧祖禹撰, 樂天出版社, 臺北, 1973

Độc Sử Phương Du Kỳ Yếu, 130 quyển, **Du Đồ Yếu Lãm** 4 quyển, (Thanh) Cố Tổ Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973. (6 cuốn)
讀史方輿紀要一百三十卷-輿圖要覽四卷, (清)顧祖禹撰, 樂天出版社, 臺北, 1973 (六冊)

Lịch Đại Diên Cách Đồ, (Thanh) Mã Trung Lân, bản in Kim Lăng Hoài Ninh Phương Nguyệt Thư, Đồng Trị thứ 11 (1872).
歷代沿革圖, (清)馬徵麟撰, 同治十季刻于金陵懷寧方玥署檢

Hoàng Triều Trung Ngoại Nhất Thống Du Đồ, [bản tâm sách đề Đại Thanh nhất thống dư đồ] quyển Thủ, quyển Trung, 10 quyển Nam, 20 quyển Bắc. Nghiêm Thụ Sâm soạn. Đồng Trị nhị niên (1863), Hồ Bắc Phủ thự Cảnh Hoàn Lôu khắc in và giữ bản khắc.

皇朝中外壹統輿圖 - 三十一卷首一卷, 光祿大夫振威將軍兵部侍郎嚴樹森撰, 同治二年鐫, 板藏湖北撫署景桓樓

Càn Long Phủ Sảnh Châu Huyện Đồ Chí, 50 quyển, (1788) Hồng Lượng Cát soạn, Quang Tự ngũ niên (1879) Thọ Kinh Đường trùng san.
乾隆府廳州縣圖志 五十卷, (清)洪亮吉 撰, 道光緒五年春授經堂重刊

Lịch Đại Cương Vực Biểu, (Thanh) Đoàn Trường Cơ, trong *Tứ Bộ Bị Yêu*, Đài Loan Trung Hoa Thư cục, 1965.
歷代疆域表 (清)段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局 -1965

Lịch Đại Diên Cách Biểu, (Thanh) Đoàn Trường Cơ, trong *Tứ Bộ Bị Yêu*, Đài Loan Trung Hoa Thư cục, 1965.
歷代沿革表 (清)段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局 -1965

Quảng Châu Lịch Sử Địa Đồ Tinh Tuý, Trung Quốc đệ nhất lịch sử đương án quán- Quảng Châu thị đương án cục - Quảng Châu thị Việt Tú khu Nhân Dân Chính Phủ biên soạn, Trâu Ái Liên, Tiêu Kính Vinh chủ biên, Trung Quốc Đại bách khoa toàn thư xuất bản xã, Bắc Kinh, 2003
廣州歷史地圖精粹 - 中國第一檔案館, 廣州市檔案局, 廣州市越秀區人民政府 編著 - 鄒愛蓮, 肖敬榮 主編 - 中國大百科全書出版社 - 北京, 2003.

Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành - Địa Đồ [cuốn 101], (Thanh) Trần Mộng Lô-Tường Đình Tích chủ biên (1706). Văn Tinh thư điểm ảnh ấn, Đài Bắc, 1964.
古今圖書集成-地圖 [第一百〇一卷, (清)陳夢雷 - 蔣廷錫 重撰, 成書康熙 四十五年. 文星書店出版, 臺北, 1964

Ngọc Hải, 204 quyển, (Tống) Vương Ứng Lâm soạn, Đài Loan Hoa Văn thư cục ảnh ấn [theo bản in thời Nguyên cất tại Quốc lập Trung ương Đồ thư quán (Đài Bắc)], 1964.
玉海 二百〇四卷, (宋)王應麟 撰, 臺灣華文書局影印國立中央圖書館藏元刊本 (1964).

Tứ Khố Toàn Thư Giản Minh Mục Lục, (Thanh) Vĩnh Dung chủ biên, Tảo Diệp Sơn Phòng thạch ấn bản, 1919.
四庫全書簡明目錄 清 乾隆四十七年 永瑤 總裁, 民國八年掃葉山房校刊

Thư tịch hiện đại

Cát Bộ Luân biên tập - Cát Tuân Lễ hiệu đính, **Địa Lý Khái Luận**, 5 quyển, Thượng Hải Hội Văn Đường xuất bản, Dân Quốc lục niên (1917).

葛陞綸 編輯- 葛遵禮 校訂, **地理概論**, 五卷, 上海會文堂出版, 民國六年 [四年首次出版]

Vương Dung, **Trung Quốc Địa Lý Đồ Tịch Tàng Khảo**, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1947

王庸, **中國地理圖籍叢考**, 商務印書館, 上海, 1947

Hà Mẫn Cầu- Trần Nhĩ Thọ- Trình Lộ, **Trung Quốc Địa Lý Khái Luận**, Chính Trung thư cục, Đài Bắc, 1954.

何敏求 - 陳爾壽- 程潞, **中國地理概論**, 正中書局, 臺北, 1954

Trần Chính Tường “**Trung Quốc Phương Chí Dịch Địa Lý Học Giá Trị**” Luận văn Tiến sĩ, 17/2/1965, Hương Cảng Trung văn đại học.

[陳正祥], **中國方志的地理學價值**, 香港中文大學地理學講座教授 陳正祥 博士就職講演, 17/2/1965, 香港中文大學出版

Cheng-siang Chen “Geographical Evaluation of the Chinese Fang-chih”, Inaugural Address delivered by Prof. C. S. Chen, D.Sc. at the City Hall, February 17, 1965, under the Chairmanship of Dr. C. M. Li, Vice-Chancellor of the University.

Sa Học Tuấn, **Địa Lý Học Luận Văn Tập**, Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, 1972.

沙學浚, **地理學論文集**, 臺灣商務印書館發行, 1972

Lâm Diển Kinh, **Trung Quốc Địa Phương Chí**, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1996.

林衍經. **中國地方志**, 上海古籍出版社, 1996

Phương Thi Minh, **Trung Quốc Lịch Sử Kỷ Niên Biểu**, Thượng Hải Từ thư xbx, 1980.

方詩銘, **中國歷史紀年表**, 上海辭書出版社, 1980

Trần Khánh Kỳ, *Trung Quốc Đại Sự Niên Biểu*, Thương vụ ấn thư quán, Hương Cảng, 1964. [tái bản từ bản in lần đầu năm 1934]
陳慶麒, 中國大事年表, 商務印書館 - 香港, 1964. [首次出版 1934]

Lưu Hồng Huyền, *Trung Quốc Cương Vực Sử*, Võ Hán xuất bản xã, 1995.
劉宏煊, 中國疆域史, 武漢出版社, 1995

Trình Quang Dũ - Từ Thánh Mô, *Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập*, Trung Hoa Văn hoá xuất bản sự nghiệp uỷ viên hội, Đài Bắc, 1955 (2 cuốn).
程光裕 - 徐聖謨, 中國歷史地圖集, 中華文化出版事業委員會出版, 臺北, 1955 (二冊)

Quách Mạt Nhược chủ biên, *Trung Quốc Sử Cảo Địa Đồ Tập*, Địa Đồ xuất bản xã, Thượng Hải, 1980 (2 cuốn).
郭沫若主編, 中國史稿地圖集, 地圖出版社, 上海, 1980 (二冊)

Đàm Kỳ Tương chủ biên, *Trung Quốc Lịch Sử Địa Đồ Tập*, Địa Đồ xb, Thượng Hải, 1982 (8 cuốn).
譚其驤主編, 中國歷史地圖集, 地圖出版社, 上海, 1982 (八冊)

Tư Đồ Thượng Kỳ chủ biên, *Quảng Đông Lịch Sử Địa Đồ Tập*, Quảng Đông lịch sử địa đồ tập biên uỷ hội, Quảng Đông tỉnh địa đồ xuất bản xã, Quảng Châu, 1995.
司徒尚紀主編, 廣東歷史地圖集, 廣東歷史地圖集編委會, 廣東省地圖出版社, 廣州, 1995.

Nhóm tác giả, *Trung Quốc Tri Thức Địa Đồ Sách*, Sơn Đông tỉnh địa đồ xb, Tế Nam, 2009.
中國知識地圖冊, 山東省地圖出版社, 濟南, 2009

Tang Lê Hoà và ntg, *Trung Quốc Cổ Kim Địa Danh Đại Từ Điển*, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1944.
臧勵蘇等編, 中國古今地名大辭典, 商務印書館, 上海, 1944.

Trịnh Thiên Đỉnh - Ngô Trạch - Dương Chí Cửu chủ biên, *Trung Quốc Lịch Sử Đại Từ Điển*, Thượng Hải Từ thư xb, 2000.

鄭天挺 - 吳澤 - 楊志玖 主編, **中國歷史大辭典**, 上海辭書出版社, 2000

Đàm Kỳ Tương chủ biên, **Trung Quốc Lịch Sử Đại Từ Điển- Lịch sử Địa Lý**, Thượng Hải Từ thư xb, 1997.

譚其驤 主編, **中國歷史大辭典 - 歷史地理**, 上海辭書出版社, 1997

Hạ Chinh Nông chủ biên, **Đại Từ Hải- Trung Quốc Cổ Đại Sử quyển**, Thượng Hải Từ thư xuất bản xã, 2008.

夏征農 主編, **大辭海- - 中國古代史卷**, 上海辭書出版社, 2008

Trung Quốc Cổ Tịch Thiện Bản Thư Mục Biên Tập Ủy Viên Hội Biên, **Trung Quốc Cổ Tịch Thiện Bản Thư Mục, Sử Bộ 10 quyển**, Thượng Hải Cổ tịch xb, 1991.

中國古籍善本書目, 史部 十卷, 上海古籍出版社, 1991

Thiệu Ý Thần soạn, Thiệu Chương bổ, **Tăng Đính Tứ Khố Giải Minh Mục Lục Tiêu Chú**, Thượng Hải Cổ tịch xb, 1959, 1963, 1979, 2000.

邵懿辰 撰 - 邵章 續錄, **增訂四庫簡明目錄標注**, 上海古籍出版社, 1959, 1963, 1979, 2000.

Tư liệu ngoài Trung Hoa

Kishida Ginko [Ngạn Điền Ngâm Hương (Quốc Hoa)], **Thanh Quốc Địa Chí** (Hoà văn), bản in Minh Trị tân ty (1881), Đông Kinh Lạc Thiện Đường (3 cuốn).

清國地志, 岸田吟香 (國華), 明治辛巳刻於東京樂善堂 (上, 中, 下 三冊)

Naito Konan [Nội Đằng Hồ Nam (Hồ Thứ Lang)], **Trung Quốc Sử Thông Luận**, nguyên tác Hoà văn (1920-1930), [bản Trung Văn do Hạ Ứng Nguyên giám dịch, Xã Hội Khoa Học Văn Hiến xuất bản, Bắc Kinh, 2002 / **中國史通論**, 內藤湖南 (虎次郎) 和文. 夏應元中文監譯, 社會科學文獻出版社, 北京, 2002]

Joseph Needham, **Science and Civilisation in China - 3**, Cambridge at the University Press, 1959.

Joseph Needham - Colin A. Ronan, **The Shorter Science and Civilisation in China -2**, Cambridge at the University Press, 1986.

[李约瑟 原著 - 柯林 罗南 改编, 中华科学文明史, 上海交通大学 科学史系译, 江晓原 策划 (鈕卫星, 郑燕, 商偉明 译, 关曾建校), 上海人民出版社, 2002]

Albert Herrmann, *An historical atlas of China*, Aldine Publishing Company Chicago, Netherlands - 1966.

Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China*, Copyright Notice exactly in USA Edition, 1999. [史景遷 著, 追尋現代中國, 溫洽溢 譯 時報文化出版, 臺北, 2001]

Phạm Kim Hùng “Đi tìm sự thật về lịch sử hai quần đảo ở biển Đông”; “Một số nhận xét về sách và bản đồ cổ Trung Quốc”, [www. biengioilanhtho.gov.vn](http://www.biengioilanhtho.gov.vn)

Phạm Hoàng Quân “ Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1 (84). 2011, [trang 44- 88]

Phạm Hoàng Quân “Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và biển Đông(Việt Nam) trong *Đại Thanh thực lục* đối chiếu *Đại Nam thực lục*”, tạp chí Nghiên cứu và Phát triển – Sở Khoa học và công nghệ Thừa Thiên Huế, số 2 (85).2011, [trang 49-74]